

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huyện Chiêu Lăng chủ Kho sách Xưa Quán Văn Đường

Ăn cây nào rào cây nấy



Hàng ngày răng giúp ta
nuôi dưỡng cơ thể, răng
đau là ta khổ.

Vậy răng là những viên ngọc quý cần được ta săn sóc và bảo vệ. Quý vị hãy giao trách nhiệm này cho

thuốc đánh răng
Perlom

có ly tử FLUOR
mẫu nhiệm
bảo vệ ngà răng
chống sâu răng.

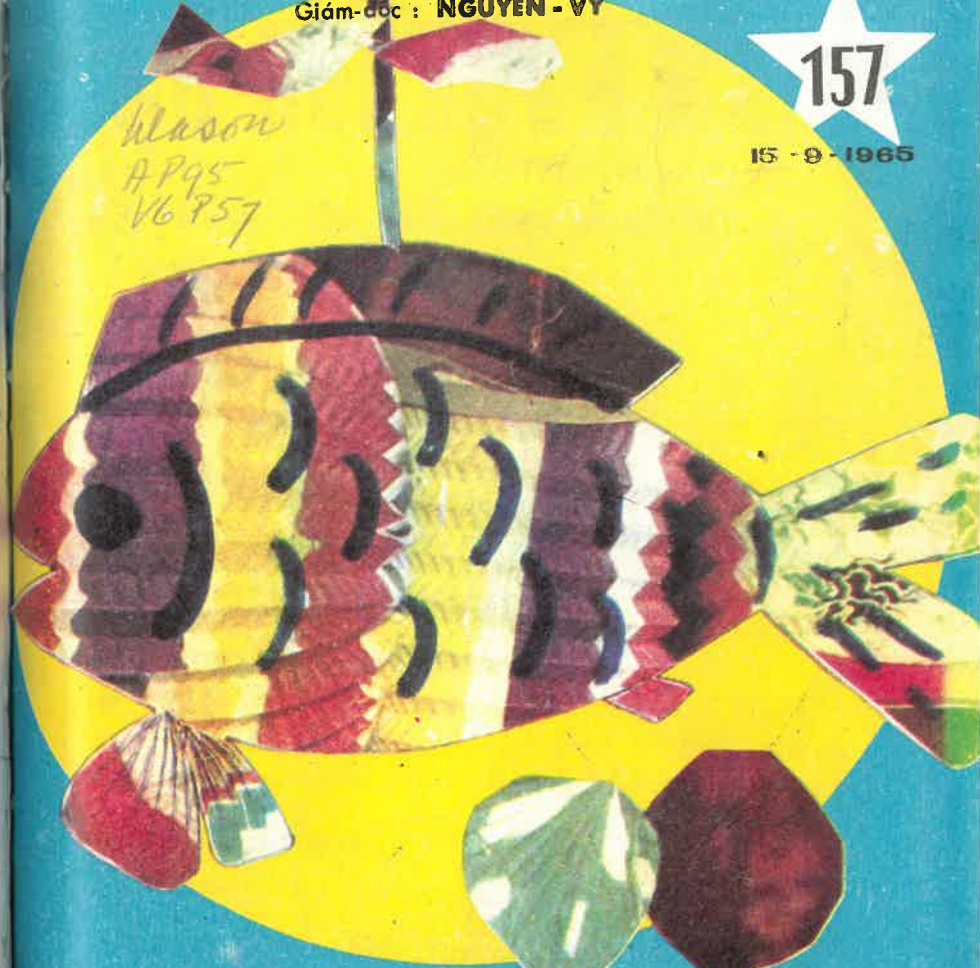


PHỔ THÔNG

Tạp chí Văn Hóa ra ngày 1 và 15

Giám-đọc: **NGUYỄN - VY**

157
15 - 9 - 1965



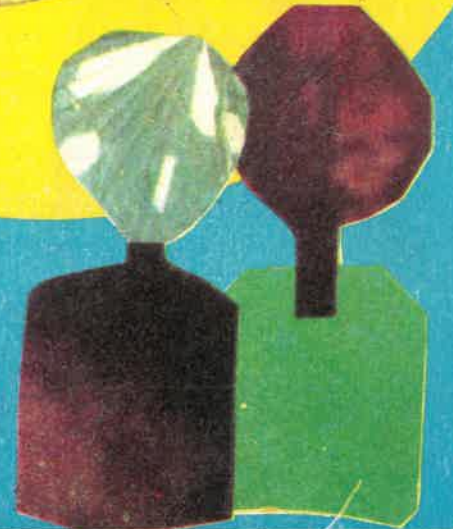
klason
AP95
V6757

TRUNG THU

Đặc biệt kỷ niệm

NGUYỄN-DU

1965



sắp xuất bản, tháng 11-1965 :

MỒ HÔI NƯỚC MẮT

truyện dài tình cảm và xã-hội

CỦA

NGUYỄN - VỸ

(Yêu cầu các Đại lý thân-mến ở Thủ-đô và các tỉnh cho biết trước số lượng cần dùng đủ tiêu thụ ở mỗi địa phương)

sẽ tiếp tục xuất bản :

- « MÌNH ƠI » ! bốn quyển I, II, III, IV
- VĂN-THI-SĨ TIỀN-CHIẾN, ba quyển I, II, III
- THƠ LÊN-RUỘT (Thơ trào lộng về thời thế)
- TUẤN, CHÀNG TRAI NƯỚC VIỆT bốn quyển I, II, III, IV
- GIẤC MƠ HOA . . .

và tất cả các tác-phẩm (Thơ và Văn), đã đăng liên tục trong tạp-chi Phổ-Thông từ số 1.

của DIỆU-HUYỀN — TÂN-PHONG — NGUYỄN-VỸ

PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

GROUP PHAN XAY TIÊU VAN HOA VIETNAM
PHO BIEN VAN HOA DONG TAY KIM CO

Giám-đọc, Chủ-bút : Nguyễn-Vỹ

Tòa-soạn : 233, đường Phạm-Ngũ-Lão, Sài-gon — Đ.T. 25.861



NĂM THỨ VII ★ SỐ 157 ★ 15-9-1965

1.— Nguyễn-Du đã được 200 năm . . .	Nguyễn-Vỹ	6	—	9
2.— Một vì sao sáng trên nền văn học Việt Nam : Nguyễn-Du	Đương-Châu	10	—	15
3.— Vài nhận xét về bài Chiêu Hồn . . .	Phạm-văn-Son	16	—	31
4.— Tâm thu (truyện)	Hoàng-hải-Thủy	32	—	37
5.— Mặt trăng, mặt trời (truyện ngoại quốc)	Ngải-Vân	38	—	40
6.— Tương tri sầu (thơ)	Bửu-Đức			41
7.— Góp ý kiến về giá trị truyện Kiều . . .	Thái-Bạch	42	—	46
8.— Một vụ mưu sát De Gaulle.	Ngọc-Quang	47	—	53
9.— Tàu dạ (thơ)	Trần-tuấn-Kiệt			54
10.— Bức thư Paris	Nguyễn-văn-Cồn	55	—	61
11.— Trăng tím (truyện)	Hữu-Châu	61	—	69
12.— Đêm trăng hồi bóng (thơ).	Song-Thu			70
13.— Không có giải T.Đ.B.N.	T.Đ.B.N.			71
14.— Tuấn chàng trai.	Nguyễn-Vỹ	72	—	76
15.— Nguyệt lão tơ hồng (diễn tích) . . .	Việt.Kim-Dung	77	—	78

16.— Nói chuyện với Y.Vân	Duy-Sinh	79	—	83
17.— Tấu khúc mùa thu (truyện).	Mặc-Tường	84	—	96
18.— Minh oai Mặt Trăng trong truyện Kiều .	Diệu-Huyền	97	—	105
19.— Ký sự tiền tuyến : Ba - Lòng	Nguyễn-Vỹ	106	—	109
20.— Xa rồi... Cẩm Thu (thơ)	Tường-Vân	—	—	110
21.— Người chiến quốc : Tin-lãng-Quán . . .	Thiếu Sơn	111	—	115
22.— Âm thầm (thơ).	Tống-minh-Phụng			116
23.— Vinh Thủy Kiều (thơ)	Cử-Tạ			117
24.— Lửa tình (truyện dài)	Trần-tuấn-Kiệt	118	—	122
25.— Sách báo mới	P. Thông	123	—	124
26.— Đáp bạn bốn phương	Diệu-Huyền	125	—	130



- ★ Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc, (theo thể-lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
- ★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
- ★ Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỔ - THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chí PHỔ-THÔNG » và đừng viết tắt.
- ★ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- ★ Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- ★ Copyright by PHỔ THÔNG, printed in Việt-Nam.

● Tổng. phát hành PHỔ - THÔNG toàn quốc :
ĐỒNG NAI, 270, Đê-Thám — Saigon

● Tổng-phát-hành PHỔ-THÔNG ở Âu-Châu và Phi-châu

● Notre représentant général pour l'Europe et l'Afrique

● Our general agent in Europa & Africa

LONG-HIỆP

13 Rue de la Montagne Ste Geneviève — PARIS 7^e
(vente — abonnements — Publicité)

NGUYỄN-DU

đã sống

200 NĂM

1765

1965

N G U Y Ê N - Du nhất-định là nhà thơ vĩ-
đại nhất của Việt-Nam ở Thế-kỷ XIX và cả những
thế-kỷ trước: Tôi không dám nói đến ngày nay
và những ngày sau, vì chúng ta chưa sống đến hai
phần ba thế-kỷ.

Nhưng Nguyễn-Du đã sống đến thời-dại của
chúng ta, và chắc chắn là sau chúng ta, đến những
thế-hệ xa-xăm của hậu-lai mà có lẽ các nhà Thơ
khác sẽ còn coi ông như một bậc Thành-Thần
trong Đền Thi-Văn của Dân-tộc.

200 năm sau sinh-nhật của ông, và 145 năm
sau ngày ông tạ-thế, Nguyễn-Du hãy còn hiện-diện
với chúng ta, không phải chỉ trong trí nhớ, mà cả
trong đời sống hiện-thực, hằng ngày, hồn-nhiên,
hay phức-tạp.

Những nhân-vật của *Đoạn-trường Tân-Thanh*,
mà ông mượn danh-tính trong một bộ truyện Tàu,
và trước kia không hề ai biết tới, đến cả những
người Tàu, đã trở thành linh-động dưới ngòi bút
tài-hoa hấp-dẫn của ông, và được phổ-biến tự-
nhiên trong các tầng lớp dân-chúng còn hơn tên
tuổi của những anh-hùng trong Lịch-sử.

Chỉ một việc tạo ra một Sở-Khanh, một Tú-
Bà, một Hoạn-Thư, một Từ-Hải... cũng đã là
bất-tử.

Người ta gặp những nhân vật đó khắp các
thời-dại và các tầng lớp xã-hội, mà người ta chỉ
đích danh bằng những cái tên mà Nguyễn-Du đã
đặt ra với vài ba câu thơ.

Một hiện-tượng. Có thể tưởng như những nhân
vật của thần-thoại, với những truyền-ký, sự-tích
mà người ta không cần đọc cũng biết, không cần

học cũng hiểu, như những chuyện mà các bà Nội bà Ngoại kể lại cho con cháu nghe.

Chúng ta không có được, trong lịch-sử Văn-chương và Tư-tưởng Việt-nam, những trí-óc vĩ-đại như Shakespeare, Dante, Goethe, Hugo, Tagore, nhưng thử tìm đâu trong Văn-học-sử thế-giới một Nguyễn-Du mà sáng-tác đi sâu vào tận trong tiềm-thức của một dân-tộc, và trong tập-quán của tất cả các thời-đại?

Cứ khách-quan mà xét, Nguyễn-Du không phải một thi-sĩ tuyệt-diệu. Truyện Kiều chứa rất nhiều khuyết-điểm trong lời văn cũng như trong bố-cục. Nhưng một thời-gian còn lâu lắm sẽ trôi qua trước khi có một thi-sĩ thứ hai như Nguyễn-Du mà nhiệt-hứng dồi-dào và tâm-lý thâm-trầm tế-nhuẩn đã biểu-dương được bảm-chất kỳ-tài của Đất Nước.

Thơ của Nguyễn-Du đã hòa mình vào ngôn-ngữ của Dân-tộc, rất trực-nhiên, như thể được dồi-nắn bằng tinh-tủy của giống-nòi.

Những câu thơ hay nhất của Nguyễn-Du là những câu giản-dị nhất, thuần-túy nhất, Việt-nam nhất. Những điển-tích cầu-kỳ chỉ để làm màu-mè, thêm bóng bẩy mà thôi. Những câu thuần-túy Việt-nam đó đầy rẫy trong truyện Kiều và đã thành như những câu tục-ngữ, bởi vì bình dân, bởi vì hợp-cảnh, hợp-tinh, hợp-lý. Nhưng hơn tất cả những cái đó, bởi vì có thâm-trầm, khúc-chiết, thanh-bai.

Vài nhà phê-bình văn-học Pháp đã so-sánh Đoạn-trường Tân-Thanh của Nguyễn-Du với Mireille của Thi-sĩ Pháp Fr. Mistral (1859), quê ở Provence, viết bằng thổ-âm provençal, và cũng bằng thơ.

Sự so-sánh ấy có phần đúng chút ít ở phương-diện tổng-quát về cốt truyện, về bố-cục. Có thể nói về giá-trị văn-chương nữa. Nhưng trên bình-diện quốc-gia và dân-tộc, thì uy-tin của François Mistral đối với văn-học Pháp, và ảnh-hưởng của Mireille đối với dân-chúng Pháp, — cả ở Provence — không thể nào so-sánh được với Nguyễn-Du và truyện Kiều ở xã-hội V.N. Cách-biệt nhau xa lắm.

Cho đến ngày nay, Nguyễn-Du vẫn còn là đại-diện xứng-dáng nhất của Văn-chương và Tư-tưởng Việt-nam thuần-túy.

Nhà Thơ Tố-Như tự hỏi rằng hơn ba trăm năm sau không biết trong thiên hạ có ai là người khóc Tố-Như chẳng? Nếu khóc tức là yêu, là nhớ, thì tôi có thể nói chắc rằng từ ngày nay cho đến ba trăm năm về sau trong thiên hạ cũng sẽ còn biết bao nhiêu người yêu Tố-Như, và nhắc đến Tố-Như!

★ NGUYỄN-VỸ

Kỷ-niệm 200 năm NGUYỄN-DU ở PARIS

Chúng tôi được biết ông Maurice Durand, giám-học Viện Đại-học Sinh-ngữ Việt-nam, và bạn Nguyễn-trần-Huân, Bác-sĩ, Văn-sĩ, Tổng thư-ký Viện Đại-học Sinh-Ngữ Việt-nam, ở Paris, cùng ông Tạ-Trọng-Hiệp, Phó Tổng thư-ký, Ủy-viên sưu-tầm ở C.N.R.S, có tổ-chức tại Paris một buổi lễ kỷ-niệm 200 năm Sinh-nhật Nguyễn-Du.

Chúng tôi thành thật mong buổi lễ được thành công mỹ-mãn, và tài-liệu trình bày về Nguyễn-Du được dồi-dào đầy-đủ. Chúng tôi xin thân-ái gửi quyền Phê-Thomas đặc-biệt này tặng các bạn gọi là một nén hương lòng của nhóm người yêu Nguyễn-Du ở Quốc-nội.

NGUYỄN DU

TRUYỆN KIỀU

1765 — 1820

MỘT VÌ SAO SÁNG
CHÓI TRÊN NỀN
VĂN HỌC VIỆT-NAM

NGUYỄN

DU

* DƯƠNG-CHÂU

NĂM nào cũng vào tháng này chúng ta, kỷ-niệm nhà đại thi-hào dân tộc Nguyễn Du, người đã để lại cho nước nhà một tác-phẩm có giá - trị không tiền khoáng - hậu, đó là truyện Thúy - Kiều.

Giá-trị của văn-phẩm này bao gồm nhiều khía cạnh và mỗi người chúng ta đều tìm thấy ít ra một vài đặc-điểm làm lý do cho tấm cảm tình của ta đối với nhà thơ Nguyễn - Du.

Truyện Thúy Kiều xét ra không phải chỉ là một áng văn trữ tình, một áng văn tuyệt bút về nghệ thuật một tài - liệu về tâm-tý của mỗi con người, mỗi giới người trong xã-hội. Nó cũng không phải chỉ là một triết thuyết về định-mệnh, một bản án đối với xã-hội đời phong-kiến, một thiên tâm sự của tác giả mà còn là một tác-phẩm rất đáng chú ý về mặt hiện-thực là điều chúng ta hết sức chú trọng ngày nay.

Mấy ngàn năm trở về đây, chế độ phong - kiến đã phát

THÂN THỂ NGUYỄN DU

sinh ra không biết bao nhiêu điều bất công, vô lý đã chà-đạp hạnh phúc và địa-vị của con người, do đó văn chương không phải là đề tiêu-khiên lúc trà dư tửu hậu, đó là một sự việc thấp nhất mà nó cần làm một việc cao cả hơn, nhân đạo hơn là phơi bày cái mặt thật, nhất là cái bộ mặt nhơ bẩn nhất của xã hội để các nhà chính - trị, cách mạng lo tài bồi, sửa chữa.

Cái xã-hội hôm qua và hôm nay thế nào từ Đông qua Tây ở nhiều quốc-gia (dĩ nhiên là quốc-gia lạc hậu) còn có những chuyện quan tham lại những, những chuyện mua bán người về làm đồ chơi hay để khai thác lối thương mại, những chuyện bắt người về hành tội bất kể luật pháp, thù ghét nhau vụ vụ cho nhau, để phá hoại nhau, những chuyện các ngài phương - diện quốc-gia lừa gạt quần chúng như quan Tổng-đốc trọng thần họ Hồ gạt một người con gái giết chồng lấy vợ và bao nhiêu kẻ lưu manh (Tứ-bà, Mã-giám-sinh, Sở-khanh, Bạch-hạnh, Bạch hà v..v..) thừa các bạn, nhiều xã-hội ngày nay còn mang nặng các bệnh hoạn ấy. Như vậy thừa quý vị, trước những thâm kịch của con người, trước cái

địa ngục trần gian ấy, văn chương không làm việc trừ gian diệt ác mà chỉ đề ca tụng kẻ giàu sang, quyền quý hay đề ngâm hoa vịnh nguyệt thì thật là nguy quá.

Văn chương truyện «Thúy-Kiều» nếu chúng tôi không lầm đã chịu ảnh hưởng của đời Lê mạt là một giai đoạn lịch-sử đen tối nhất của nước nhà- Nguyễn Du tiên sinh ra chào đời vào những năm quốc dân Việt-Nam đang đau khổ một cách cùng cực chỉ có những ngọn bút tài tình nhất mới diễn tả nổi những thảm cảnh đã diễn ra.

Tiên sinh húy là Du, tự là Tố Như, hiệu là Thanh-hiền, biệt-hiệu là Hồng-sơn Liệp-hộ, sinh năm Ất-dậu, niên hiệu Cảnh hưng thứ 26 (1765) mất ngày 10-8 năm Minh-Mạng nguyên niên (1820), con thứ bảy của ông Hoàng - giáp - Xuân quận công Nguyễn - Nghiễm, người làng Tiên - điền, huyện Nghi-xuân, tỉnh Nghệ-an. Địa vị của Xuân quận công giữa triều Lê-mạt là Tham-tụng, một chức ngang hàng với chức Thủ-tướng ngày nay.

Bác ruột là Nguyễn-Huệ cùng anh là Nguyễn-Khản đều đỗ tiến sĩ làm đến Lại-bộ thượng-thư. Anh thứ hai là Điều-nhạc-hầu húy là Điều làm Đốc-đồng Sơn-tây (tức là chức Trấn-thủ sau này vào đời Nguyễn-sơ).

Tiên sinh là con bà trắc thất tên là Thấn, người huyện Đông ngạn, tỉnh Bắc-ninh sinh được bốn con trai : Trụ, Nệ, Du và Ưc. Thật là :

*Nền thế phiệt, bậc tài danh,
Văn chương nếp đất thông
minh tính trời*

*Thông minh tài mạo tuyệt vời,
Vào trong phong nhã ra ngoài
hào hoa...*

Bối cảnh xã-hội Việt - nam thời Lê-mạt ? Lần mở những trang sử Việt - Nam vào giai đoạn này, ta thấy phong kiến đời Lê vào những năm cuối cùng của thế-kỷ 18 đang bị một cuộc khủng-hoảng trầm trọng. Cuộc khủng hoảng này đã gây ra hiện tượng phân hóa của chính quyền cũng như của xã-hội rất là rõ rệt. Con cháu người anh hùng đất Lam-sơn giờ phút đó đã tỏ ra bất tài, vô hạnh không còn xứng đáng giữ cái địa vị chí tôn nữa. Xã-hội Việt-Nam mục nát từ

thượng tầng trở xuống nơi dân dã ; nạn nhân của tình-trạng này là lũ dân đen kêu trời không thấu. Nơi nào cũng có tham quan những lại, ác bá cường hào, sau này lại thêm bọn kiêu binh (lính Thanh-Nghệ đã phù vua Lê-Trang-Tông lập ra thời Trung - hưng) cũng tác yêu tác quái khiến dân chúng từ thành thị đến các miền quê bị cướp bóc, hà hiếp, đau khổ không sao kể xiết.

Gia đình chúa Trịnh cũng là mãm loạn. Chúa Trịnh-Sâm mê say Đặng thị Huệ (tức bà chúa Chè người Bắc-ninh) phế trưởng lập ấu khiến có sự lục-đục không riêng trong nội cung mà còn cả ở ngoài triều đình, do đó có 2 phe, một ủng hộ Đặng quý-phí, một ủng hộ Trịnh-Khai con đầu lòng của Chúa. Các quan to nhỏ chỉ lo đua nịnh để kiếm địa vị và không nghĩ gì đến an ninh, trật tự và hạnh phúc của quần chúng đã sống dở chết dở về cuộc phân tranh Nam-Bắc kéo dài từ nhiều đời.

Tiền bạc đổ vào cái lò lửa chiến tranh bao nhiêu cũng là ít lại còn phải cung ứng cho việc ăn chơi xa xỉ, xây đắp điện đài cũng rất nhiều đến nỗi công-khố hao mòn, kiệt-quệ thế thâm. Đề có tài chánh chi dùng cho quốc gia, nhà nước phải làm cả

cái việc tồi bại nhất là buôn quan bán tước, diên luật lệ, phép tắc : Người ta cho quyên, cứ từ từ phăm trở xuống ai nộp được 600 quan tiền thì được đặc cách thăng một bậc—Kẻ bạch-đình nộp được 2800 quan thì được bổ Tri-phủ, nộp 1800 quan được lãnh chức Tri-huyện. Việc thi cử cũng là một việc buôn bán : Năm Canh-ngọ (1750) ai nộp được 3 quan thì được thi không phải qua kỳ khảo hạch (nhờ vậy lái buôn, lái lợn, đồ-tễ cũng nộp quyền đi thi). Thí sinh thuê người làm bài, thông gian với giám khảo. Đời đó đã phê bình trường thi là cái chợ, nghĩa là ai ra vô cũng được, miễn có tiền.

Tuyển lựa nhân tài kiêu này dĩ nhiên hiền tài thì được ít, bọn lưu manh thì nảy nở cả đống, dĩ nhiên việc tham nhũng phải xảy ra. Rồi giặc dã, trộm cướp nổi lên như ong, mấy chục năm liền, xét ra chỉ do tệ chính của triều đình. Các vụ nổi dậy của Hoàng - công - Chất, Võ - trác - Oánh, Nguyễn - danh - Phương, Nguyễn-hữu-Cầu, của các tôn thất nhà Lê do ông Hoàng Lê-duy-Mật xướng xuất đã phản ảnh cái bất mãn và cái cực chẳng đã của nhân dân (Nếu sử kết tội những vụ phiến động này thì thật là oan uổng và phi lý).

Ngoài sự bê bối này, dân còn

phải chịu những cảnh cha mất con, vợ mất chồng vì chiến-tranh, vì lụt lội hạn hán, tai trời ách nước luôn luôn xảy ra khiến người chết đói đầy đường và hàng ngàn làng phải tiêu tán, hàng vạn mẫu ruộng phải bỏ (theo *Chính biên liệt truyện* và *Lịch triều hiến chương* của Phan-huy-Chú).

Hết Nam-Bắc triều đến Trịnh Nguyễn phân tranh và sau Trịnh Nguyễn phân tranh lại tới hai nhà Tân, Cựu Nguyễn nổi tiếp nhau gây cảnh nồi da xáo thịt, thù tặc tương tàn (Nguyễn-Ánh và anh em nhà Tây-sơn).

Xã hội Việt-Nam bị xáo trộn kinh khủng biết bao nhiêu lần thì những kẻ có tâm hồn yêu nước thương dân, có nghĩa khí, đạo đức căm lòng sao nổi...

Nguyễn Du là một chứng minh của thời đại. Tiên sinh đã được nghe kể bao nhiêu thảm họa của Việt-Nam trước khi tiên sinh ra đời. Và đến tiên sinh biết nhận xét, biết nhìn thế sự thì chỉ riêng những sự diễn ra trước mắt tiên sinh đã đủ cho tiên sinh âm thầm chua xót...

*Trải qua một cuộc bể dâu
Những điều trông thấy mà đau
đớn lòng.*

Sau khi đậu Tam trường, tiên-sinh đi làm Thư hiệu ở Thái-Nguyên rồi sau này Bắc-hà mấy

bùng lửa loạn. tiên sinh về quê ở làng Hải-an huyện Quỳnh côi, tỉnh Thái - bình và không tiến thêm trên con đường cử nghiệp nữa không ngoài lý do miền Bắc trải qua nhiều chính biến, Bề khác, sống vào một thời hỗn độn như vậy, kẻ sĩ có tư cách, có nhân phẩm như tiên sinh còn gì đề thiết tha?

Đã không tán thành chế-độ Tây-sơn vì họ hàng tôn tộc và cả mình, còn nặng nghĩa với nhà Lê, sau một thời ở ẩn, ném đủ mùi nghèo túng, bệnh hoạn, tiên sinh đi ngao-du vào miền trong cho khuấy sâu, giải muộn. (Có thể nói gót chân của tiên sinh đã đạp khắp 99 ngọn Hồng-lĩnh), tiên sinh còn có lần tìm đường vào Nam tính mượn tay Nguyễn-Ánh diệt Tây-sơn nhưng công việc bị bại lộ, tiên sinh bị bắt giam ở Nghệ. Sau được tha, tiên sinh không còn cách gì khác hơn là nằm nhà đọc sách cho tới khi Gia-long thống nhất đất nước với tiên sinh ra làm quan.

Lúc này sĩ-dân Bắc-na còn hoang-mang đối với tân chánh quyền, lòng hoài Lê của họ, chưa dứt. Đã vậy sự nghi kỵ giữa lớp người mới cũ còn nặng nề nên nhiều lần tiên sinh cáo bệnh xin về.

Theo *Chính biên liệt truyện*,

vì không tỏ ra sốt sắng lại ít nói năng, có lần tiên sinh bị vua quở trách. Việc này cho ta hiểu rằng tâm sự của tiên sinh chẳng nghiêng về phía triều-đại mới nên sự đóng góp của tiên sinh, với nhà Nguyễn đã rất lơ-là. Trái lại đối với dân thì tiên sinh rất mực thương yêu khi còn làm Tri-phủ Thường tín (ngoài Bắc) và làm Bổ chánh Quảng-bình (Đàng trong) vào năm 1813 tiên sinh được thăng Cản-chánh điện học sĩ sung chức Chánh sứ sang Tàu. Khi trở về nước tiên sinh được thăng Lễ-bộ tham-tri và năm Minh-mạng nguyên niên (1820) tiên sinh lại được cử đi sứ Tàu lần nữa nhưng chưa kịp lên đường thì mất, thọ 56 tuổi.

Tiên sinh là người học rộng kiến thức nhiều, tinh thông binh thư, giỏi cầm kỳ thi họa. Tính nết thì khiêm cần ăn ở giản dị đơn sơ, không tha thiết danh lợi.

Trên phương diện văn-hóa, tiên sinh là người thâm nho-học, Đạo học và Phật-học nên không chịu bó mình vào một nếp sống tâm-thường là lẽ dĩ nhiên. Sách vở thi văn của tiên sinh bằng Hán tự và Nôm cũng khá nhiều. Sách viết bằng Hán tự có:

- 1) Thanh hiền tiền hậu tập
- 2) Bắc hành thi tập (làm trên con đường đi sứ)

3) Nam trung tập ngâm.

4) Lê quý kỷ sự.
 là những sách có giá trị cả nhưng vĩ đại nhất là Truyện Thúy Kiều phỏng theo cuốn trường thiên tiểu thuyết Tàu nhan đề là «*Đoạn trường tân thanh*» của tác giả Thanh Tâm tài nhân. Cuốn sách gốc này không có gì đặc sắc về văn chương duy cốt truyện đã gợi ý cho nhà văn Tiên Điền rất nhiều, hẳn là hoàn cảnh và tâm sự của người kỹ-nữ họ Vương đã trùng hợp với nỗi niềm + u-ẩn của Tố-như tiên sinh do đó tiên sinh đã viết nên thiên kiệt tác.

Trên dưới một trăm năm nay truyện Thúy Kiều đã được nhà trí thức Cự học và Tân học chú ý và phê bình rất nhiều. Nhiều người khen mà cũng có một số chê, đứng trên phạm vi luân lý đạo đức. Nếu so sánh thì phe sùng thượng Nguyễn-Du và truyện Kiều thắng thế, ngay trong giới nhà Nho vốn rất cần trọng về hạnh kiểm của phụ-nữ.

Xét cho phải, một người con gái bị cả một xã hội bất công, ích kỷ xô đẩy vào vũng bùn không bị dơ sao được? Nhưng bản mình chuộc cha, nhờ em nối duyên với người tình, đó là làm được hai điều đại nghĩa trong trời đất, người ta nặng lòng với đạo đức mà hạ rìu búa vào cô gái họ Vương e quá

đáng.

Tây-sương-Ký của Vương-thực-Phủ, là một áng danh văn của Trung quốc một thời cũng bị coi là dâm thư. Thánh Thán là một nhà phê bình nổi tiếng đời Thanh phải lên tiếng: «*Kể nào coi Tây-sương-Ký là một dâm thư, chết xuống âm phủ không khỏi bị giam vào ngục nhờ lưỡi!*» Về phần chúng tôi, chúng tôi nghĩ rằng nếu truyện Thúy Kiều mà phi đạo đức hay luân lý, có lẽ bao nhiêu sách trữ tình từ Đông qua Tây, từ kim đến cổ đều đáng đốt hết và các nhà văn, nhà thơ nên gác bút hết mà thôi.

Hôm nay, kỷ-niệm Tố-Như tiên sinh (mất ngày 10-8), chúng tôi mong mỗi rằng Việt-Nam đã từng nổi tiếng văn hiến chi bang, thi hào R. Tagore năm 1929 đã qua Việt-Nam cho rằng các nhà thơ Việt-nam như Nguyễn-Du, Hồ xuân-Hương, Ôn-như-Hầu, Đoàn thị-Điềm đáng liệt vào hàng V. Hugo, Shakespeare thì thế-hệ chúng ta cũng nên cố gắng theo gót ông cha, chàng lê Việt-Nam chỉ có một Nguyễn-Du đề góp mặt với thế giới hôm qua cũng như hôm nay mà thôi chẳng?



★ *Phạm-văn-Sơn*

MỘT VÀI NHẬN
XÉT VỀ BÀI

XU A cũng như nay, văn chương là phản ảnh của thời đại và văn chương cũng là phản ảnh của tâm-sự con người. Ngoài ra, ta còn có thể nói được rằng những áng danh văn kim cổ, Đông, Tây không bao giờ là chuyện không vui mà cười, không buồn mà khóc.

Văn chương Việt-Nam đối với các nhà văn-học-sử đã có những đặc-diểm liên-hệ đến tình-trạng xã-hội vô cùng mật-thiết. Chúng tôi muốn nói văn thơ Việt-Nam trong khoảng thế-kỷ XVIII và XIX. Và nói đến văn thơ Việt-Nam trong giai-đoạn này của Lịch-sử, ta phải kể đến

**CHIỀU
HỒN
của
NGUYỄN
DU**

Chinh-phụ-ngâm, Tản-cung-Oán, Truyện Kiều. Thơ của Hồ-xuân-Hương, thi-phẩm « *Sơ Kinh tân trang* » của Phạm-Thái v.v... cùng một số tác phẩm nữa đã thất-lạc tên tác-giả như các cuốn « *Phạm-Công, Cúc-Hoa* »,

MỘT VÀI NHẬN XÉT

« *Phạm-Tài, Ng c-Hoa* »,
« *Tống Trân Cúc Hoa* »,
« *Phương-Hoa* », « *Phan-Trần* »,
« *Hoàng-Trừu* » v.v...

Về đại cương đây là những áng văn hay truyện dài bằng thơ theo các thể lục bát, lục bát gián thất, hay song thất lục bát đã nói lên những chuyện bi thảm của thời đại, của xã-hội trên nhiều khía cạnh khác nhau. Tỉ dụ : « *Chinh-phụ-ngâm* » nói lên những oán hận của những người vợ có chồng lẩn lóc ngoài chiến-trường đã dề lơ tuổi xuân. — *Tản-cung-Oán* là những lời phẫn uất của những cô gái đại bất hạnh vì có nhan sắc được quân vương chiếu cố rồi suốt đời bị giam mình trong cung cấm ít khi được ánh mặt trời soi tới (xin hiểu theo cả nghĩa bóng) — *Truyện Kiều* vẽ lên cái ácdộc của chế độ phong kiến đã thác sinh ra bao nhiêu chuyện bất công khiến con người bị vùi dập, bóc lột, áp bức không lối thoát trước những thực tại hết sức phũ phàng. Với những tác phẩm khác ta cũng thấy các tác giả lên án những thói nát của xã hội mà các nạn nhân muốn vùng lên phản kháng nhưng thiếu điều kiện rồi phải tìm đến cái thế giới siêu hình mông lung, trừu tượng của tôn-

giáo hay bám víu vào thuyết Định-mệnh làm nguồn an ủi :
Lấy câu vận mệnh khuấy dần nổi thương

(*Truyện Kiều*)

*Muốn nhờ đức Phật từ bi,
Giải oan cứu khổ cùng về Tây phương-*
(*Chiêu-hồn*)

Hôm nay chúng tôi xin đơn cử một bài thơ, một bài văn tế của Nguyễn-Du tiên sinh đã được mệnh danh là bài thơ *Chiêu hồn* hay bài *Văn tế thập loại chúng sinh* đã vẽ nên những cái bi thảm của kiếp người dưới chế độ phong kiến. Bài này không dài bao nhiêu nhưng đủ để nói đến cái hoàn cảnh của mỗi con người trong xã hội phong kiến. Nó nói đến cái sống bi thảm và bấp bênh đầy túi hận của không những của mỗi cá nhân và mỗi giai cấp nữa trong khi chính giai cấp vua quan cũng không nuôi dưỡng cho mình được một địa vị vững vàng trường cửu. Tác giả đã đưa vào đây thêm một triết lý chánh trị và nhìn sự việc cả bằng con mắt của những nhà tôn giáo, của đức Phật Thích-Ca hay Chúa Ky-tô. Thật là vô tư, thật là khách quan vô cùng.

Như vậy tác phẩm của Ôn-

như-Hầu, của Đặng-trần-Côn, Đoàn-thị-Điêm, Hồ-xuân-Hương, Nguyễn-Du đã phản ảnh xã hội dưới những bộ mặt, dưới những tình trạng và qua các biến cố nào ?

Sử sách của chúng ta đều chép: dưới đời Lê Mạt, chế độ phong kiến đi sâu vào con đường bế tắc. Cuộc chiến tranh giữa nhà Lê và Mạc bắt đầu từ 1527 đến 1592 mới tạm chấm dứt. Tiếp tới là cuộc tranh giành vương bá giữa hai họ Trịnh, Nguyễn dưới danh nghĩa « *Phò Lê* » cũng kéo dài đến cuối thế kỷ 18 mới yên do sự xuất đầu lộ diện của nhà Tây-Sơn trên sân khấu chính-trị Việt-Nam.

Suốt ba thế kỷ vua quan Đàng ngoài lũng cùng với nhau, giết chóc nhau vì quyền lợi, vì địa vị rồi còn lôi cuốn nhân dân vào chiến sự hết thế hệ này qua thế hệ khác. Chính quyền lúc này chỉ là một bộ máy đề bóc lột, đề áp bức và chà đạp đời sống của nhân dân. Những công cuộc nâng đỡ nông nghiệp, chỉnh trang đê điều, khuyến khích tầm tang hầu như hoàn toàn quên lãng, đã thế nạn tham nhũng của quan lại, cường hào bành trướng mỗi ngày một mạnh, khiến vào năm 1737 nhân dân phải vùng

lên đề tự cứu. Do căn nguyên này mà có những phong trào khởi nghĩa của Nguyễn - Tuyền, Nguyễn - Cử, Võ - trác - Oánh, Nguyễn-hữu-Cầu, Nguyễn-danh-Phương, Lê-duy-Mật v.v... khắp các vùng Sơn Nam, trấn Hải dương vào tới Thanh-Nghệ lai rai trên ba chục năm đồng.

Ở Đàng-trong số phận đồng bào ta cũng không may mắn hơn với các nhà Chúa họ Nguyễn. Một bề dân chúng phải đóng góp cho sự xây thành đắp lũy, góp tiền bạc cho thuế khóa, góp thóc gạo, trâu bò cho quân đội lại còn đề phục vụ cuộc xâm lược vào đất Chàm do chương trình mở rộng thế-lực của Nam-hà. Bề khác đám vua quan ở đây cũng ăn chơi xa xỉ, cũng vor-vét của dân cho đầy túi tham. Vì thế đã có truyện Ông Tả-ngoại Trương-phúc-Loan đem vàng phơi đầy sân trong một năm lụt, rồi dân chết đói đầy đường đã mở màn cho cuộc đột khởi của ba anh em người anh hùng áo vải từ An-Khê xuống đất Qui-Nhon, mạnh như trận cuồng phong ngoài biển cả. ¶

Nguyễn-Du tiên sinh ra đời vào cuối thời Lê mạt. Từ lúc niên thiếu đến lúc trưởng-thành,

tiên sinh đã được mục-kích bao nhiêu thâm-trang của xã-hội Việt-Nam, lại đến sau này với đời Nguyễn-sơ con người nặng lòng yêu thương đồng bào, xứ sở cũng chưa được thấy một nguồn an-ủi.

Vì sao ? — Thưa vì con người đứng giữa ba thời-đại và triều-đại (Lê mạt, Tây-sơn và Nguyễn-sơ) vẫn phải nhìn thấy những cảnh điêu-linh, khốn cùng của xã-hội mặc dầu vào quãng ngày chót của mình cuộc huynh-dệ tương tàn đã kết liễu. Chánh quyền cũ của con cháu vua Lê-thái-Tổ và của nhà Tây-sơn cáo chung, nhân dân Việt-Nam có thay trò đời cảnh, thay thầy đời chủ thì chế-độ quân phiệt (chế-độ Tông-trấn ở Nam-Bắc-hà) vẫn chẳng hơn xưa. Chứng cứ là ngày thời Gia-Long vừa mới lên ngôi (1802) 5 năm sau đã có mấy chục vụ nổi dậy của dân chúng và sĩ phu miền Bắc. Tiếp đến đời Minh Mạng và Thiệu - Trị, Tự-Đức hàng trăm vụ phiến động cũng ào ạt phát động từng khiến cho bản triều nhiều phen hoảng hốt phải tận dụng binh hùng, tướng mạnh thẳng tay đàn áp.

Hôm qua máu chảy đầu rơi, đói rách điêu linh thì nay lại đất

lầm cát bụi, làng mạc tan hoang. Hết cơn ác mộng nọ đến cơn ác mộng kia, còn dân tộc nào vô phước hơn dân tộc Việt Nam trong mấy thế kỷ gần đây ?

Bài Văn tế *Thập loại chúng sinh* hay bài thơ *Chiêu hồn* của Nguyễn-Du tiên sinh vì thế đã tố cáo hùng hồn cuộc xáo trộn toàn cục xã hội Việt-Nam bởi không một giai cấp nào đứng ngoài cảnh đau thương này, từ những người xưa nay sống trên lầu son gác tía đến những kẻ kéo lê ngày tháng xô chợ đầu đường, từ những kẻ nạn nhân chiến tranh, những nạn nhân của cuộc đổi thay triều đại, thiên tai dịch họa đến bọn tù đầy vong mạng, gái buôn hương bán phấn, kẻ đi buôn lang thang cuối bến đầu ghềnh, v.v...

Tất cả những kẻ này mỗi người mang một kiếp sống chết rui ro riêng biệt đều thành đối-tượng trong tác phẩm *Chiêu hồn* của nhà văn Nguyễn-Du. Và trước mùi khói hương nghi ngút, các cô hồn vất vưởng đã được tiếng mõ câu kinh kêu gọi tới nghe lời vỗ về an ủi về các cái chết oan khổ rùng rợn bi thảm và về cái số phận hăm hiu của họ ngõ hầu được siêu thoát qua một thế giới khác cho được nhẹ nhàng.

mát mẻ. Thế giới đó dĩ nhiên không phải còn là vòng luân hồi đề rồi lại liên tiếp ném mùi tục lụy, mà là cõi Niết-bàn bất diệt, muôn ngàn năm hạnh phúc không cùng.

Đề mở đầu, tác giả đã lợi dụng cái khung cảnh buồn thảm của mùa thu lạnh lẽo và ú-rớt giữa ngàn cây nội cỏ mà nói lên cái buồn thảm của nội tâm trong khi kêu gọi các cô hồn từ những cõi u-minh mờ mịt xa lác tới cùng nhau thông cảm :

Tiết tháng bầy mưa dầm xùi-xụi.
Toát hơi may lạnh lẽo xương-khô
Nào người thay buổi chiều thu,
Ngàn lau nhuộm bạc, lá ngô rụng vàng.

Đường bạch dương bóng chiều
man mác

Dịp đường đề lác-đác sương sa !
Lòng nào lòng chẳng thiết tha,
Cõi dương còn thế nữa là cõi âm...
Trong trường dạ tối tăm trời đất
Có khôn thiêng phảng phất u-minh
Thương thay thập loại chúng sinh
Hồn đơn phách chiếc lênh đênh
quê người...

Hương lửa đã không nơi nương
tựa,

Hồn mờ cõi lẩn lửa mấy niên,
Kẻ chi ai khó ai hèn,

Còn chi mà nói kẻ hiền người
ngu...

Những cô hồn đó thuộc những loại nào ? Ở đây Nguyễn-Du đã đưa ra mọi con người giai cấp khác nhau.

Những kẻ đã phất cờ khởi nghĩa :

Cũng có kẻ tính đường yêu hân
Trí những lăm cất gánh non sông.

Những kẻ quý tộc giàu sang :
Cũng có kẻ màn loan trướng huệ,
Những cây mình cung quế phòng
hoa.

Những quan lại có nhiều quyền
bính :

Kìa những kẻ mũ cao áo rộng,
Ngọn bút son sống thác ở tay.

Những võ tướng :
Kìa những kẻ bày binh bố trận,
Đòi mình vào lấy ấn nguyên
nhung.

Những kẻ hào phú :

Cũng có kẻ tính đường chi phú,
Làm tội mình nhịn ngũ kếm ăn...

Những kẻ nho sĩ :

Cũng có kẻ rập cầu chữ quý,
Dẫn mình vào thành thị lân la,
Mấy thu lia cửa lia nhà,
Văn chương đã chắc đầu mà chí
thân.

Những khách giang hồ :

Cũng có kẻ ra sông vào bể,
Cánh buồm mây chạy xế gió
đông,

Những người thương mai :
Cũng có kẻ đi buôn về bán,

Đòn gánh tre chín dạn hai vai.

Những binh sĩ :

Cũng có kẻ mắc vào khóa lính,
Bộ việc nhà gồng gánh việc quan
Nước khe con vắt gian nan
Đãi dầu ngàn dặm lăm than
một đời.

Những gái buôn son bán phấn:

Cũng có kẻ nhờ nhàn một kiếp,
Liều tuổi xanh buôn nguyệt bán
hoa,

Ngân nợ khi trở về già
Chồng con đâu tá biết là cậy
ai?

Những kẻ ăn xin :

Cũng có kẻ năm cầu gối đất,
Rời tháng ngày hành khất ngược
xuôi.

Những kẻ tù tội :

Cũng có kẻ mắc đoàn tù rạc,
Gửi mình vào chiếu rách một
manh.

Phần cuối cùng của bài Chiêu hồn còn nêu ra một cách tỉ mỉ những trường hợp yêu vong, uồng tử, không phải tác giả chỉ nghĩ tới mười loại chúng sinh mà thôi. Những trường hợp này được kêu gọi đến thiết tha không kém theo quan niệm của tác giả mọi người đều bình đẳng trước cái chết thì cũng phải được bình

đẳng trước tình thương, tức là không ai bị bỏ rơi hết. Ý niệm này quả thật vô cùng cao đẹp !
Kìa những kẻ tiều nhi tắm bé
Lỗi giờ sinh lia mẹ lia cha,
Lấy ai bằng bể xót xa
U-ơ tiếng khóc thiết tha nỗi
lòng.

Kìa những kẻ chìm sông lạc
suối,

Cũng có người sầy cối sa cây,
Có người đào giếng đứt giây,
Người trôi nước lũ kẻ lìa
thành.

Người thì mắc sơn tinh thủy
quái,

Người thì vương mảnh hái
ngà voi,

Có người hay đề không nuôi,
Có người sa sáy có người
khốn thương...

Đọc đoạn văn này ai mà không thấy rung mình, xót xa và nếu đọc vào lúc đêm khuya canh vắng ta không khỏi có cảm tưởng như nghe thấy tiếng than khóc não nuột của các oan hồn từ khắp ngàn cây nội cỏ vắng tới hay từ đáy quan tài phát ra ?

Tuy nhiên, qua những lời kêu gọi, vô vè, xót thương dưới nhãn quan từ bi, bác ái của Nguyễn Du tiên sinh ta thấy một số người được tác giả dồn cho nhiều cảm

quyền lợi và địa vị mãi đâu và họ
đâu có thoát khỏi được cái
công lệ có sống thì phải có chết,
có thịnh thì phải có suy, rồi :
*Ngàn vàng khôn đổi được mình,
Lầu cao viện hát tan tành còn
đâu ?*

Khi về cõi âm, hồ-sơ tội ác
của họ chất tầy non, họ như
không còn hy-vọng gì được siêu
thoát khỏi ngục A-tỳ.

*Cô hồn thất thểu dọc ngang,
Nặng oan khôn nhẽ tìm đường
hiếu sinh...*

Các quan cầm cân nảy mực
trước nhân dân đã nhiều ác-căn
thì các ông tướng yõ nhiều tham
vọng cũng không ít chuyện phải
thanh-toán với Diêm-la, địa-phủ.
*Gió mưa sấm sét ùng ùng,
Rất thây trăm họ làm công một
người.*

Nếu như các người cầm ấn
nguyên-nhung chống xâm lăng,
bảo vệ dân tộc, giữ trật tự an
ninh cho dân chúng làm ăn thì
đâu họ có tội theo ý-nghĩa câu
« nhất tướng công thành vạn cốt
khô ». Đây là trường-hợp của
những tên quân-phiệt a-dua với
đám thống-trị đã lấy xương máu
của quần chúng xây dựng những
quyền lợi ích-kỷ của họ về vật
chất cũng như tinh thần. Rồi
trong những kẻ lừa dân chúng ra

ngoài chiến trường để giành nhau
quyền khuynh thiên hạ, cũng có
khi không giết được người mà bị
người giết cũng là chuyện thường
có.

*Khi thất thế tên roi đạn lạc,
Bãi sa trường thịt nát máu trôi.
Mệnh mông góc biển chân trời,
Năm xương vô chủ biết rơi chốn
nào ?*

Với những kẻ hào phú Nguyễn-
Du cũng không tán thành cái lối
sinh nhai của họ. Bọn này
quanh năm chỉ lo làm
giàu, thường bóc lột dân
nghèo bằng những chuyện cho
vay nặng lãi, buôn bán thì đầu
cơ một vốn bốn lời, dong đây
bán voi hay mua rẻ bán đắt...
họ cũng thuộc loại ích kỷ, vô
lương tâm, vô nhân đạo và rất ít
kẻ hiểu nhân nghĩa là gì. Đã vậy
còn có những kẻ chỉ biết chấp
nhận, lấy cái việc tiền kho thóc
đụn làm thú sống, không chịu cho
tài hóa lưu thông. Trước những
con người chí phú đó, Nguyễn-
Du đã quan niệm họ là kẻ ngu
ngốc ngoài cái tội bất lương trên
phương diện này hay phương
diện khác.

*Khi nằm xuống không người
nhấn nhủ,
Của phù vân đâu có như không*

*Sống thời tiền chảy bạc ròng,
Thác không đem được một đồng
nào đi.*

Nói cách khác, Nguyễn-Du chê
bai loại thần giữ cửa, loại trọc
phú và trái lại đã tán thành cái
nhân sinh quan bình dân rất thiết
thực qua câu ca dao :
*Vua Ngô ba mươi sáu cái tàn
và g*

*Chết xuống âm phủ chẳng mang
được gì.*

*Chúa Chờm rượy đánh tì tì,
Thác xuống âm phủ kém gì vua
Ngô !*

Tóm lại, với hạng người này
Nguyễn-Du đã thấy họ có chỗ
đáng thương là vì ngu ngốc, họ
đã tự đẩy họ suốt đời trong
việc lo cóp nhặt để làm giàu, tự
chước lấy sự khổ ải « *Làm tội
mình nhin ngủ kém ăn* ».

Nhưng Nguyễn-Du đã nghĩ gì
về thành phần quý tộc trong đó có
mình ? Cái thành phần này cũng
chìm nổi, lênh ãnh rất nhiều qua
các biến thiên của thời đại kể
từ khi có chuyện Nam-Bắc-Triều
(Lê — Trịnh chống nhau với
Mạc, và sau đó là Trịnh—Nguyễn
phân tranh rồi qua thời Tây-Sơn
đến Nguyễn - Sơ). Cái đám
cô hồn vất vương ngoài
múi cao, ngàn cây nội cỏ, nơi

biển thăm, khe suối mắt
đầm hôm qua cũng như hôm nay,
thiếu gì kẻ thuộc cành vàng lá
ngọc. Nguyễn Du cũng có lên án
hay mỉa mai họ qua câu « *màn
loan trướng huệ* » và « *những cây
mình cung quế phòng hoa* »,
nhưng cũng có cảm thương họ về
những nỗi khổn cực chìm nổi mỗi
khi thời thế đảo lộn.

*Một phen thay đổi sơn hà,
Mãnh thân chiếc lá biết là về đâu ?*

Xin nhắc rằng các quý tộc đời
Lê-Trịnh ngay trong thời bình sinh
của Nguyễn Du, và ngay cả cha chú
anh em của Nguyễn Du (*cha của
Nguyễn Du là Nguyễn Nghiêm
tức Xuân quận công, và chú bác
của tiên sinh cũng là những đại thần
thứ thời*) cũng đã rất gian nan từ
khi có vụ kiêu binh hiếp vua hiệp
chúa rồi nhà Tây-sơn nổi lên đập
tan phong kiến Bắc-hà như trúc
chẻ ngói tan trong khoảnh khắc.
Qua đời Nguyễn sơ, Nguyễn Ánh
cũng không cảm tình gì với đám
cổ thần của vua Lê, chúa Trịnh,
ở đây Nguyễn tiên sinh cũng là nạn
nhân của những quốc biến. Vậy
ta không ngạc nhiên khi nghe thấy
tiếng thở dài não nột của tác giả
ở đoạn thơ như sau :

*Trên lầu cao dưới dòng nước
chảy,*

Phận đã đành trâm gãy bình rơi
 Khi sao đông đúc vui cười,
 Mà khi nhắm mắt không người
 nhất xương

Đau đớn nhẽ không hương không
 khói,

Luống ngẩn ngơ trông cõi rừng xim
 Thương thay chân yếu tay mềm,
 Càng năm càng héo mỗi đêm mỗi
 dài...

Đọc đoạn văn này ta không thể quên đoạn lịch-sử quân Tây-sơn vào tàn phá thành Thăng-long, các văn thần võ tướng của nhà Lê bại trận chết thảm ở khắp nơi từ vùng Sơn-Nam qua trấn Kinh-Bắc, cung điện chìm trong khói lửa, vàng đá ra tro bụi. Vua Lê-chiêu-Thống và bọn thủ-túc, quan to quan nhỏ chạy quanh trong nước, chạy cả ra ngoài nước như chim vỡ tổ. Cái thù hận đối với kẻ chiến thắng chưa nguôi thì với Gia-long, các cố-thần nhà Lê còn cay chua gấp bội. Vì sao? — Vì họ Nguyễn từ khi di-chuyển vào Thuận-hóa vẫn tuyên bố phò Lê, vẫn lấy niên hiệu của Lê-Triều (Cảnh-hung) từ ông cha đến con cháu nên mới được sự ủng hộ của sĩ-dân toàn quốc bấy lâu không tán thành họ Trịnh là kẻ lộng-thần. Nhưng sau khi diệt được con cháu

Nguyễn-Nhạc, Nguyễn-Huệ, Nguyễn-Ánh đã dẹp bỏ trắng trơn cái chiêu bài phò Lê rồi lên ngôi hoàng-đế trước con mắt bơ ngỡ, trước sự thảng thốt của mọi tầng lớp xã-hội Việt-Nam.

Vậy Nguyễn-Du cảm thương một số quý tộc không phải là không có lý, Nguyễn-Du thương người và thương cả mình đã diên bá vì cái nghĩa quân thần phụ tử, chớ thương dẫu đám quý tộc thống trị, bóc lột, áp bức dân.

Họ Nguyễn đã tìm thấy hình ảnh của mình trong đám cành vàng lá ngọc này và nghĩ rằng họ đáng hưởng nguồn cảm thương. Ít nhất tâm sự của tác-giả bài *Chiêu hồn* là vậy, ta còn có thể nghĩ khác được chăng?

Một điểm nữa đáng được lưu ý: trong đoạn văn này ta còn thấy thi-sĩ có sự hoài cảm cái quá khứ vàng son đã qua mà thi-sĩ coi là đẹp đẽ nhất nhưng không cứu vớt được. Đây là một hiện-tượng tất nhiên về tâm-lý của con người đối với quá khứ nhất là cái quá khứ ấy huy hoàng, rực rỡ đã in sâu vào tâm khảm nhiều kỷ niệm đầm ấm. Thực vậy, ai mà không biết rằng họ Nguyễn làng Tiên-Điền (tỉnh

Nghệ-an) đã lừng danh là thế thần đời Lê từ giai đoạn trung hưng; cha tiên sinh là Nguyễn Nghiễm đậu Tiến sĩ tước Xuân Quận-công, các chú là Nguyễn-Khản, Nguyễn-Điền, cũng là những nhà khoa mục có nhiều uy vọng, kẻ giữ chức Tham-tụng, người giữ chức Đốc-Đổng (Đốc Đổng Sơn-tây, tức là chức trấn thủ). Họ Nguyễn sinh sống với Bắc-hà nhiều hơn với Thanh-Nghệ và đã có nhiều cảm tình vì nơi này là đất ngàn năm văn vật. Ngoài ra mẹ và vợ của tiên sinh là dân Bắc nên địa phương này không khỏi có thêm nhiều ảnh hưởng đối với tiên sinh. Đã vậy cái khung cảnh thi thư lễ nghĩa của xứ Bắc còn đượm nhiều màu sắc văn nghệ ở những nơi tiên sinh ăn học và giao du. Rồi bao nhiêu cái lộng lẫy, huy hoàng của thuở thanh-bình cũng như bao nhiêu cái mục nát, bi thảm của thời loạn ly đã diễn ra trước mắt Nguyễn-Du không biết bao nhiêu lần, do đó mà tiên sinh đã thành chứng nhân của thời đại. Tất cả những thứ này đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến tâm hồn của con người thi nhân, nhất là những sự sa đọa của phong kiến, những làm than của chiến cuộc đã được phát hiện

ra trước nhãn quan của tiên sinh trong khi tiên sinh đang sáng tác ra bài «Vấn tế thập loại chúng sinh» cùng biên soạn cuốn truyện Kiều.

★

Trước khi hạ bút viết lên những lời thơ đầy tình thương tha-thiết mà ta có thể nghĩ rằng mỗi lời thơ của nhà văn Tiên-Điền (Tiên-Điền là tên làng của Nguyễn-Du) là một dòng lệ, điều chắc chắn là tiên-sinh đã duyệt kỹ lại bối-cảnh của xã-hội đương-thời và trước đó bởi cái thực-tế bi-đát, phũ-phàng của nước nhà đã biểu-hiện từ hai thế-kỷ trước, có phải dẫu chỉ trong mấy chục năm cuối của đời Cảnh-hung.

Bài «Chiêu hồn» quả xứng đáng là một áng văn tuyệt bút và thái-độ của nhà văn quả là vô cùng nhân đạo. Tuy nhiên, ở thái-độ của tiên-sinh ta cần phải xét lại một vài điểm để hiểu biết thêm tâm trạng của thi-nhân giữa khung cảnh xã-hội đời bấy giờ bởi người và hoàn cảnh là hai yếu-tố hết sức mật thiết để cấu tạo nên một thi-phẩm.

Không ai chối cãi rằng lời thơ của họ Nguyễn không chứa đầy những tư tưởng nhân đạo, đồng thời cả những tư tưởng từ-bi, bác ái bắt nguồn từ những thống

khô của nhân dân. Bên cạnh những tư-tưởng này lại có những cái buồn ray rứt của « *Chính phủ ngâm* » hay cái bế-tắc của « *Tần cung oán* » nó làm nổi bật tính cách bi-quan tuyệt vọng của tác-giả cũng như của một số lớn nhà văn khác của thế-kỷ XVIII. Nói cách khác, nhà văn của chúng ta chỉ có biết than phiền cho những kẻ bị thiệt-thời dưới chế-độ phong kiến mà không có phản-ứng nào khác, hữu ích hơn là đưa ra những lời thơ. Đề tìm một lối thoát cho sự u-uất nghẹn ngào, nhà văn lẫn trốn vào thuyết Định-Mệnh hay triết-lý hầu như tiêu-cực của tôn-giáo.

Nguyễn-gia-Thiều bắt đầu trong *Tần-cung-Oán*, và biện-minh cho sự bất lực của mình bằng câu :

« *Quyền họa phúc trời tranh mất cả,
Món tiệp-nghi chẳng trả phần ai...* »

Phạm-Thái trước sự-trạng suy tàn của nhà Lê chỉ biết đắm mình vào hồ rượu và cả vào hồ mắt của mỹ nhân cho qua ngày đoạn tháng.

Nguyễn-Du trong truyện Kiều cũng tỏ ra khiếp phục quyền uy của Tạo-hóa đã mượn lời Vương-thúy-Kiều nhiều lần thốt ra ý này, tỉ-dụ :

*Biết thân tránh chẳng khỏi trời
Cung liều má phấn cho rồi ngày xanh*

...
*...Rủi may âu cũng sự trời...
...Cờ trời dẫu bề đa đoan...*

Ngay với chế-độ phong-kiến đầy sự mục-nát, xấu-xa, bất công, trong đó có tiên-sinh và tôn tộc, cha chú, tiên-sinh cũng chỉ than thờ trước cái vinh-hoa nô-lệ như sau :

*Áo xiêm trời buộc lấy nhau
Vào luồn ra cúi công hầu mà chi?*

*Sao bằng riêng một biên-thùy,
Sức này đã để làm gì được nhau?
Chọc trời khuấy nước mặc dầu
Dọc ngang nào biết trên đầu có ai?*

Nhưng rồi cái phản-ứng có chất cách-mạng ấy ở lời thơ lại bị dập tắt ngay, bởi kẻ nho sĩ hay đảng-cấp nho sĩ thử thời không tìm được lối thoát. Cái tư tưởng hùng tráng là muốn tuốt gươm đứng dậy cải tạo thời thế, cứu vớt sinh dân lại nhường luôn chỗ cho cái tư tưởng thoái-bại, khiếp nhược đã biểu lộ trong câu chuyện giữa Kiều và Từ-Hải sau khi nghe đề-nghị giải hòa của Hồ-tôn-Hiến :

*Làm chi để tiếng về sau
Nghìn năm ai có khen đầu
Hoàng-Sào!*

Giờ đây ta cũng thấy nét tiêu-cực đó trong bài « *Chiêu-hồn* ».

Nhân sinh quan của tiên sinh như trên đã nói đã bị mê-hoặc vì thuyết Định-mệnh hay Thiên-mệnh cho rằng muôn sự đều tại trời gây ra cả song hành với quan-niệm nhân sinh của đạo Phật chủ trương rằng sống là gửi thác là về, đời là bề khổ. Trái lại ngày nay chúng ta không thể dùng những phương-pháp giải quyết siêu-hình đó là kêu gọi lòng từ bi cứu khổ cứu nạn của đạo Phật trước những sự bất công xã-hội. Nghĩa là một xã-hội thiếu tổ chức, một xã-hội lạc-hậu mới có những sự mục nát thối tha thì con người phải vùng lên tranh đấu bằng bất cứ giá nào, để chấm dứt tình trạng đau khổ của mình. Con đường này thực-tế hơn cả, ngoài ra kêu cầu, khóc than, rên la là hèn nếu chúng ta nghĩ đến thuyết khắc-kỷ của Alfred de Vigny, một nhà văn Pháp ở thế-kỷ XVIII. Tóm lại con người có thể làm chủ vận mạng của mình để xây hạnh phúc của mình trong cuộc sống thực tại. Có làm được những việc anh dũng và hy sinh cao cả như thế con người mới là con người và chúng ta chỉ công nhận cái chân giá trị của con người ở điểm

này mà thôi. Nói cách khác ở những xã hội đầy bất công, ích kỷ, không bình thường, con người gửi gắm cuộc đời của mình và trông cậy ở những sức mạnh vô hình là cả một sự khờ dại. Lối thoát cho con người trước vấn đề này là sự tranh đấu. Con người đã tranh đấu và thắng được thiên nhiên như ta từng thấy thì con người tranh đấu với con người sao lại không được ? Số phận là gì ? Thiên mệnh, định mệnh là gì ? Mơ hồ thay !

Trong cuộc sống mạnh được yếu thua, không sống mống chết, luật đào thải biểu hiện hàng ngày trước mắt chúng ta mà quan-niệm rằng :

*Kiếp phù sinh như hình như ảnh
Có chữ rằng « vạn cảnh giai không »*

*Ai ơi lấy Phật làm lòng
Tự nhiên siêu thoát khỏi trong luân hồi*

thì thật là nguy hiểm vô cùng. Lịch sử của loài người là một cuộc đấu tranh vô tận, không ngừng, ôm lấy quan niệm này thật là đưa mình vào chỗ chết. Vậy tuy chúng ta rất tán thành thuyết từ bi, bác ái của đạo Phật cũng như của đạo Thiên chúa, nhưng ngày-nào con người còn mang

MỘT VÀI NHẬN XÉT

nặng chất tham, sân, si, con người còn chưa giác ngộ về sự nhân đạo và công bằng thì con người còn phải vô trang đủ các thứ (tinh thần và vật chất) để gò bó những kẻ có ác tâm vào con đường đạo lý, nhân nghĩa; như vậy thực tế hơn là tìm một lối thoát ở cõi siêu hình, không tưởng...

Bàn về kỹ thuật của bài Chiêu hồn, tôi đồng ý với bạn Đình-Hùng đã khen ngợi: « Nguyễn-Du là một tay phù thủy dùng chữ như sai âm bình. Bài thơ phảng phất cái ma lực quyến rũ của bài thần chú. Có những vần điệu những âm thanh, từ ngữ tọa triết linh hồn ta, thấm vào tận não-cân ta và không biết phép mầu nhiệm phát khởi từ đâu khiến ta mê hoặc, có lúc run sợ hoang mang, có khi xót xa thông cảm. Kỳ dị nhất có khi ta đọc lời thơ thấy rờn-rợn... Thử đọc đoạn thơ trích sau đây, ai mà không thốt nhiên rùng mình, ít nhất cũng thấy lòng se lại trong một niềm tê-tái thoáng qua, giữa đêm khuya chợt nghe thấy tiếng khóc đám ma, hoặc tiếng đóng cá quan tài từ đâu vẳng lại: *Kìa những kẻ tiều nhi tấm bé, Lối giờ sinh lia mẹ lia cha. Lấy ai bằng bố xót xa,*

*U-ơ tiếng khóc thiết tha nổi lòng,
Kìa những kẻ chìm sông lạc suối,
Cũng có người sây cối sa cây,
Có người đào giếng đứt giây,
Người trôi nước lũ kẻ lấy lửa*

*Người thì mắc sơn tinh thủy quái,
Người thì vương mảnh hái ngũ voi,*

*Có người hay để không nuôi,
Có người sa sây có người khốn thương...*

Người ta thường nói đến bản nhạc « *Danse macabre* » của St Saëns (nhạc-sĩ Pháp sinh ở Ba-Lê 1835—1921, tác-giả những nhạc-phẩm nổi tiếng: *Samson et Dalila*, *Phryné* và *Danse macabre*) trước đây hơn một thế kỷ. Đây là một vũ khúc kỳ ảo mà âm hưởng tiết tấu dựng lên cả một khung cảnh ma quái, với những bộ xương khô từ dưới huyết hiện lên nhảy múa, va chạm vào nhau lóc-cóc... (1).

Như vậy thì thơ *Chiêu hồn* đáng coi là một áng văn trác

1) Xin coi *Đình-Hùng* trong cuốn « *Chân dung Nguyễn-Du* » trang 180. Sách này do Nam-son xuất bản năm 1960 — tại Saigon.

MỘT VÀI NHẬN XÉT

tuyệt đã gây được những cảm xúc cần thiết trong lòng người đọc. Ta chỉ khen nhà Tiên - Điền vẫn tất như thế là đủ bởi Truyện Kiều đã xác định giá trị của tiên sinh khá nhiều với người đồng thời và cả với hậu thế.

Chúng tôi muốn nói thêm rằng với cái kỳ diệu của văn chương Nguyễn-Du, nếu đem bài *Chiêu hồn* làm kinh nhật tụng, có lẽ Chiêu hồn sẽ có ảnh hưởng gấp trăm các bài kinh ta đã thường được nghe bởi nó nêu lên cái tội lỗi của con người, cái phù du, cái ảo ảnh của kiếp sống... Kê nào được

nghe bài kinh này mà chẳng thấy có mình ở trong và không trông thấy mình có tội lỗi? Kê nào nghe bài kinh này mà không thấy xót xa cho kiếp mình và kiếp người và tự hỏi ở kiếp sống ngắn ngủi của con người có nên chạy theo những cái lợi danh ti - tiện cùng đâm chém nhau tàn bạo không?

Chính cái lúc con người biết ăn năn, hối lỗi, sợ sệt sự trừng phạt đang chờ đợi họ ở cái thế giới vô hình, là lúc họ khao khát tìm ra một lối thoát, văn chương mới dịu dặt họ được dễ dàng tới con đường của đạo nghĩa.



* TRẢ Đũa

Hai cô ca sĩ hay ganh tị nhau. Một bữa gặp nhau ngoài phố Thấy cô bạn đội một cái nón lông lấy kiêu cạo đất tiền, cô nọ » mồm :

— *Ồ ! Chị gọi là cái nón, cái vật quái gỡ mà chị đội trên đầu tóc đấy à ?*

Cô kia trả đũa :

— *Còn chị, chị gọi là đầu óc, cái vật quái gỡ mà chị đội dưới cái nón đấy sao ?*



★
Hoàng
Hải
Thủy

★

tấm thư

Ở

dời này, những người đàn bà đẹp thường hay đa tình, và những người đàn bà đa tình thường không chung thủy. Nói như vậy không có nghĩa là tất cả những người đàn bà đẹp, + đa tình ở cõi đời này đều không chung thủy. Không phải tất cả

nhưng mà nhiều — rất nhiều. Ở những quốc-gia hay có đảo-chính, người ta thấy rõ sự kiện đàn bà đẹp + đa tình không chung thủy rõ hơn ở những quốc-gia không có

những « cú » đảo chính hoặc trăm năm mới có đảo chính một lần. Sau mỗi « cú » lật đổ, đá dít nhau — một sự thay bậc, đổi ngôi — người ta lại thấy một số đàn bà đẹp + đa tình đời chủ. Có những người đẹp chồng vừa vào tù hôm trước hôm sau đã trao thân, gửi phận ngay cho những ông chiến thắng. Vài tháng sau, trong một đêm khi vào giường ngủ là ngủ ở nhà mình, nằm với vợ mình, sáng hôm sau tỉnh dậy, những người chiến-thắng hôm qua đã thấy mình nằm khênh ở trong tù, những người đàn bà đẹp vừa trao xương, gửi thịt cho họ ngày hôm qua — khi họ còn tiền hô, hậu ủng, — đã bỏ họ để đi dâng hiến thề-xác cho những người chiến-thắng hôm nay.

Sự việc đó chẳng có gì lạ. Phần đông đàn bà đẹp cũng như bọn con buôn. Họ chỉ đứng về phe những kẻ có thế-lực và có tiền. Họ từ chối tất cả liên lạc với bọn thất bại.

Nhưng ở cái cõi đời này, tôi biết chắc chắn có một người đàn bà đẹp + đa tình mà lại chung thủy. Và tôi đã có cái may mắn được gặp người đàn bà đẹp + đa tình + chung thủy ấy.

Không những tôi chỉ có cái may mắn được gặp người đàn bà đẹp + đa tình + chung thủy ấy mà thôi, tôi còn có cái diễm-phúc được yêu người đàn bà đẹp + đa-tình + chung thủy ấy, được nàng yêu lại và có cái vinh dự được lấy nàng làm vợ.

Chúng tôi gặp nhau và yêu nhau vào một mùa thanh bình chim ca suốt từ 6 giờ sáng đến 6 giờ tối và loài người yêu nhau hai mươi tư tiếng đồng hồ trong một ngày, và ngày nào cũng có nắng vàng, mây trắng, đêm nào cũng có trăng sao.

Năm 2565, chúng tôi gặp nhau và yêu nhau, vũ-trụ thái bình, đời đẹp như đời Nghiêu Thuấn, khoa học tiến nhanh đến nỗi loài người sống ở Trái Đất như sống ở Thiên Đàng: ruộng chỉ cần cấy một lần trồng lúa được hai mươi năm, phân bón nhân tạo — theo Formule C2 — do loài người sản xuất bằng chính nhiên liệu ngũ cốc làm cho ngũ cốc và các thứ cây ăn trái sản xuất nhiều quá, thặng dư không biết chất vào kho nào cho hết. Loài người không còn phải lao-động « đồ mồ hôi » mới có miếng ăn nữa, loài người chỉ còn có việc sống, vui sống và yêu nhau.

Tóm lại, tôi và nàng yêu nhau vào một thời loài người yêu nhau « Vành-cát-tờ-rưa suya vanh-cát-tờ-rưa » (1)

Ôi... mái tóc nhung mềm dài, êm như sợi của nàng. Nhà Bác học Ricardo Burtoni. — cháu đích tôn thứ 8192 đời cụ Danh Y Hoa Đà đời Tam Quốc ở nước Ba Tàu—sáng chế ra một thứ dầu để gội tóc thần tình. Gội tóc bằng dầu Ricardo's Sweethair một lần, mười năm sau người gội mới phải gội đầu lại. Và trong mười năm không biết đến nước nôi, sà bông, bồ kếp, chanh... là gì ấy, mái tóc người đàn bà gội tóc bằng dầu Sweethair vẫn mượt, vẫn bóng, vẫn trơn và thơm phức.

Sáng chế đó của nhà bác học Ricardo Burtoni rất cần thiết cho loài người ở Trái Đất, vì nước — một chất lỏng mà Trái Đất sản xuất rất nhiều — đã được xuất cảng đem lên Cung Trăng bán cho Người Mặt Trăng dùng làm ét-xăng chạy xe ô-tô trên Mặt Trăng, do đó, Trái Đất trở thành khan hiếm nước. Bao nhiêu nước sông, ngòi đều được vét hết đem lên Cung Trăng bán, cho nên sông, ngòi cạn khô. Lòng sông Cửu-long chỉ còn vón vện có ba

thước nước. — Con nít lên ba có thể vẫn mặc quần lội qua sông Cửu-long một cách dễ dàng.

Vì thiếu nước, loài Người dần dần bỏ cái mục bắt buộc, phiền phức và vô tích sự là... tắm.

Lúc đầu, các cô mỗi tháng tắm một lần. Rồi nước mỗi ngày một hiếm, các cô mỗi năm tắm hai lần. Sau cùng chỉ còn các bà già làm cầm, cò lỗ sĩ đã tiêm nhiễm cái tật tắm rửa tự hồi xưa, hồi xưa là còn sáu bảy năm tắm một lần. — Còn các cô «đợt sóng mới» — một danh từ rất lỗi thời vì Trái đất lúc đó hết hẳn cả sóng, kè cả sóng mới lẫn sóng cũ, bản nhạc «Les Flots du Danube» bị xếp vào Bảo Tàng Viện — các cô «đợt sóng mới» tân tiến và văn minh bỏ hẳn cái mục tắm.

Không tắm nhưng các cô vẫn không ngứa ngáy, không gãi, không bị ghẻ ruồi, ghẻ cóc, ghẻ hờm, ghẻ Tàu, vẫn không có chấy rận, da thịt các nàng vẫn mát rượi, vẫn thơm —thơm như mùi mít— vì các nàng đã có những thứ dầu thoa da, bôi tóc, trong số có dầu Sweethair của bác học Burtoni, những thứ dầu thần diệu được sáng chế cho các nàng dùng thay cho nước.

Và các nàng có rất nhiều thứ dầu—có thứ dầu đắt tiền ba năm các nàng mới phải chùi mình — đứng ra thì phải gọi là lau dầu — lại có một lần. Có thứ dầu rẻ tiền chỉ sáu tháng là phải lau lại nếu không thì có chỗ thấy hơi ngura ngura.

Tôi gặp nàng trong một dạ vũ. Đêm ấy, chán cảnh ồn ào trong nhà — tôi vốn có tâm hồn nghệ sĩ, dòng họ tôi làm văn nghệ đã 64 đời, do đó, tôi có máu văn nghệ rất nặng — tôi ra đứng ngoài hiên nhìn lên trời trăng sao. Bỗng, có một mùi hương một mùi hương rất lạ, n.gây ngất, mê hồn, theo gió bay đến chỗ tôi, đượm trong bầu không khí quanh chỗ tôi đứng. Tôi quay lại và nhìn thấy nàng. Mùi hương thơm đó từ tâm thân kiều diễm sáu năm không tắm của nàng bay ra.

Ôi... mùi thân thể nàng. Cái mùi ấy khác hẳn với mùi thân thể của 12.735 người đàn bà khác mà tôi đã gặp và đã yêu trong đời. Tôi bèn yêu Nàng và mê Nàng. Nàng bèn mê tôi và yêu tôi.

Chúng tôi bèn yêu nhau và mê nhau.

— Tại sao anh yêu em ?

Tại sao...? Tại sao...? Đó là

những câu mà bất cứ những người đàn bà đẹp + đa tình + chung thủy nào cũng hỏi người yêu — hỏi đi hỏi lại, sau khi họ đã yêu nhau. Nàng cũng đặt câu hỏi đó với tôi. Mọi câu hỏi rất thường, nhưng khó trả lời — «Anh yêu là bởi anh yêu».Hoặc «Làm sao giải thích được tình yêu», và những câu làm cảm tương tự không làm cho đàn bà khi họ yêu, hài lòng. Đàn bà cho chuyện đàn ông yêu mình là quan trọng. Đàn bà không muốn nghe những câu trả lời như — «Anh yêu em là bởi... anh yêu em chứ chẳng tại cái gì mốc gì cả!». Do đó, nhiều khi đàn ông phải bày đặt ra những lý do vớ vẩn để trả lời. Và tôi cũng phải có một câu để trả lời nàng. Và câu trả lời của tôi không phải là một câu bịa đặt — « Tại em có một mùi người đặc biệt. Mùi em khác hẳn với mùi của tất cả những người đàn bà khác trên cõi đời này. Trước khi được biết là đời có em trước khi nhìn thấy em, anh đã được người thấy mùi em» — Tôi nói, chân thành — «Vừa người thấy mùi em, anh đã mê em ngay. Em có nhớ đêm đầu tiên chúng ta gặp nhau không ?

Nàng ửng hồng đôi má và thỏ thẻ :

— Mùi người em làm sao hà

anh? Tôi vội đáp — «Mùi người em thơm, thơm lắm, rất thơm. Anh mê mùi em lắm. Nếu bi giờ anh phải xa em một đêm, thiếu mùi em, chắc anh chết mất. Anh sẽ nhớ mùi em như người nghiện thuốc phiện nhớ chất khói. Thiếu mùi em, chắc anh sẽ hắt hơi, xò mũi, chắc anh sẽ ngáp.., văng cả quai hàm xuống gầm giường.»

Nghe tôi nói thế, Nàng sung sướng quá. Nàng ôm chăm lấy tôi và bảo tôi — «Em yêu anh... Em yêu anh... chỗ này của em thơm lắm. Em cho anh đấy. Hít đi anh!»

Chúng tôi kết hôn với nhau và sống sung sướng bên nhau đã ba năm. Ôi... hơn một ngày hạnh phúc «hai mươi bốn giờ trên hai mươi bốn giờ» một ngày. Tôi dám chắc ở trên cái cõi đời này không ai có thể yêu ai như tôi yêu nàng, không ai có thể yêu ai như nàng yêu tôi, và không ai có thể yêu nhau như chúng tôi yêu nhau. Yêu nhau đến như chúng tôi yêu nhau là nhất. Ở trên cái cõi đời này, không ai còn có thể yêu nhau hơn chúng tôi yêu nhau được nữa.

Những ngày không tắm đẹp như thơ, êm như mộng và thơm phưng phức theo nhau qua đi.

Bọn con nít lớn lên không hiểu «tắm» là làm gì cả.

Các sách giáo khoa đều bỏ bài dạy «vệ sinh thường thức»: «phải năng tắm rửa» và thay vào đó những bài — «Chùi đầu: ba năm hãy chùi đầu một lần». Và mỗi ngày qua, tôi lại càng thấy mùi vợ tôi — Người vợ không bao giờ tắm — thơm hơn, ngát hơn, đượm hơn.

Cho đến một buổi tối gần Tết Trung Thu. Trái Đất bỗng có một chị đàn bà vô duyên tung ra cái phong trào «đàn bà nên tắm bằng nước» để sửa soạn thân thể bước vào một năm mới. Bậy quá là bậy. Phong trào Tắm — cũng như những phong trào lố lăng nhất, càng lố lăng lại càng có nhiều người theo — lan rộng khắp thế giới. Phụ nữ tranh nhau đi mua nước về tắm.

Và vợ tôi — vợ tôi tuy đẹp + đa tình + chung thủy + thơm tho nhất đời — cũng chỉ là một người đàn bà. Và khi đã là đàn bà, Nàng cũng theo phong trào như các đàn bà khác. Nàng cũng cố đi mua một chai nước về tắm, quý báu hơn vàng. Nàng tưởng rằng Nàng tắm để cho tôi hài lòng. Nhưng hơi ôi...

Đêm hôm đó, khi tôi đi uống

rượu thường trăng say bí tỉ, khật khưỡng về đến nhà, vợ tôi chạy ra đón tôi. Tôi có cảm như vợ tôi là một người đàn bà nào khác. Nàng khoe tôi:

— Em vừa mới tắm...

Tôi thét lên — «Em vừa mới tắm??» Tôi khóc thét lên — «Em tắm?? Tại sao em lại tắm?? Sao em không giết anh đi có hơn không? Em tắm tức là em giết anh. Em giết anh...! Thế là em giết anh rồi!» Vợ tôi kinh sợ ôm chặt lấy tôi, như sợ tôi chạy ra ban-công nhảy lao đầu xuống đường. Nàng cuống quýt — «Em van anh. Em xin lỗi anh. Từ nay em sẽ không bao giờ tắm nữa.»

Tôi rên rỉ — «Em giết anh. Em làm mất cái mùi anh yêu». Nàng an ủi tôi — «Em đã chết đầu. Em hãy còn trẻ mà...Đời chúng ta hãy còn dài...Chỉ vài tháng nữa là em lại có mùi như cũ...» Như hồi còn bé làm nũng mẹ

tôi, tôi lác đầu quày quảy — «Anh không biết...vài tháng nữa lâu quá. Anh muốn em có mùi ngay bi giờ của...!» Bực quá, nàng khóc — «Em đã xin anh mà. Em đã lỡ tắm mất rồi. Làm sao có ngay bi giờ cho anh được...!»

Và, trong những ngày Tết, tôi buồn nát người. Ôi...rượu hồng, mút bí, hạt dưa, bánh chưng, cá kho, dưa hành mà làm gì...? không có mùi em, Tết đối với anh không còn mùi vị gì nữa.

Vợ tôi thấy tôi buồn an ủi tôi bằng những câu tha thiết — «Em sẽ không bao giờ tắm nữa. Em sẽ là người vợ không bao giờ tắm của anh...»

(1) *Vingt quatre heure sur vingt quatre heure—24 giờ trên 24 giờ, nghĩa là «suốt ngày đêm».*



* DANH NGÔN

Kẻ sĩ mà còn quyến luyến những sự thuận tiện, yên vui cho xác thịt, thì tâm lụy, chí hèn, không đáng gọi là kẻ sĩ.

Luận-Ngữ

MẶT TRĂNG

MẶT TRỜI

★ **NGÀI-VĂN**
● NGUYỄN-KHÁNG dịch

Ngài-Văn tên thật là Hùng-Côn-Trân, người huyện Tô-Châu, tỉnh Giang-Tô, là một nhà văn có bút pháp tinh kỳ mới mẻ, bố cục sâu sắc.

Nhờ quyền « Thanh-Xuân » mà chấn động văn đàn. Ngoài ra còn những tập tùy bút « Ngư-công », tiểu thuyết « Lời nguyên sinh tử », « Xuân về trên gác trọ », « Những cặp vợ chồng » v.v... đều là những tác phẩm vang bóng một thời.!

MẶT trăng quả thật có đáng yêu hơn mặt trời hay chăng ?

Người ta thường thường dùng « Mặt Trời » để hình dung sự quang minh chính đại. Dùng câu « Mặt trời đã lên rồi ! » để tượng trưng sự đen tối bị tiêu diệt.

Nhưng mà, ngoài những ngày mùa đông tháng giá, thật ra có rất ít người thành thật ca tụng mặt trời.

Mặc dù mặt trời đã đem lại cho loài người một nguồn lợi ích vô cùng tận.

Nó làm cho cây cỏ được sinh sôi nảy nở, nó làm cho loài người được mạnh khỏe. ánh nắng gay gắt của nó đơn độc con người ta nỗ lực mà làm việc...

Nhưng mà nó....

Nó có một tinh thần vô tư gần như tàn nhẫn, nó soi thấu mọi chỗ hắc ám, nó phơi bày mọi sự nhơ nhớp trên xã hội.

Nó không dung túng cho con người ta có một ý tưởng xấu xa đen tối khi đứng trước mặt nó.

Vì vậy mà người ta sợ hãi nó, ganh ghét nó mặc dầu đang

thăm nhuần trong ơn huệ của nó, người ta kính sợ nó mà lảng xa.

Đến như mặt trăng

Mặt trăng chỉ sáng nhờ một chút ánh thừa của mặt trời, nhưng mà ánh sáng của nó êm đềm trong trẻo làm sao.

Nó giúp cho những cặp tình nhân cùng nhau trao đổi những chiếc hôn nồng ấm.

Nó giúp cho kẻ tao nhân phong nhã, say sưa thưởng thức vẻ đẹp của nó.

Văn nhân tìm không ra những tình từ xán lạng huy hoàng để hình dung mặt trời, nên chỉ có thể làm thơ mà ca tụng cái vẻ đẹp mơ màng của bóng trăng huyền diệu.

Họa sĩ tìm không ra màu sắc rực rỡ, và tạo không ra những nét bút của mình mà ghi lại những cảnh vườn rặng mộng lung, man mác.

Biết bao nhiêu tà ma quỷ quái đã âm thầm bần mưu tính kế dưới bóng trăng.

Biết bao nhiêu phường trộm đạo đã lén lút đào tường khoét vách trong cái lờ mờ đen của bóng trăng..

.....

Văn nhân đem tâm huyết của mình ra để viết những dòng văn chương diễm lệ,

MẶT TRĂNG, MẶT TRỜI

ca tụng cái đẹp của mặt trăng.

Thi sĩ vất óc của mình ra để gieo thành những vần thơ bay bướm, ngợi khen cái ảo ảnh của bóng trăng.

Những cặp bạn tình đang đắm say trong ái ân, hết lòng cảm tạ bóng trăng, đã đem lại cho họ những cảnh trí mơ màng, tăng phần thi vị cho những đêm ân ái.

Kẻ phàm phu tục tử cũng biết khen trăng sáng.

Người đời ai ai cũng say sưa vì bóng nguyệt, thiết tha thân mật với bóng trăng thanh.

Mặt trời bị người ta bỏ rơi trong lạnh nhạt. Người ta sẽ

lén chê bai, ghét bỏ nó.

Nhưng mà nó vẫn nghiêm sắc mặt nhìn xuống trần gian mà đốc thúc mọi người hãy làm việc... làm việc không ngừng....

Thế nhân thường hay môn trốn ngợi khen người bạn thân để dãi của mình, và thích giao du với những phường trác nết, mà thật khó hoà mình vào đời sống của những người bạn mà mình nên kính nể yêu vì.

Bạn ơi!

Bạn thích bóng trăng thanh hay thích ánh mặt trời le lói?



★ DANH NGÔN

● Giàu đục không bằng nghèo trong
Sống nhục không bằng chết vinh
LÊ - KỶ

● Trung tín, cần thận là cái nền thành người hay.
Hào-huyền, quý-quyệt là cái gốc thành người dở.

TIỀM PHU

tương tri sầu

★ Ngồi trong mưa nhớ ai ngon lành
Thi tứ giảng mảnh
Tơ ảo

★ Ngồi trong mưa đếm từng giọt ngâu
Tương tri sầu
Mệnh mộng

★ Nước thu rơi mái ngói
Gieo trắng từng hoa,
Đóa mầm mạ mới
Sao trời

★ Mưa tơ hoa như chim bay
Đổ về đây mái lâu
Ngàn môi thương nhớ
Đi về đâu

★ BŨU ĐỨC
(Tokyo, mùa thu 56)

GIÁ TRỊ TRUYỆN KIỀU

★ Thái-Bạch

TRUYỆN KIỀU là tác phẩm thế nào ?

Nếu chúng ta nhận xét bằng cách trước hết vào cốt truyện của nó thì thấy không biết bao nhiêu là những cái vô lý :

— Vô lý vì Bắc kinh và Liêu đông là hai nơi quan san cách trở hàng ngàn dặm, muôn dặm như thế mà Vương-Quan, Kim Trọng, hai chú bé con chưa đến 15 tuổi, trước đó đã cùng quen biết và chơi thân với nhau.

— Vô lý vì nhà Vương - viên-ngoại là một gia đình khá giả, thuộc vào bậc trung ở xã hội nước Tàu

cách đây cả hàng mấy trăm năm mà không chạy đâu ra được bốn trăm lạng vàng, đến nỗi phải bán con gái đi để lấy tiền chuộc tội giải oan.

— Vô lý vì anh chàng Từ Hải người Việt-đông, mới chỉ là tên tướng giặc hùng cứ có một phương hải tặc, ấy thế mà không biết bằng cách nào đã cho quân đi Vô Tích, Lâm truy, những nơi cách thành Bắc kinh không xa mấy, như vào chỗ không người để điệu về một lúc toàn thể bọn Mã giám Sinh, Tú-Bà, Sở khanh, Hoạn thư, Bạc Hạnh, Bạc Bà để cho Kiều trị tội ?..

Bởi những vô lý ấy, nên với

cốt truyện của tác phẩm Kiều, ta có thể cho đó là một căn nhà kiến trúc rất vững về cầu thủ, ngàn đố rời rạc, cột kèo dui mè không có chỗ nào ăn khớp và bám chặt lấy nhau.

Và đó là khuyết điểm căn bản.

Tuy nhiên, nếu cũng ngôi nhà kiến trúc cầu thủ vững về ấy, ta rõ ra đề lấy từng cái một mà dùng thì thấy đa số đều là những cái trạm trở rất kỹ lưỡng công phu, đó là những bộ mặt, những tác phong, rất điển hình của từng nhân vật một trong đó, từ cái vẻ đẹp của một đôi giai nhân tuyệt thế, qua những chàng phong lưu công tử, đến những tên tham quan lại những bọn buôn thịt bán người, từ phường si tình đại gái, những mục đàn bà ghen, đến những hạng ba que xô lá, tướng cướp, tướng giặc...

Và đó là ưu điểm, tức những cái hay và cái đẹp của Kiều.

Theo ý riêng của tôi là thế, và có định giá trị cho tác phẩm Kiều cũng nên như thế nữa. Chớ phê bình Kiều như kiểu mấy nhà « học giả » cứ tình thoảng lại đem từng nhân vật một ra làm đề án nói chuyện, xem những nhân vật ấy như hệt đã có bằng xương bằng thịt trên thực tế xã

hội để làm những bài học lịch sử thì đó là tốn công, vô ích nếu không nói là quá đối sai lầm hay thiếu ý-thức vậy.

Nói một cách tổng quát, truyện Kiều là một tác phẩm tuy kẻ như thất bại to về phương diện bố cục, nhưng lại thành công rất lớn về nghệ thuật diễn tả, nhất là lại diễn tả bằng thơ lục bát, một lối thơ thuần túy Việt-Nam trong lúc cái học từ chương của chế độ phong kiến lạc hậu còn đương đặc thời ngự trị tư tưởng của nhân dân xứ này.

Do đó, truyện Kiều đã thành một tác phẩm phổ biến rất mạnh, trên từ vua quan, dưới đến cả những hạng người không biết tới chữ nghĩa là gì, nào đó Kiều, vịnh Kiều, lấy Kiều, tập Kiều, nào đọc một vài câu Kiều để dẫn chứng trong lúc nói chuyện hoặc mượn văn chương Kiều để áp dụng vào cảnh sống thực tại như một chàng thanh niên khi thấy một thiếu nữ, đã lên giọng ngâm nga :

*Người đâu gặp gỡ làm chi,
Trăm năm biết có duyên gì hay không ?*

Hay viết thư tỏ tình với một người phái đẹp, người ta đã không ngần ngại viết :

Tiền đây xin một hai điều.

*Đài gương soi đến dấu bèo chơ
chặng ?*

Hay như tả bọn nha lại trước
đây khi về làng, về xá đề vâng
lệnh bắt ai thì :

*Người nách thước kẻ tay đao,
Đầu trâu mặt ngựa ào ào như
sói.*

Hoặc chỉ một tên tướng giặc
thì :

*Chọc trời quấy nước mặc dầu,
Dọc ngang chẳng biết trên đầu
có ai.*

Có người bảo văn chương của
truyện Kiều hay thật, đẹp thật,
nhưng sáo ngữ rất nhiều, chẳng
hạn như câu :

*Một hai nghiêng nước nghiêng
thành,
Sắc đành đòi một tài đành họa
hai.*

Là gốc ở câu « nhất cổ khuynh
nhân thành, tái cổ khuynh nhân
quốc » của thi sĩ Lý-diên-Niên
đời Hán. Và như câu :

*Một đèn Đổng trức khóa xuân
hai Kiều.*

Là dịch lại câu « Đổng-trức
xuân thâm tỏa nhị Kiều » của
thi sĩ Đỗ-Mục đời Đường.

Đành vậy, nhưng ông Nguyễn-
Du tác giả truyện Kiều đã « Việt-
nam hóa » rất tài tình khi đem
những sáo ngữ ấy, hay những

diễn tích ấy vào tác phẩm của
mình, và chính đó cũng là những
cái hay của ông.

Hơn nữa, trước đây, những
độc giả của tác phẩm Kiều, nhất
là giới bình dân, có lẽ người ta
không cần phải biết đến chỗ đó,
mà chỉ biết đến cái hay với những
cái có thể đề ca đề hát và đề
mượn dùng được mà thôi.

Cổ kim, tác phẩm nào cũng
thế, bên cạnh cái dở cũng có
những cái hay, bên cạnh cái hay
cũng có những cái dở. Giá trị
nhiều hay ít, cũng tùy thuộc ở
cái dở nhiều hay ở cái hay nhiều,
cũng như cái hay mà ít thì bị cái
dở làm chìm đi, cái dở ít, trái lại
cũng bị cái hay che lấp hẳn.

Truyện Kiều cũng thế và
không phải câu nào cũng là tuyệt
diệu cả, nhưng nhờ cái hay rất
lớn ở nghệ thuật diễn tả, như
một người thợ chạm trở rất tinh
xảo tỉ mỉ từng nét nhỏ bé một,
nên suốt mấy trăm năm liên tiếp,
đã chinh phục được cả một đời
tượng lớn lao, mặc dầu đã có
một số người đả kích, người thì
cho là dăm thư, kẻ thì cho là một
thứ văn chương phản tiến hóa,
nội dung chứa chan một chất tàn
héo, tiêu ma.

Nói thế, chúng tôi không phải

là tán thành như trước đây có
lúc người ta đã xô nhau mà cho
câu nói khen Kiều của Phạm-
Quỳnh là cả một khuôn vàng
thước ngọc.

Phạm-Quỳnh nói gì ?

Hắn không ai không biết đó là
câu nói « *truyện Kiều còn tiếng
ta còn, tiếng ta còn, nước ta còn.* »

Câu nói « *va* » lắm, đáng cho
những ai tán đồng phải đề lên
bàn thờ văn nghệ mà « *bái lạy*
quy quý ». Nhưng trớ trêu thay,
khi chưa có truyện Kiều thì

nước ta lại là một nước còn, khi
có truyện Kiều lại là một nước đi
đần vào chỗ mất, rồi lúc truyện
Kiều được thiên hạ thi nhau mà
in, thi nhau mà tâng bốc như
Phạm Quỳnh thì nước ta lại
hoàn toàn một nước mất.

Bởi vậy, đối với truyện Kiều,
chúng ta chỉ nên nhặt lấy những cái
hay của nó về phương diện nghệ
thuật, theo quan điểm của đa số
người đọc như trên kia đã nói,
còn về cốt truyện thì nên trả lại cho
thời đại tác giả, và bản thân tác
giả.

Tại sao ?

Vì viết truyện Kiều — sáng
tác hay phỏng theo Thanh Tâm Tài
Nhân cũng vậy — Nguyễn Du
không phải mục-dịch dựng thành

một cốt truyện chặt chẽ, mà chỉ
đề mượn thân thể nàng Kiều thanh
minh cho thân thể của mình, một
người đã định chỉ biết có nhà Lê,
nhưng sau lại ra theo nhà Nguyễn.
Đứng trên quan điểm của sĩ phu
hồi đó, lập trường và thái độ của
ông đâu có hơn gì của những người
đã trốn rồi lại ra theo nhà Tây-
son, khiến đời đã có câu mai mỉa:
*Nhất đội Di Tề há thú dương,
Công ngôn vi khỗ bất kham
thường.*

(Nghĩa là có một đội Bá-Di,
Thúc-tề từ núi Thú dương xuống
nói rằng rau vi đắng quá nếm không
được.)

Còn về thời đại thì xã hội bấy giờ
do quá trình phát triển về thương
mại của kinh kỳ Phố Hiến đã tạo
ra một hạng người buôn bán có
tiền, xử dụng tiền phóng túng,
thế lực đồng tiền mạnh mẽ đã lung
đoạn cả một hệ thống tôn
ty trật tự cũ. Tam cương ngũ
thường của Khổng Mạnh không
còn cái giá trị vững chắc, khiến
vua Minh Mạng đã phải lấy làm lo,
và phải soạn ra mười điều
dụ để dạy bảo thần dân...

Đồng tiền xong mọi chuyện :
Trong tay đã sẵn đồng tiền,

GIÁ TRỊ TRUYỆN KIỀU

Dầu lòng đôi trắng thay đen khó gì.

Và « thắng bán tơ » trong truyện Kiều là quy luật phát triển của đồng tiền.

Tác giả truyện Kiều là người thời đại ấy. Tâm trạng của ông là đại diện cho cả một thế hệ nho sĩ và thứ dân ảnh hưởng nền Nho học hồi đó.

Thương tiếc cái cũ, đứng trước thế lực mới của đồng tiền mà ông vốn không ưa. Đó là tâm trạng của ông.

Cho nên với tác phẩm Kiều,



★ **VÕ - SĨ ĐÁNH BỐC (BOXE)**

Sau trận đấu «bốc», võ sĩ nọ bị hạ vì lãnh nhiều cú sừng cả mặt mũi; nhà điều dắt dẫn anh ta vào chỗ nghỉ. Bỗng anh ta xoay lại « ộc » nhà điều dắt một cú này lửa vào mặt. Ông nọ ôm mặt hỏi:

— Sao anh làm thế chứ?

— Đấy! Trong giao kèo, ông bảo rằng tôi phải trao cho ông 30% số thâu của tôi đó!

một cuộc mưu sát

DE GAULLE

rất tài tình

nhưng bị phá vỡ...

★ Ngọc-Quang

(tiếp theo P.T. 156)

Mặc dầu lời khai của người đàn bà trên nhưng tên Jean François Murat là tên già. Song, lúc rạng đông, khi đoàn công xa sắp khởi hành, Chánh phủ Trung ương Ba.lê đã hạ lệnh kiểm soát giấy khai gia đình và giấy chu lưu của các khách viên phương trong 60.000 lữ quán toàn quốc.

Cơ quan mật vụ đã được báo cáo có một nhân vật đã thuê mướn nhiều xe hơi khắp nơi.

Tuy vậy, trong khi ngang qua cuối các đường giáp mỗi địa điểm xảy ra vụ mưu sát,

**MỘT VỊ TỔNG THỐNG
CỦA NƯỚC
PHÁP BỊ MƯU SÁT
NHIỀU NHẤT
TRONG LỊCH SỬ
PHÁP QUỐC
NHƯNG VẠN BÌNH AN
VÔ SỰ...**

Tổng Thông De Gaulle, các thanh tra mật vụ đã tìm ra một lối đường mòn thứ hai.

Dân chúng cư ngụ tại đại lộ Victor Hugo ở Meudon đều còn nhớ, trong ngày quân khủng bố toan mưu sát Tổng Thông, một chiếc xe màu vàng đã có mặt tại đây vào xế chiều mang số 2.

Và có một chiếc xe hiệu Citroen màu xanh và có 2 người lạ mặt đã lặng lẽ vào một ngôi nhà tại đây, là lối khai của một nhân chứng.

Nhân chứng này lại còn khai thêm, trong lúc lộn xộn, một kẻ lạ mặt vào trạc tuổi tứ tuần, y phục gọn ghẽ, nhưng không hợp thời trang mây.

Lời khai này đã được các thám tử đặc biệt lưu ý và đoán chắc không sai, kẻ lạ mặt ấy đích danh Georges Watin là một chàng gù nên cần theo dõi kiểm soát.

Ngoài ra, cơ quan mật vụ lại tìm ra một căn phòng lầu hai

do cô Monique Bertin thuê.

Cô này là Tổng thư ký của nhóm chánh trị có mục đích bảo vệ Algérie lãnh thổ Pháp mãi mãi, và cô gái Monique Bertin lại có người anh tên Pascal đang sống liên lạc với người bạn đồng liêu tên Jean Pierre Naudin.

Người sau này đã từng bị mật vụ theo dõi tung tích vì hẳn đang hoạt động chìm cho nhóm chánh trị chống chánh phủ De Gaulle trong vấn đề Algérie độc lập.

Mặc dầu, trong khi lục soát tại căn phòng lầu hai nói trên, không bắt gặp Monique, nhưng về sau cô này cũng bị bắt tại gia đình cha mẹ nàng.

Công cuộc điều tra thủ phạm

Trong các cuộc tra khảo thăm vấn gia nhân, chủ nhà

Tăng cường sinh lực

CETONIC 250 mg VITAMINE C

BĂNG

14-83 BYT. DPDC.

đã một mực khẳng khẳng không chịu nhìn nhận Pascal là con của ông cũng như Naudin.

Ông chỉ khai rằng, hai tên này là hai kẻ di cư xin tị nạn tại nhà ông trong vụ chạ súng ở Petit Clamart, nhưng hiện nay, bọn chúng đều đi khỏi nhà ông rồi.

Trong một thời gian lâu, gia đình Bertin vẫn giấu kín số phận của Pascal. Và, ngày 4-9-1962, Monique lại xuất hiện nói rõ với thân phụ rằng nàng đã gặp người anh cô trong một buổi chiều tại hiệu sách lớn nhất ở Ba-lê.

Tuy rằng cuộc gặp gỡ chỉ chớp nhoáng, sinh viên có đôi mắt sâu hóm, hàm râu lơ thơ, đang dán đôi mắt vào những trang tiểu thuyết trong tiệm sách, đã bị nhân viên mật vụ tóm cổ.

Pascal Bertin chồi tất cả, nhưng một trong những túi áo của hắn, thám tử chớp được hóa đơn mua chữ băng kèm

để làm số xe giả.

Chụp cô được Pascal là công tác đầu tiên từ khi cuộc điều tra tìm thủ phạm. Nhưng, trước 36 tiếng đồng hồ, tại 550 cây số ném về phía Nam thủ-đô, một thám tử khác là động cơ tìm ra một sự việc quan trọng hơn nữa.

Có bốn phạm trông coi đập nước số 7, ngăn chặn bắt những tên lính không quân đào ngũ mang theo võ khí.

Bình minh, một chiếc xe Renault khác, màu đỏ, không số xe đã bị chặn bắt tại Algérie do một người Algérie dân Pháp cầm lái tên Pierre Magade.

Giải về Lyon, tên lính đào ngũ này, trong cuộc thẩm vấn, sau một ngày trời, đã nhìn nhận có dính líu trong vụ thuê mượn 4 chiếc xe không số để nằm ụ tại đại lộ Victor Hugo.

Trong lúc này, nhờ khéo léo điều tra, thẩm vấn, thám tử đã

Điêng midol

trị các chứng đau nhức và cảm cúm

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1360/BYT/DPDC

cật vấn tài tình :

— Chứ Petit Clamart ra sao ?

Khi hỏi câu này, ngập ngừng một lát, trở hai mắt đỏ ngầu, can nhân nói :

— Được rồi, tôi sẽ khai hết cho các ông nghe... và, hẳn khai rằng hẳn, trước đây, không lâu, đã thuê cho nhóm quá khích một tên tài xế phụ chuyên lái một trong những chiếc xe hơi đang nằm ụ tại đại lộ Victor Hugo dùng vào cuộc mưu sát Tướng De Gaulle và phu nhân.

Khai xong hẳn lại kê khai thêm một dọc danh tánh các tay quá khích.

Nhờ vậy, các thám tử của Maurice Bouvier không bỏ nhờ liền khai thác tài liệu thêm mới tùm cồ được năm tên là một chiến sĩ Mũ Đỏ bất mãn về sự tan rã Đế quốc Pháp, một cựu sĩ quan với quan niệm cuồng tín mà gia đình kẻ này đã hết lòng phục vụ quốc gia, những thẩm phán viên và những sĩ quan cao cấp, và một thanh niên tuần tú phục vụ trong Bộ Không Lực.

Nhưng còn tên đầu não của vụ mưu sát Tướng De Gaulle thì hẳn lại lảng khai cho nhân viên điều tra và nhẹ giọng :

— Tất cả những điều tôi khai, Magade nói, là danh dự thanh thê của một người trí thức, một người đang hoảng.

Song le, trong khi đang thăm vấn về con đường mòn thứ nhứt liên quan đến vụ «Murat» thì lại đưa đến một sự kết quả thứ hai.

Và trong khi kiểm soát danh tánh hành khách ngụ tại lữ quán, các thám tử đã phanh phui ra phiếu danh Murat.

Vì vậy, không một người nào lại không còn nhớ một kẻ mang tên Murat đã ở trong khách sạn với hai thiếu nữ và 2 người đàn ông, mà một người có cặp chân khập khễnh.

Thề rồi khi kiểm soát lại danh sách dân chúng trong quận, nhân viên công lực đã tìm ra một viên Trung tá Henri Niaux...

Bốn mươi chín tuổi, cứng đầu và buồn phiền chán nản, viên sĩ quan cao cấp này có nhiều huy chương công trạng.

Điều này không đáng kể, nhưng trong cuộc thăm vấn, Henri Niaux cố tránh né lời khai, tỏ ra không mấy quan trọng về nhóm quá khích chống Chánh phủ về vấn đề Algérie và chức vụ của ông ta, trong nhóm, vẫn chưa

được biết rõ.

Trong đêm thứ nhứt tại lao xá và sau khi công khai tuyên bố : « Tôi sẽ chịu trách nhiệm cả », rồi ông ta thất cồ sự tử.

Tại chỗ, thám tử lục trong các túi áo của ông thầy có hai tấm biên lai mượn xe hơi và quyền sở giạt áo quần.

Nhờ vậy, thám tử mới kiểm thêm được một người nữa tên Serge Bernier mới đưa ra ánh sáng nhiều điều bí mật về Trung tá Niaux đã hạ lệnh cấp giấy căn cước cho một khủng bố mang tên Murat để tiếp tục công tác phá hoại an ninh quốc gia.

Nhưng màn bí mật vẫn chưa vén lên vì còn theo dõi trong cái chết của viên Trung tá hy sinh tánh mạng đã tỏ chức công cuộc mưu sát Tướng De Gaulle, vì bất mãn về câu chuyện Algérie.

Cật vấn những can nhân đều nhìn nhận có biết ông ta qua bí danh Didier và biệt hiệu Leroy mà không khỏi ca tụng sự thông minh cũng như oai quyền và đức hy sinh của ông này.

Mọi người đều đoán chắc ông trước kia là cựu sinh viên

đại học bách khoa và nhìn kỹ đầu tóc ông sói, miệng nói có duyên và có đôi mắt đa cảm,

Không có một nhân vật nào như thế đang ghi vào sổ đen của đảng O.A.S. Nhưng, trong danh sách cơ quan an ninh quân đội lại có tên đại tá Jean Marie Bastrin Thiry, 35 tuổi, cựu sinh viên bách khoa đại học đường, có chứng chỉ khả năng học lực chuyên khoa mện đang giữ chức cố vấn tại bộ Không Lực.

Chúng tôi không có ác ý bắt một người trí thức tài năng trong các tình nghi tầm thường thanh tra mật thám Bouvier tuyên bố.

Và, ông cũng không quên, với lễ độ mời con người trí thức nói trên đến văn phòng. Bastrin Thiry đã mạnh dạn khai rằng ông tuyệt nhiên không biết chi về vụ mưu sát Tướng De Gaulle.

Màn bí mật sắp vén lên

Trong lúc Bastrin Thiry phản kháng chời dãi, và các thám tử đều vẫn chưa tìm ra manh mối, và, sau khi lục soát

MỘT CUỘC MƯU SÁT

trong ngăn kéo, viên Thanh tra mật thám đã lôi ra trong góc ngăn kéo một mảnh giấy vụn.

Mảnh giấy vụn này là một vuông giấy nhật trình xuất bản ngày 21-8-1962 xé ra, có ghi rõ 4 chữ «Hubert Leroy, Terminus Vaugirand» và một số hiệu điện thoại của một nhà hàng tại Paris nằm giữa quãng lộ trình của Tổng Thông nghĩa là giữa điện Elysée và phi trường Villacoublay.

Trong khi xuất trình chiếc hình của Bastrin Thiry, nhân viên giám đốc lễ quán thì ông này ngần ngại trả lời :

— Anh này, giám đốc nhà hàng, nói, đã mượn một căn phòng mang tên Hubert Leroy vào ngày 21-8 đúng ngọ.

Sau khi thăm vãn bắt ngọ làm cho viên giám đốc, chủ nhân nhà hàng ngạc nhiên, thì sáng ngày 17-9-1962 tại văn phòng của Ông Chánh mật thám Bouvier, Bastrin Thiry đang bắt đầu thú nhận cả tội trạng.

Hai giờ sau, bản cáo trạng của hắn đã chằm dứt và cơ quan mật vụ đã nắm vững câu chuyện, để ròi biệt chắc chắn, 25 ngày sau khi một

loạt súng liên thanh nổ vào Tướng De Gaulle vào lúc 14 giờ 20.

— Nói một cách hùng hồn, Bastrin Thiry đã nhìn nhận công tác điều tra thủ phạm của Chánh quyền rất tài tình kiện hiệu, vì bọn chúng đã gặp điều không may, mặc dầu công việc mưu sát đã được tổ chức rất khoa học.

Một trong hai can phạm này, chắc chắn, không sai, là sinh viên Jean Pierre Naudin đã báo cáo cho Đại tá hay chiếc xe đang đưa vị Quốc trưởng lên phi-trường.

Kề lại, được báo tin, Bastrin Thiry đã tức tốc trở về «sào huyệt» số 2 ở đại lộ Victor Hugo gần Meudon cất nhân viên đuổi theo những chiếc công xa đang chạy trên con đường về phi cảng.

Chính Bastrin Thiry đã chỉ huy bọn quá khích này và ra đầu cho chúng nhậm khai hỏa những chiếc xe chạy trước bề bánh ngừng lại, tất nhiên, chiếc có Tướng De Gaulle và phu nhân sẽ ngừng lại sau ngay :

Nhưng kẻ hoạch này không thành vì vấp phải hai trở ngại

MỘT CUỘC MƯU SÁT

là toán nhắm bắn những chiếc xe trước đã không thể bắn trúng đích, chỉ chậm vài giây phút. Còn Bastrin Thiry núp cách xa đó 200 thước, chực mưu sát, nhưng các ám hiệu của hắn đều vô hiệu.

Thêm vào đó, màn đêm rừ xuống quá sớm đã phá hỏng kế hoạch giết người của chúng.

Hơn nữa, viên tài xế lái xe Tổng thông bình tĩnh phân công một cách nhậm lệ, khôn ngoan, thay vì ngừng xe lại trong lúc bị tấn công bất ngờ, lại đạp ga cho xe vọt qua làn đạn bay vào.

Với tinh thần dũng cảm của anh tài xế như thế đã bảo toàn tánh mạng của tướng De Gaulle và phu nhân.

Phiên tòa xử bọn mưu sát Tổng thống

Trong phiên tòa đại hình khai mạc mùa đông năm ngoái tại Fort-Neuf de Vincennes, năm quan tòa sĩ quan đã kiện án tử hình sáu mạng và tám tên chung thân khổ sai.

Tuy nhiên, theo bản án này tướng De Gaulle đã đại xá 2 án tử hình, nhưng Bastrin Thiry, đang đeo tràng hạt trong tay, đã bị một viên đạn bắn ngã gục.

Murat đã đến tội ngày 18-4-1962, còn tên Naudin đang lẫn trốn, chưa tìm ra, cho đến khi báo đang chạy tường thuật vụ mưu sát này, thì được tin hắn đã bị bắt kêu án chung thân lưu đầy.

Magade và Pascal Bertin đều bị 15 năm tù và 15 tên đồng mưu khác đều bị tóm cổ, sau phiên tòa lịch sử và sẽ đem chúng ra xét xử từng người một.

Đoạn cuối cùng tàn kịch nhắm ngăn chặn một cuộc mưu sát khác tái diễn. Và, trong khi thăm vãn Bastrin Thiry nghĩ sao về việc toan hại sanh mạng De Gaulle và phu nhân, thì hắn nhún vai trả lời hòng hách :

— Bà ta, phải chăng, đã kết duyên với một ông chồng quý giá sang trọng và cũng là một ông chồng không giá trị ?

Và, chắc chắn, không lắm, chẳng còn danh từ ngôn ngữ nào khác để tiêu biểu tâm hồn khát máu của bọn quá khích vậy.

thu dạ

● TRẦN-TUẤN-KIỆT

1.-

hai tay ôm trái thu buồn
ngõn ngang giấc ngủ trắng cuồng sóng xô
chuyện đời xao động hư vô,
mộng bay văng nguyệt bụi mờ ánh trắng
đất xưa đỏ một sông hồng
ngọn lau bãi rộng xa tầm nước sâu
con thuyền ngư phủ lạc phau
mối tình vụn cò thu nào lại thu
mênh-mang giòng nước trong mù
đầu chân người đã vào sâu trong nguồn
đôi bờ hiu hắt thùy dương
đôi tay nghe động gió sương thời sầu

2.-

lá nằm im vắng đêm nay,
bỗng con bướm đậu ra ngoài vườn không
giật mình trắng rụng đầy song
đôi xa gió nhẹ bước chân em buồn
người tìm dấu vết quê hương
chạnh niềm hoài vọng mà thương thân người
đất nằm bỗng trở hoa tươi
hồn thu tiếng rụng bên trời gió đưa

3.-

chân em buồn bã bao giờ
đã vang giấc mộng bên bờ hư không
rời tay thân đắm lệ hồng,
vèo bay lá rụng tiếng ngân giữa trời
ngàn cơn gió trở bên người
qua hai mươi tuổi thấy đời bao la
với em ngủ mộng giang hà
với thân gió tấp mưa sa nỡ về
bên đèo giả mộng vàng khuya
đêm lên phố thị sầu chia nhân tình.

● BỨC THƯ PARIS

tiếng
người
xa
xa

● * Nguyễn-văn-Côn

CHỦ nhật 20 Juin, mùa hè mới đến thực sự, vì rằng mấy tuần trước trời vẫn âm-u, mưa vẫn rì-rả. Chủ-nhật ấy cũng trùng vào ngày hội họp vài bạn xưa tại nhà một anh bạn, mà cũng là một văn nhân danh tiếng, anh Nguyễn-Tiến-Lãng.

Anh bạn này ở vùng ngoại-ô Antony, cách châu thành Paris chừng 10 cây số. Những bạn nào đã sống ở Paris, nhứt là các bạn sinh-viên, đều quen thuộc với con đường xe lửa « Ligne de Sceaux ».

Đường xe lửa này chạy từ « gare Luxembourg », tức là ở góc đường Saint Michel và đường

Gay Lussac, trước vườn Thượng-Uyển Luxembourg, mà trong những buổi nắng hè, sinh-viên các trường ở xóm La-tinh đều đến ngồi tắm nắng, cho đến Robin-son và Thung Lũng Chevreuse (Vallée de Chevreuse). Xe lửa đi qua một « gare » rất quen thuộc, tức là Đại-Học-Xá (Cité Universitaire).

Khi lên chuyến xe lửa này tại « gare Luxembourg », bạn sẽ thấy rất nhiều nam nữ sinh-viên tuấn tú, thuộc về nhiều dân tộc (Anh, Mỹ, Đức, Việt-nam, Nhật-bản, Nam-Mỹ v.v...) cầm đầu vào sách vở khi ngồi đợi xe. Họ ào lên khi xe tới, vui cười, chuyện

trò, rồi tan rã khi xe đến « ga » Cité Universitaire.

Nhưng hôm nay tôi không mời bạn ghé thăm Đại-Học-Xá, mà mời bạn đi với tôi xa hơn nữa, đề đến « ga » Fontaine Michelon ở Antony.

Bữa hôm nay, cùng đi với tôi có một ông bạn qua đây đã lâu, và tình duyên thiên lý đã đưa anh ăn ở với một cô đầm người Anh quốc. Nhưng nếu bạn đến nhà ông này, thì bạn hơi ngạc nhiên vì « cảnh gia đình », tuy ở Âu phương, mà sự sắp đặt vẫn lộn thộn, để dãi như một căn phố ở Chợ Lớn. Chỗ tiếp khách cũng là chỗ ăn cơm và làm bếp, và dưới bức tranh cô gái Nhật-bản, là một cái bàn nhỏ, trên đó có miến (bún tàu) lạp xưởng, gạo. Chỉ dơ tay từ chỗ ghế ngồi anh kéo ở tủ lạnh ra một chai nước cam, tiếp khách một cách tự nhiên, và cô bạn anh, cũng tự nhiên bắt tay khách : « How do you do ? » Đông Tây có lẽ gặp nhau ở chỗ đó !

Nhưng ông bạn này tính trẻ trung, vui vẻ và đối với các bạn, tuy hơi « ngây thơ », nhưng tốt lắm ; chúng tôi mỗi ngày nghỉ, đều lại thăm anh, để nghe anh cười một cách rất lạc quan, hùng-dũng, và niềm vui của anh như thế, hàng xóm cũng được hưởng lây. Anh bạn này còn am hiểu Hán tự và chữ nho anh viết rất đẹp. Câu châm ngôn treo ở trên vách tường mà chính tay anh viết là : « Bần Như Lạc ».

Hôm nay anh lấy xe hơi nhỏ của anh đưa tôi đi Antony. Khi xe ra khỏi « Porte d'Orléans », thì không khí bắt đầu mát mẻ, dễ chịu. Tuy vẫn còn nhà cửa liên tiếp, nhưng vườn, ruộng đã thấy rải rác, và khi gần đến Antony thì hoàn toàn là cảnh tượng cây đời, vườn thắm.

Nhìn xa một chút nữa, ta sẽ thấy chập trùng các đồi xung quanh thung lũng Chevreuse, một nơi danh tiếng gần Paris, nơi mà xưa kia nhà bác học trú danh Pascal trong những năm 1652, 56

đã lưu trú trong những giờ trầm tư mặc tưởng. Ngày nay thiên hạ vẫn đến viếng Port-Royal, và các bậc hào phú đã có biệt thự riêng ở đây.

Nhưng anh bạn của tôi không ở xa đến thế, anh ở Antony, không xa Paris lắm. Nhà của anh (bên này gọi là appartement) ở vào những ngôi nhà lớn mới cất, nên rộng rãi và đủ tiện nghi ; lại nhờ chị Lãng có tài trang bầy có « gout » (tức là có mắt mỹ thuật) : phòng khách với những ghế ngồi theo kiểu nước mình, trên tường có bức tranh « Thầy đồ dạy trẻ con học chữ nho » của họa sĩ Mai-trung-Thứ. Nên nhớ đây không phải là bức họa chánh, mà là một bức sao lại (reproduction), được bán ở thị trường quốc tế, vì tài nghệ của họa sĩ Thứ đã được quốc túy Việt-Nam vẫn còn phảng phất ở góc trời Tây.

Chúng tôi đi xe hơi, nhưng anh bạn tưởng chúng tôi đi bằng xe lửa, nên đã trân trọng ra đón chúng

tôi ở « ga » Michelon, hơn nửa giờ. Sự nhớ lại, chúng tôi lại đi rước anh, và khi gặp anh, tiếng cười của ông bạn đi với tôi đã đánh thức người xét giấy, đang thiu thiu dưới trưa hè.

Con gái út của anh bạn, cháu Hồng-Liên, năm nay 12 tuổi, học lớp 5è và cuối năm được giải thưởng chữ La-tinh, thật là « Phụ nghiệp tử năng thừa », vì xưa kia khi anh bạn còn học ở Lycée Albert Sarraut ở Hanói cũng đã chiếm phần thưởng La-tinh và Pháp văn. Cháu Hồng-Liên ngoan ngoan ra chào chúng tôi với tất cả lễ phép Việt-nam, khác hẳn với một vài gia-đình ở đây. Tây chẳng ra Tây, ta chẳng ra ta.

Buổi cơm trưa với bún chả, canh chua thịt heo, có cả rau muống cắt nhỏ, làm cho tôi sự nhớ khi còn ở bên nhà.

« Đi tìm lại thì giờ đã mất » (A la recherche de temps perdu), tôi nhớ lại đoạn Marcel Proust

Dina Midol Trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/B.Y.T./D.P.D.C.

Tăng cường sinh-lực BĂNG **CETONIC** 250 mg VITAMINE C
1483.B.Y.T./D.P.D.C.

tìm lại tất cả hương vị thời xưa khi ăn bánh bông-lang (macleine) chấm vào tách nước trà, và cũng làm cho tôi nhớ nem, chả lụa, bột khoai bún tàu...

« Thú quê thuần hức bén mùi, Giếng vàng đã rụng một vài lá ngô ».

Những thú quê và cặp mắt huyền của cô thôn nữ Việt-nam là những giây thân ái vô hình kìm giữ tâm trí tôi nơi khách địa. Nhưng đến đây đâu đã hết « niềm thương nỗi nhớ ». Một cảm động lớn đang đợi chờ tôi ở giờ sau : trong lúc chúng tôi uống trà, thì anh bạn cho hay có một vài đĩa hát Việt-Nam, như là có vài bài hát mà anh bạn (một người phong nhã) biết chúng tôi rất thích, đó là những điệu hát xưa « gửi thư », « Tý bà », « kể chuyện » v.v...

Thế rồi anh bạn cho chạy đĩa hát.

Tôi nhìn cây kim chạy theo những đường nhỏ xíu, đôi khi trầm bổng như trên sóng vô hình,

nhẹ nhàng như sợi tóc phe phẩy trước gió, chạy quanh theo đĩa hát như một guồng máy vô tận.

Rồi từ « chỗ không người » bỗng trời lên tiếng nhạc, giọng ngâm, như từ nơi xa vọng lại. Tâm trí tôi đang chơi vơi trên giòng xúc cảm, bỗng giữa tiếng ngân dài giọng ai dịu đặt đưa lại mấy câu :

... Quá quan này Khúc Chiếu Quân
Nửa phần duyên chúa nửa phần tư gia.

Trong như tiếng hạc bay qua
Đục như nước suối mới sa nửa vời.

Tiếng khoan như gió thoảng ngoài
Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa.

Ngon đèn khi tỏ khi mờ,
Khiến người ngồi đó cũng ngỡ ngần sâu.

Tiếng hát sao trong như thế ! đẹp như thế ! Một nửa hồn tôi đã bị lôi kéo vào tình cảm, về nơi xa xôi. Linh thiêng thay giọng ngâm ấy, tiếng hát ấy ! Vì rằng đó là :

Tiếng nước tôi,
Tiếng mẹ sinh từ lúc nằm nôi.

Tôi đang bàng khuâng, bồi hồi, thì trời theo cây kim, văng vẳng mấy câu « Cung oán ngâm khúc » với những ý tưởng cao vời, lời thơ ai oán :

« Hình mộc, thạch vàng kim, ốc cò Sắc cầm, như, ử vũ, e phong.

Tieu-điều nhận sự đã xong
Sơn hà cũng ảo, còn trùng cũng hư,

Cầu Thệ thủy ngồi tro cỏ độ,
Quán Thu phong đứng rêu tà huy.
Phong trần đến cả sơn khê,
Tang thương đến cả hoa kịa cỏ này. »

Mấy câu ngâm này như đang tả cho tôi những điều linh biến cái mà nước ta, « sơn hà » của ta đang phải đứng chịu !

Đến đây thì cuộc hội họp đã chuyển hướng. Chúng tôi tưởng đâu như không còn ở dưới trời Tây nữa, mà đang ngồi ở một nơi nào ở quốc nội :

« Cho hay là giống hữu tình,

Đốt at gờ mới tơ mảnh cho xong. »

Tay cầm tách nước trà, tôi không biết có còn muốn níu lại thực tại hay không, nhưng tôi thấy tâm hồn bị muôn giây dằng buộc, và trong lòng rất nhiều khát khao :

Tuổi lòng từ thuở biết yêu,
Tình quê nhắc mãi muốn chiều không vơi.

Cũng như tôi, bạn tôi rất thích Tân-Đà vì vậy anh cho chạy đĩa hát có bài Hát Nói « Hời Gió ».

Bỗng có tiếng đàn tranh, tiếng phách và tiếng trống « tom, chát, tom » ! Rồi bốn câu Mưỡu được ngâm rất thanh thoát, và giữa hơi ngân dài nổi bật lên một hai chữ, có tiếng trống « thường » : tom, chát, tom !

Cát đâu ai bốc tung trời
Sóng sông ai vỗ, cây đời ai rung ?
Phải rằng gì gió hay không
Phong tình đem thổi lạ lòng treu ai !

NÓI

Khoát tat phong dã !

Dũng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BY.1/DPDC

CETONIC 250 mg VITAMINE C
BĂNG
1485-BY.1-DPDC

*Giống vô tình cây đá cũng mê toi
Gỡ gió đây ta hít đôi lời,
Ta hỏi gió quen ai mà phảng phất?
Thứ thị Đà giang phi Xích Bích
Đã vô Gia-cát dữ Chu Lang
Ai cầu phong mà gió tự đâu sang
Hay mãi khách văn chương tìm
kết bạn ?*

*Gió hơi gió phong trần ta đã chán
Cánh chim bằng chín vạn những
chờ mong
Nên chẳng gió cũng chiều lòng.*

Những câu hát nói, chen lẫn tiếng đàn tranh, tiếng phách khi khoan thai, khi dồn-dập, theo tiếng trống điểm câu, những câu « kể chuyện », những giọng ngâm t or, với lời đẹp như tơ như lụa, như trăng, như hoa, với ý sâu mang mang như lòng người « chinh phụ », đã tạo lại trong hồn tôi những cảnh vật thân yêu, những mặt người âu yếm.

Tiếng hát trang trọng, quý phái, thì dịu-dạt, khi vô vẻ, khi than van, đó là cả một linh-hồn xa-xôi lang tiếp xúc với linh hồn tôi trong những phút thiêng liêng.

Tôi cố hình dung lại nét mặt cô ca nữ trong đĩa hát, nhưng hình ảnh của cô mà tôi cố tạo ra

người thân yêu, với những tà áo tím, tà áo xanh, với chiếc nón che mặt hoa bên cạnh hồ sen. Rồi tự nhiên tiếng hát kia trở thành tiếng chung của bao nhiêu thiếu phụ Việt Nam mà tôi đã từng được nghe xưa kia, trong trẻo, êm thắm lưu luyến như tiếng của ngàn thông ở bờ bể Sầm Sơn, của dãy phi-lao ở Đỉnh Ngự, của vườn măng sầm uất ở Gò Vấp; tiếng của núi sông, của ngàn nội, của vọng hồn, tiếng của Tình Thương, của Quê Hương :

*Âm thầm đau giận ngàn ngơ
So ra lặng lẽ, bấy giờ càng hay*

Tôi từ giã bạn. Mặt trời đã ngã về Tây, sau ngọn đồi Dourdan, và trong óc tôi như còn đồng vọng câu hát của bài nghe sau chót: « Tiếng hò trước bến Văn lâu Ai thương, ai cảm, ai sầu, ai trông ? »

Tiếng hát của cô ca-nữ, tiếng nói của những ai ai, tôi không quên và không bao giờ quên cả. Đó là lời xa gửi của tôi về những người « em » thường viết thư thăm hỏi tôi, từ miệt Chợ-lớn, Bình-dương, Khánh-hội, Vĩnh-bình và còn xa hơn nữa.

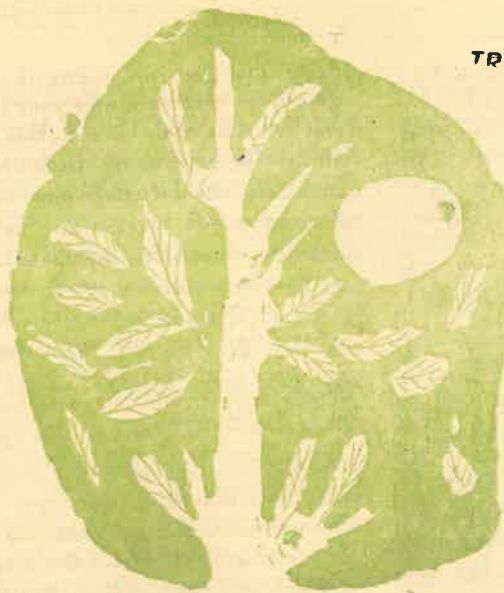
Thân mến

Tăng cường sinh lực

BĂNG

CETONIC 250 mg
VITAMINE C

1483. BYT. DPBC.



TRĂNG
TÍM



MARIE NOEL



HỮU - CHÂU dịch

Trăng ngủ trên các vòm cây lấp lánh như những bông hoa rừng nở trên cành lá. Con gió thoảng, những giọt sương đêm chảy xuống cuống hoa rớt nhẹ trên thảm cỏ khô. Từng chiếc lá vàng rơi siết nhẹ trên hè vắng.

Kim năm một lá, héo hắt như cánh hoa «pensee» ép khô trong một cuốn sách để lâu ngày. Kim đặt đôi tay gầy guộc lên tấm vải mềm, nói bằng một giọng yếu ớt :

— Chị ơi ! cũng vào tháng tám này cách đây ba năm, tim em đã bị nứt rạn đau thương ! Em sẽ kể lại cho chị nghe một chuyện tâm tình, em không muốn kể câu chuyện ấy cho ai nghe, ngoài chị.

Chị còn lạ gì tuổi mười lăm, đẹp hồn nhiên như trang giấy. Hồi đó, em học Trung học. Em quen Chi và hai đứa trở nên đôi bạn thân. Chi đến với em như một phép lạ nhiệm mầu. Hơn nữa, hai gia đình lại quen biết nhau. Ba Chi là một công chức làm việc ở nơi xa, nên Chi nội

trú tại nhà trường. Cứ mỗi chỉ nhật em lại đón Chi về nhà chơi.

Vì sống cô độc nên em không biết đời là gì, em vẫn giam mình trong bức tường nội tâm, nên suốt ngày em làm lì, ít nói.

Em rất sợ giao thiệp cả với bạn em nữa. Với Chi, tất cả những mặc cảm ấy đều biến mất. Em không hiểu là em có yêu Chi thật không? Thật chính lúc ấy, em cũng không hiểu em nỗi nữa!

Hồi đó, em ăn mặc rất luộm thuộm, em đến trường như kẻ xa lạ; nhiều lúc em cũng muốn hòa niềm giao cảm với bạn hữu nhưng không hiểu tại sao, em lại cảm thấy trở trên. Họ không muốn nghe em nói, vì em nói chuyện vô duyên lắm! Những phút buồn tẻ ấy, Chi đã đến với em. Nàng cho em những cử chỉ trìu mến đầy tình thương, đã lấp kín khoảng trống tâm hồn em. Nhờ vậy, em đã tìm thấy lẽ sống.

Trong màu đối thoại với Chi em thấy có một cái gì quyến rũ lạ thường. Em nói chuyện huyền thuyên như con chim sò lông.

Thật là trái với ngày thường, con người em cần cỗi, ít sống động. Khi gần Chi em thấy vui tươi. Chính điểm này em cũng thấy thắc mắc, không biết tại sao lại như thế? Em sống cô độc, ngoài Chi. Các bạn trong lớp học đều xa lánh em. Em như một quái thai của thời đại; họ nhìn em bằng cặp mắt lạnh lùng! Vì vậy em thấy tủi thân.

Chi ạ! Chi không đẹp, nhưng ở trong Chi có cái gì dễ thương hơn. Chi học giỏi hơn em nhiều. Chi vẫn dẫn đầu lớp học. Có một điều đặc biệt là Chi làm việc gì cũng dễ dàng. Từ tình cảm đến việc làm, Chi đều thành công. Còn em, số phận vất vả long đong nên làm việc gì cũng lặn lội khó khăn.

Tính tình Chi dễ thương. Nàng có một giọng nói rất ấm, dễ nghe. Chữ nàng viết rất đẹp. Bài Chi làm rất hay. Nhìn những giòng chữ viết của nàng em đã thấy cảm mến, chứ chưa nói đến nội dung phong phú của bài ấy.

Chi ạ! Chi được các bạn em

coi như là một « thần tượng » chứ « thần tượng » em muốn nói đây là Chi gương mẫu, học giỏi nên đã chinh phục được hết thầy học trò trong lớp.

Còn về em thì kém xa nàng vài bậc. Đặc biệt môn quốc văn, em đứng sau nàng, còn về thì em mít đặc.

Chi ạ! Chi không đẹp hơn em. Nhưng vì em ít nói, khô khan còn nàng thì tươi như bông hoa nên dễ chiếm được cảm tình của mọi người, đôi lúc em thấy ghen tức, và thấy vô lý nên em không dám suy ty với nàng nữa! Em phải nén đau khổ để quên thực tại. Vì Chi là bạn thân của em. Ngoài nàng, em không còn ai để trò chuyện. Em tự hiểu những nhược điểm đó, tự nhiên em sợ mất nàng. Nàng là nguồn sống trong em, nếu thiếu nàng, em thấy thiếu tất cả cuộc đời.

Những ngày chủ nhật, em dành tất cả cho Chi; em không giao thiệp với ai, ngoài Chi. Có lúc, các bạn

em đến hỏi chuyện, em cũng cố tránh và chỉ xúc tiếp với họ vào ngày thường.

Em muốn Chi là tất cả của em. Em yêu nàng nên đã dọn dẹp nhà cửa để đón nàng như công chúa đón Hoàng tử. Phòng học của em kết đầy hoa. Mỗi bông hoa, em trích một câu thơ để nàng tự đọc và đoán lấy. Như hoa Mimosa « tình nàng trinh nữ », hoa Hồng « tôi chết trong cánh tay người yêu ». Em đưa nàng đọc những cuốn sách hay, những giòng thơ lạ. Điều đặc biệt là nàng thích thơ VICTOR HUGO. Chúng em chụm đầu thủ thi. Nàng ngâm thơ cho em nghe. Lúc đó bà nội em đi qua, mỉm cười khen hai đứa đẹp đôi.

Chi ơi! em sẽ kể tiếp cho chị nghe mẫu chuyện này.

Năm ấy, chúng em đóng kịch để chào mừng Xuân. Chúng em chọn vở kịch « kẻ ghét đời » để trình diễn.

Tăng cường Sinh lực

BĂNG

CETONIC 250 mg VITAMINE C

1483.BYT.DPDC.

Dung midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm

1360/BYT/DPDC

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY.

Em được nhà trường giao cho thủ một vai trong vở kịch ấy. Vì em yếu tim nên ba em ngăn cấm, sợ em yếu sức. Thế là câu chuyện đóng kịch đối với em như là con số không. Chi đóng vai Philinte. Nàng có một khuôn mặt dễ cảm tình nên nàng thủ vai này hợp lắm. Còn vai của em là anh chàng Alceste, kẻ ghét đời, luôn luôn cau có. Em rất thích vai này, nó đã nói lên tâm trạng một kẻ luôn luôn nhăn nhó, vì đau khổ. Em rất tiếc là không được trình diễn vai này.

Buổi văn nghệ đêm đó, trên sân khấu đã vắng bóng em. Em ngồi lặng lẽ nhìn họ diễn kịch và đôi lúc em cũng hòa niềm vui vào những cảnh trên sân khấu.

Tám màn nhưng vừa buông xuống, em tất tưởi chạy xuống hành lang để nhìn tận mặt họ. Em muốn hình dung những con người thật của họ qua những lớp hóa trang vai quần công, bá tước. Nhưng khi gặp họ em mơ hồ như họ sống ở thế kỷ xa xưa. Em không nhận được ra Chi. Họ

vẫn còn ở trong lớp hóa trang vai kính đó. Nhìn bộ tóc bạch kim cổ kịch em cảm thấy xa lạ. Giữa họ và em là hai thế giới, hai cuộc đời. Những cảm nghĩ ấy vẫn hiện ra rõ rệt dưới mắt em. Em nghĩ đến họ nhiều quá. Lúc ấy, em có cảm tưởng như sống ở trong một thế giới kỳ lạ! Khi em nhìn lại mình thì em chỉ là một đứa trẻ thơ ngây với mái tóc cũn cùn... Họ ùa ra phòng ăn lúc nào mà em không biết.

Em sững sờ bước theo họ. Phòng ăn chật ních đầy người. Vì hôm đó, các học sinh ngoại trú cũng được mời tham dự. Em bị lạc trong một biển người. Riêng em vẫn không kiếm được một chỗ để ngồi. May quá hàng tư còn sót lại một ghế trống nên em ghé ngồi ăn tạm. Em ngồi chung với học sinh lớp 4. Họ nhìn em bằng cặp mắt lạnh lùng. Lúc ấy em có cảm tưởng như ngồi ăn bên quán hàng xe lửa, các khách hàng ăn vội vàng, không ai chuyện trò với ai.

Em đảo mắt thấy Chi ở xa

nàng không nhìn thấy em. em định bụng, sau bữa ăn, em sẽ gặp Chi để trò chuyện. Song ý định ấy bất thành. Sau bữa cơm là buổi khiêu vũ. Em đến tìm giữa lúc nàng đang nhẩy với Célimène. Chi lúc này không phải là Chi của em nữa. Chi bây giờ là thần tượng của mọi người, cả trăm cặp mắt đều đổ dồn về phía nàng để chiêm ngưỡng. Hình ảnh Philinte trong vai kịch vẫn khắc sâu trong tâm trí mọi người. Alceste, Oronte vẫn là những vai kịch, tuy không còn ở sân khấu, nhưng hiện tại họ vẫn được quần chúng ngưỡng mộ. Em tiến lại gần, ra hiệu cho Chi nhưng nàng đâu có chú ý đến em. Vì rụt rè nên em không diễn đạt những điều em muốn nói. Lúc đó Chi đang say sưa nhẩy nên quên cả em. Giữa bầu không khí náo nhiệt, Chi đã lẫn trong đêm liên hoan. Em không tìm thấy Chi nữa!

Một nỗi buồn tê tái xâm chiếm tâm hồn. Em có cảm tưởng như bị một mũi dao sắc nhọn đâm sâu

vào tim, đau nhứt nhối. Em chưa từng bị đau đớn như lúc này. Em chắc những kẻ bị giết đau đớn về thể xác cũng không đau đớn bằng sự dày dò trong tinh thần em. Mắt em hoa lên và hình ảnh Chi vây quanh lấy em. Em bị tuyệt vọng. Em lảm bảm... Chi Chi...

Thế mà trước kia em vẫn tin tưởng vào nàng. Em đã bị tiếng nói ngọt ngào của nàng lôi cuốn; đến nay em mới nhận chân được sự thật ấy.

Em suy tư mệt mỏi, nên em không thích khiêu vũ. Em tìm một chỗ kín trong bóng tối để quên đời. Chợi ơi! Khi người ta đau khổ thì cái gì cũng thành ra bị quan cả. Ngay cả chiếc áo lông lấy của em đang mặc mà mẹ em đã chọn bằng một thứ hàng thiết tốt và may ở tiệm thiết khéo, đến nay em nhìn nó chỉ là chiếc áo mầu tang!

Em ngồi co ro trong bóng tối như người bị tai nạn xe cộ. Em đang quần quai ôm vết thương



lòng thì có một vài người tới mời em nhảy. Từ chối không tiện, em nhảy xã giao như người máy. Buổi khiêu vũ sắp tàn, khi người nhà đến đón em về thì nàng mời em nhảy bài chót. Em lấy cố một và từ chối khéo. Đây là lần đầu tiên em đã chống lại ý kiến của nàng. Lúc này mắt em hoa lên và chạy ra về như kẻ mất hồn.

Em mệt mỏi lên giường nằm, thồn thức xóa trắng đêm. Em muốn xua đuổi mọi hình ảnh để quên Chi, nhưng càng xua đuổi nó bao nhiêu thì em lại thấy đau khổ bấy nhiêu.

Em trải qua một bêm tang tóc. Em nhìn người chết bằng đôi mắt tuyệt vọng mà linh cảm em vẫn hy vọng một nhịp thở của kẻ chết sẽ hồi sinh. Thật là một sự hy vọng lạ lùng.

Mặc dầu niềm hy vọng ấy chỉ là ảo ảnh, em vẫn nuôi hy vọng đến cùng! Mặc. Em không cần biết, em chẳng khác kẻ chết đuối giữa giòng sông cổ ngoạn mình để tìm lối sống...

Suốt đêm ấy em cựa mình,

thở dài thườn thượt khiến cho ba mẹ em ở phòng bên thức giấc. Vì ba mẹ em biết em bị đau yếu luôn nên người thường hay chú ý đến giấc ngủ của em. Sự săn sóc thuốc men chỉ dành cho người đau, còn em bị tinh thần dày vò thì thuốc nào chữa khỏi?

Ngày hôm sau tựu trường, không khí tung bừng của ngày hội còn vương trên ánh mắt mọi người. Họ đã tăng tốc nhau như những nhân vật trình diễn trên sân khấu đêm rồi.

— Kia hầu tước đã đến!

— Philinte khoác tay Célime mà ới?

Chi lộng lẫy như nàng công chúa, mắt em hoa lên.

Niềm đau khổ ấy vẫn cứ thấm sâu trong tâm linh em, nên Chi thông cảm và một buổi sáng Chi đến bên em, khẽ nói:

— Kim ơi! Chi nhớ Kim lắm! Chi nói bằng một giọng chân thành, em thấy rung động. Em muốn tin ngay những lời nói đó là đúng; nhưng óc lại thẳng tìm. Em hoang mang trước tình cảm và lý trí mà mỗi bên đều có luật sư

bào chữa hùng hồn cho bị can. Em đã bất lực trước thực tại...

Chi ơi? Tại sao nội tâm của người lại khó hiểu đến thế hở Chi? Em muốn tìm hiểu sự thật của tình cảm; nhưng đáng tiếc em tìm mãi cũng không thấy chân lý.

Em quan niệm đời là một sân khấu, nên con người dễ bị sa ngã vì nhẹ dạ. Cũng như em đã tin họ để rồi em được nhận một sự thật chua chát. Nó chẳng khác như cái bong bóng sà-phòng đẹp muôn màu và khi vỡ nó dưới đất, nó chỉ là một giọt nước mắt.

Em biết rằng, em đau khổ mà em vẫn cứ phải theo đuổi nó. Em nhớ vào một buổi sáng, sau bài thuyết trình có chiếu phim ảnh. Đáng lẽ theo thứ tự thì Chi phải ngồi xa em, may mắn bà Giáo lại cho ngồi tự do. Em mừng rỡ ra hiệu cho Chi. Em có ý định mời Chi ngồi cạnh em để tâm sự. Ngược lại, Chi đã quên em, nàng lại ngồi bên Thúy cười nói vui vẻ.

Mồ hôi trên trán em ướt vã. Tim em đập mạnh hơn lúc nào

hết! Em đã hình dung được sự thật mà trước đây em đã nhiều lần tha thứ cho nàng. Em cần môi cố nén giận hờn. Thì ra từ trước đến nay, Chi vẫn lừa dối em, em cả tin nên ngày nay em bị đau khổ. Nét mặt em lúc đó, thiều não quá! Bà giáo khuyên em nên ra ngoài cho thoáng khí.

Em đi đâu bây giờ? Em tới phòng thuốc chằng? Em sợ mùi thuốc lắm! Hơn nữa, em có đau ốm gì đâu? Óc em bị rối loạn như kẻ mất hồn. Em định chui vào lớp học thì học sinh họ nhìn em trừng trừng... Em hốt hải đi mãi... Sau đó, em vào căn phòng vắng vật để tạm nghỉ. Em nhìn thấy vật dụng để bữa bãi, nhất là hai bộ xương người. Trông thật ghê rợn! Lúc đó, óc em lại thoáng nghĩ: họ đã trút được một cuộc sống trần tục; còn em chưa được giải thoát như họ.

Em gục đầu trên bàn và muốn xóa hẳn những ý nghĩ đó để em được sống lại hồn nhiên.

Chợt một bàn tay vỗ vào vai,

Tăng cường Sinh lực
BĂNG

CETONIC 250 mg
VITAMINE C

1483. BYT. DPBC.

Tăng cường Sinh lực
BĂNG

CETONIC 250 mg
VITAMINE C

1483. BYT. DPBC.



em giặt mình ngang đầu lên. Em buột miệng kêu :

— Chi.. Chi..

— Kim yêu ! tại sao thế...

Nàng an ủi em, nhưng lúc đó tâm hồn em bị giao động như trận cuồng phong. Em nhớ lại thứ tự hình ảnh đêm văn nghệ vừa qua. Từ bữa cơm cô độc đến buổi khiêu vũ âm thầm ; tất cả hình ảnh đó làm cho em khổ sở... Chi ôm lấy em khẽ nói :

— Kim ơi ! Chi yêu Kim mà !

Trước đây, những lời nói ấy có một phép nhiệm màu, khiến em xúc động, đến nay tiếng nói ấy đã trở thành nhạt nhẽo. Em quắc mắt la lớn :

— Đồ xảo...

Chi hoảng hốt lùi lại :

— Chi có xảo đâu ?

Nàng nói bằng một giọng khò

sở, khiến em thấy mũi lòng. Lúc này em lại thấy yêu thương nàng như thuở nào em mới biết yêu.

— Chi tha lỗi cho Kim. Lúc này Kim nóng giận đã làm cho Chi buồn. Thôi, chúng mình về lớp học đi...

Từ đó, chúng em lại thân nhau như cũ. Câu chuyện giận hờn của hai đứa đã nhòa theo thời gian, mọi việc đều trở lại như xưa. Tuy nhiên, niềm tin của em có giảm đi nhiều, so với trước ; vì vậy nụ cười tiếng nói của nàng vẫn không hàn gắn được vết thương nứt rạn giữa hai người.

Nhìn rõ nhược điểm đó, nàng đã tìm mọi cách để gần em hơn. Có những buổi nàng săn sóc, vuốt ve em như người chị săn sóc em nhỏ.

Sở dĩ Chi đã có những cử chỉ trên là do nàng đã hiểu rõ tâm trạng em. Nàng muốn san bằng những mâu thuẫn nội tâm để nối lại tình yêu giữa hai người ; nhưng thực tại vẫn nan giải.

Bởi vì, em quan niệm tình cảm là sự rung động tự nhiên của con người, cũng như vết thương kia, tuy lành hẳn, nhưng trên tay còn in hằn vết sẹo thương đau ! Chi thương em, yêu em, nhưng nếu cử chỉ kia hời hợt, em cảm thấy đó chỉ là giả tạo mà thôi ! Em muốn tình cảm ấy được phát hiện

trong nội tâm, chứ đâu cần đến sự săn sóc hời hợt ấy ?

Chi ơi ! Có ai lại nghi ngờ mặt trời không sáng đâu ? Song những thành kiến ấy như vết dầu loang. Chi đã tìm mọi cách để tẩy sạch vết dầu ấy bằng cách chiều chuộng em đủ thứ, nào là giúp em làm toán, nào là cho em chiếc khăn quàng đẹp. Ngày hôm qua nàng đã bỏ cả bài làm để dịch. Anh vẫn giúp em. Chi đã làm tất cả để nói lên tình thương yêu của nàng, đối với em !

(còn nữa)



* QUÁ CẢN THÂN

Một bà nọ có thai lần thứ tư. Bốn lần cùng đều đến khám tại một bác sĩ, nhưng bà ta chưa làm lễ cưới.

Bác sĩ thấy cần phải khuyên bảo bà ta.

— Thưa bà ! Những đứa con của bà chào đời đều không có cha nhìn nhận. Đã bốn lần rồi, thế sao bà... ?

Bà nọ đáp :

— Nhưng vẫn người ấy là cha của bốn đứa con tôi cả đó.

— Thế sao bà vẫn chưa làm lễ cưới với ông ấy ? Ông ta không muốn à ?

— Hẳn muốn lắm chứ ! Ấy là tại tôi còn lo ngại đó.

— Tại sao ?

— Tôi còn để chờ xét xem hẳn có đứng đắn không đã

đêm trăng hỏi bóng

★ SONG-THU

Cái này là cái gì đây ?
Mấy hôm không thấy mà nay lù lù ?
Hay là ở trời Âu lướt tới ?
Hay là trong hàn đới bò ra ?
Ta đi nó cũng theo ta,
Ta ngồi nó cũng thiết tha bên mình.
Thì ra BÓNG với hình theo dõi,
Lúc đèn khuya trăng rồi có nhau.
Lạnh lùng gió thổi hơi Thu,
Vàng mây càng lấp, sóng thù càng xao
Bao nhiêu năm công lao biết mấy !
Tạo ra Hình mới thấy ngày nay
Gương Nga vắng vạc canh chầy,
Mà người sao lại mặt mày đen thui ?
Hãy đứng lên, lo chùi lo rửa !
Cho hình hài sáng sủa như ai.
Đen thui là bởi ý Trời ?
Hay là muốn để cho đời xét suy ?
Mãi ngồi đấy lì-lì một đồng !
Ra chi chi há giống con người !
Dưới đời ai cũng như người,
Thì thôi đâu có khóc cười tang thương ?
Hay là thiếu cang trường tâm huyết ?
Cho nên người không biết phải chăng.
Đêm khuya xin kiếu chị Hằng !
Quảng-hàn chị tới, ánh trăng tôi rời.
Giữ từ chiếc bóng; bóng ơi !
Bóng đi cho khuất kéo đời mĩa mai.
Chẳng qua một vở bi-hài ! . .

(Ái-ly Trung-thu)

KHÔNG

C Ó

G I Ả I

TAO-ĐÀN BẠCH-NGA 1965



Vi tình-hình kinh-tế khủng-hoảng, vi tình thế chính-trị khẩn-trương, chúng tôi rất tiếc báo tin đề các bạn văn nghệ biết rằng chúng tôi tạm ngưng Giải Tao-Đàn Bạch-Nga 1965.

Chúng tôi xin thành thật cảm tạ các bạn Thi-sĩ trong Nước và ngoài Nước (52 bạn) đã có thịnh tình hưởng ứng giải Tao-đàn năm nay, và thành thật xin lỗi các bạn.

Chúng tôi còn giữ đủ các bản-thảo của quý bạn. Nếu các bạn đồng ý, các bản-thảo ấy sẽ đương-nhiên dự Giải Tao-đàn 1966 nếu không có điều gì trở ngại như năm nay.

Xin quý bạn Thi - nhân cùng toàn - thể bạn đọc Phổ-Thông niệm tình thông cảm.

Tao-đàn Bạch-Nga



Tuấn DÂN CHÚNG
LỊCH SỬ
XÃ HỘI HIỆN ĐẠI
CHANG TRAI 1910-
NƯỚC VIỆT 1960

★ Nguyễn-Vũ

(tiếp theo P.T. 156)

Lúc vua Khải-Định chết, năm 1925, thì Bảo-Đại mới có 12 tuổi, được tôn lên ngôi Hoàng-đế, nhưng vì còn nhỏ quá nên chính phủ Nam-triều được ủy nhiệm cho một « Hội - đồng Phụ - chánh » (Conseil de Régence) dưới quyền của ông Nguyễn - hữu - Bài, Phụ chánh Đại thần và ông Tôn-thất-Hân, chủ-tịch Tôn-nhân-Phủ.

Bảo-Đại được chánh phủ thuộc địa cho đi du học bên Pháp từ hồi 8 tuổi, năm 1925 về để tang cho vua cha, rồi lại trở qua Paris

tiếp tục việc học. Năm 1932, vua Bảo-Đại, 19 tuổi, thi đỗ tú tài được người Pháp cho về Huế để cầm quyền cai trị. Về phương diện lịch sử thì như thế. Tuy nhiên, những kẻ theo dõi sát tình hình biến chuyển trong nước, thì nhận thấy sự hồi hương của vị vua thiếu niên hào-nháng ấy có một tác dụng chính trị khôn khéo và sâu rộng hơn.

Tuấn còn nhớ rõ năm 1921 Tuấn còn học lớp Ba trường « École de plein - exercice de Quảng Ngãi », một buổi chiều toàn thể học trò phải đứng sắp hàng hai bên đường từ cửa Tây đến cổng Tòa Sứ, để phát tờ chào

TUẤN, CHANG TRAI

Hoàng-Thái-Tử Vĩnh-Thụy, một cậu bé 8 tuổi. Vào khoảng 4 giờ, một đoàn xe Citroën 5 chiếc, đèn bóng, từ Huế vào, (chắc có ghé Tourane) định nghỉ đêm ở Tòa sứ Quảng Ngãi để hôm sau tiếp tục hành trình vào Saigon, đáp tàu thủy qua Pháp du học.

Tuấn thấy rõ cậu bé Hoàng-tử ngồi trong chiếc xe thứ hai, và theo lệnh thầy giáo học trò phải phát tờ giấy tam-tài của Pháp khi đoàn xe đi qua.

Chiều tối, sau buổi học. Tuấn lúc đó mười tuổi, còn đứng lảng-vảng trước cổng tòa Sứ dòm vào thấy cậu bé Hoàng-tử mặc áo gấm thêu, quần lụa trắng, mang giày dùa thêu, đứng trên bao-lơn giỡn cười với một vị Triều-thần. Ngoài y-phục hào-nháng của con Vua, cậu bé Hoàng-tử không có gì đặc-biệt hơn các cậu học trò thường. Tuấn hỏi thầy giáo được thầy cho biết « Hoàng-tử mới học đến chương trình lớp Ba ». Tuấn tự an-ủi con vua không giỏi gì hơn mình.

Năm 1932, Tuấn đã thi đỗ Tú-Tài ở Hà-nội, xem báo Pháp thấy hình của Bảo-Đại in nơi trang nhất, khuôn-khô 24×18. Lần này Bảo-Đại vừa thi đỗ Tú-

Tài ở Paris, hồi hương về Huế để cai-trị dân. Tuấn biết rằng tuy Bảo-Đại mang danh-hiệu « Đại-Nam Hoàng-đế », và các báo Pháp-Việt ở Hà-nội đăng bài đề cao nhà vua trai-trẻ ấy (19 tuổi), nhưng Bảo-đại chỉ làm vua ở Trung-kỳ mà thôi. Nam-kỳ đã bị vua Tự-Đức ký hiệp-ước nhường hẳn cho Pháp làm thuộc-địa. « Cochinchine française », không còn dính-liu mây-may gì với Triều đình Huế. Còn Bắc-kỳ, tuy rằng theo hiệp-ước 1885, vẫn là đất của Triều Nguyễn, chính thức vẫn gọi là « Protectorat du Tonkin » như Trung-kỳ, nhưng về thực-tế, từ lâu rồi, đã hoàn-toàn đặt dưới quyền cai-trị trực-tiếp của người Pháp. Tuấn đã nhận thấy điều cách-biệt đó ngay ở danh-từ chỉ vị Thủ-hiến Pháp ở Trung-kỳ, Résident Supérieur en Annam, là *Khâm-sứ*, mà vị Thủ-hiến Bắc-kỳ, Résident Supérieur du Tonkin lại là *Thống-sứ*. Và lại trước kia, đại-diện của nhà Vua ở Bắc-kỳ là một vị Kinh-Lược như Kinh-lược Hoàng-cao-Khải, nhưng từ ngày Khải-Định chết, chức vụ Kinh-lược ấy cũng đã bị người Pháp tiếm đoạt và giao cho Thống-sứ Bắc Kỳ, được chức vị Thống-sứ Đại-thần, cũng như

ở Trung Kỳ là Khâm-sứ Đại-thần vậy. Do sự thay đổi ấy, trái với Hiệp-ước 1885, tất cả các « Quan An-nam » ở Bắc Kỳ, Tổng-đốc, Tuần-vũ, v.v... đều trực thuộc uy quyền của « Cự Thống-sứ » Pháp, chứ không còn tùy thuộc về Triều-đình Huế và « Vua Annam » nữa.

Năm 1932, chính phủ thuộc-địa theo đề-nghị của viên Toàn-quyền Pasquier, cho Bảo-đại hồi-hương với dụng-ý để vị « Hoàng-đế » trẻ tuổi và dễ sai-khiến ấy đóng một vai trò chính-trị, mà mục-dịch là phản-ứng lại những hoạt-động chống Pháp của các « Hội kín » cách mạng ở trong nước, và đồng thời gây phong-trào lãng-mạn sùng-kính một « thần tượng » mới, ở Pháp về.

Giới thanh-niên có tư-tưởng quốc-gia cách mạng như Tuấn đều nhìn thấy rõ những cuộc vận-động giả-tạo của chính-sách thực-dân Pháp, nếu thành-công được [đôi phần mong-mạnh trong các giới quan-lại và thanh-niên lãng-mạn, thì trái lại nó không có chút ảnh hưởng nào đối với giới trí-thức cách mạng, và quảng-đại quần-chúng.

Nói một cách khác, Bảo-đại đã

đóng rất đúng vai-trò một « Hoàng-tử đẹp giai » ở Tây-phương mới về, một « thần tượng » hợp thời nhất của các cô tiểu-thư Hàn-ội mặc áo « Lemur » của báo Phong Hóa, cũng như các cô gái lãng-mạn của núi Ngự sông Hương, và của đám thanh-niên quan lại và trác-táng, sẵn tiền, sẵn địa vị, chỉ lo hưởng thú ăn chơi. Trái lại, vai trò lịch sử trên trường chính-trị của « Đại Nam Hoàng đế », con nuôi của nước Pháp, trông thấy ngó ngàng làm sao, vô duyên vô vị làm sao !

Bảo Đại về nước lên ngôi Hoàng Đế chưa được bao lâu thì phủ toàn-quyền Đông-dương dần cảnh một cuộc « ngư du Bắc Hà » rất tung bừng náo nhiệt. Để đón tiếp « Hoàng Thượng », phủ Thống-sứ Bắc Kỳ bắt buộc tất cả dân chúng Hà nội phải treo cờ « An Nam » trước cửa nhà suốt trong tuần lễ mà « Hoàng đế Bảo Đại » viếng kinh đô xứ Bắc. Cờ « An-Nam » là cờ gì ? Dân chúng Hà thành từ trước đến giờ chỉ treo « cờ tam tài » của Pháp, có thấy bóng dáng lá cờ « An-Nam » bao giờ đâu ? Bỗng dựng tòa Đốc lý Hà nội bảo dân chúng hãy may gấp rút lá cờ mới để đón mừng Hoàng đế Bảo Đại : hai sọc đỏ, ba sọc vàng.

Dân chúng gọi luôn là « cờ Bào-đại ».

Thủ-đô Hà-nội thật là rộn rịp ngay hôm đầu tiên Bảo-đại đi chuyến tàu hỏa tốc hành từ Huế ra. Tuấn và hai người bạn ở Cao đẳng Luật-khoa đi xe máy khắp « ba mươi sáu phố phường » để xem bộ mặt Hà-nội đổi mới. Cờ Bào-đại mới may, bay phất phới trước các cửa nhà, rực rỡ màu vàng màu đỏ. Riêng ở Hội quán « Khai-Trí - Tiến-Đức », thường được gọi bằng tiếng Pháp là AFIMA (Association pour la Formation, Intellectuelle et Morale des Annamites), càng rộn rịp hơn cả. Hội-quán được tạm dùng làm nơi « Hành-cung » và « Quan An-nam » cai trị ở khắp các tỉnh Bắc-kỳ đều tề-tụ đông-đủ nơi đây, để làm lễ bái triều hoan nghênh Hoàng-thượng.

Tuấn được mục kích các lễ phong-kiến kiểu-cách ấy đầy màu sắc rực-rỡ và âm-nhạc cổ. Bảo-đại, với thân-hình thể-thao, mập-mạnh, gương mặt tròn và duyên dáng.

rất hào-hoa phong-nhã, với y-phục hoàng-đế : chiếc áo gấm dài thêu rồng, quần lụa trắng giày dùa thêu rồng vàng, và chiếc khăn vàng chít trên đầu, đã làm cho các cô tiểu-thư tân-thời Hà nội say mê và mơ-ước, và các chàng trai lãng-mạn thêm thường. Người ta biết rằng Bảo-đại là một ông vua « bù-nhìn », do người Pháp đào-tạo ra, và hoàn-toàn hấp-thụ văn-minh Pháp, nhưng dáng-diệu trai trẻ, mạnh dạn, của ông vua mới ấy vẫn gây được cảm-tình của một số thanh-niên. Số ấy tin-trưởng rằng biết đâu ông sẽ là một vị vua tiến-bộ, sẽ thực-hành một chính sách thân-dân, mới mẻ, hợp thời, hơn các vị hoàng-đế tiền Triều.

Hôm ông đi thăm thành phố, ghé vào nhiều tiệm buôn lớn của người « Annam » ở các phố Hàng Bông, hàng Gai, hàng Đào, hàng Da, hàng Bạc, hàng Nón, v.v... dân chúng bu lại xem đông-nghệt, để « chiêm-ngưỡng long-nhan ».

Dũngmidol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

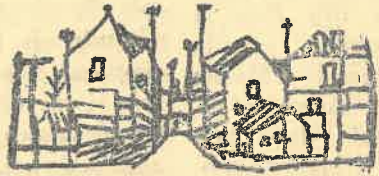
1360/BYT/DPDC

Bảo-dại mỉm cười, thoải-mái. Ông Nguyễn-văn-Vĩnh đã viết trong báo « *L'Annam Nouveau* » của ông : « *J'ai vu dans les tribunes des jeunes Hanoiennes se pâmer d'extase...* » (tôi đã thấy trên khán đài những cô gái Hà-nội mê-mê đắm-đuối...) hôm Bảo-dại đến dự cuộc đua ngựa long - trọng ở Trường đua.

Có thể nói một cách rất khách-

quan rằng Hà-nội đã sống một tuần lễ Hoa - dăng tưng-bừng hoan-hỉ trong dịp Bảo-dại viếng thủ-đô Thăng - Long tân thời. Nhưng các phần-tử thanh niên trí-thức cách mạng chỉ thờ - ơ lả nh-đạm, nếu không nói là khinh rẽ, coi Bảo-dại như một món đồ chơi của người Pháp ở Đông-dương...

(còn nữa)



* MUỐN LÀM CHÀNG RÈ

Bà già hỏi vặn cậu rề tương lai:

— Cậu muốn cưới con gái tôi ư? Trước hết cậu phải đến hỏi tôi đã chứ!

Chàng rề tương lai khật khùng cung kính đáp:

— Thưa bà, tôi chỉ muốn cưới con gái bà chứ đâu phải cưới bà mà hỏi bà?

● DANH NGÔN

Học dễ mà thích học thì khó, làm dễ mà hết sức làm thì khó, xấu hồ dễ mà biết xấu hồ thì khó.

Vương-Thuyền-Sơn

nguyệt lão ●

● tơ hồng

* Người ta trong đạo vợ chồng,
Hoa thơm phong nhụy trắng tròn gương
Kim-vân-Kiều

* *Viết-Kim-Dung*

TRONG một quyển sách cũ, tựa đề Tục U Quái Lục, có ghi một mẩu truyện như thế này :

Vào đời nhà Đường, có một người tên Vi Cổ, một hôm đi du lịch đến xứ Tống Thành.

Ngụ tại một ngôi tiệm tên là Nam-Điểm.

Vào một đêm trăng vắng-vặc, Vi-Cổ ra ngoài dạo chơi với một tên thợ đồng, trong lúc chàng đang say sưa lang thang dưới bóng trăng thanh huyền ảo.

Bất chợt trông thấy một lão già đầu râu tóc bạc, tướng mạo phương-phi, tinh-thần quắc-thức, lão già này đang đề hết

tinh thần, lần những trang giấy trên cuốn sổ ông cầm trên tay.

Bản lưng lão còn mang một chiếc đày to tướng, Vi Cổ môn men tới gần, làm quen trò chuyện.

Vi Cổ hỏi :

— Chẳng hay ông đang xem quyển sách gì ?

Lão già tươi cười trả lời :

— Đây là quyển sổ ghi tên họ của những cặp vợ chồng trên dương thế.

Vi Cổ lại hỏi rằng :

— Còn trong đây kia đựng gì ?

Lão già trả lời :

— Đây là những sợi tơ hồng, đề ta buộc chân cho những cặp

vợ chồng có nhân duyên trong số. Mặc dầu đôi trai gái đó là kẻ thù nghịch với nhau, hay là xa cách muôn trùng vạn dặm, ta buộc sợi dây này vào, nhất định sẽ gặp gỡ nhau mà thành bạn trăm năm.

Đoạn lão già se se ngâm :

*Phải duyên nghìn dặm cũng gần
Trái duyên gặp mặt mấy lần
cũng xa **

(Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ, vô duyên đối diện bất tương phùng.)

Vi Cố không tin, cho là điều huyền hoặc, nên rủ lão già vào thành chơi.

Khí vào đến một khu chợ bán gạo, thấy một bà lão mù, một tay cầm gậy dò đường, một tay ôm một đứa bé gái.

Đứa bé này ăn mặc sạch sẽ lắm, chắc con nhà quyền quý.

Lão già trở đứa bé đó mà nói với Vi Cố rằng :

— Đứa bé trên tay người mù kia chính là vợ của mi đó !

Vi Cố cả giận, cho rằng lão già cố ý trêu chọc, bèn ngoảnh lại sai tên tiểu đồng cầm dao giết đứa bé gái ấy đi.

Tên tiểu đồng lén rút dao đến gần bà lão, đâm vào mặt đứa bé một nhát rồi bỏ chạy...

Mười bốn năm sau, quan Thứ Sử Tương Châu là Vương Thái

gả con gái mình cho Vi Cố.

Người thiếu nữ này dung nhan đẹp đẽ, duy chỉ có một vết sẹo bên cạnh chân mày.

Đêm động phòng hoa chúc, Vi Cố hỏi vợ rằng :

— Tại sao bên chân mày của nàng có vết sẹo ?

Vợ của Vi Cố mới kể cho chồng nghe mười bốn năm về trước, vào một đêm trăng, người vú già ẵm nàng đi chơi trong chợ gạo, vô tình bị kẻ vô lại hành hung nên phải bị thương.

Vi Cố sửng sờ hỏi tiếp :

— Người vú già của nàng có phải mù mắt không ?

Nàng trả lời :

— Phải !

Sáng ra, Vi Cố đem mẫu chuyện mà mình gặp gỡ hồi mười bốn năm về trước, kể lại cho nhạc gia là Vương Thái nghe.

Bố vợ chàng rề đề ngâm ngợi than thở, cho rằng việc lạ.

Từ đó về sau, vợ chồng Vi Cố ăn ở với nhau rất là đầm thắm.

Giai thoại này, già trẻ bé lớn trong Tống Thành đều hay, người ta bèn sửa hiệu tiệm Nam-Điểm ra thành Đính Hôn Điểm.

Và từ đây về sau, người ta gọi ông mai bà mối là Ông Tơ Bà Nguyệt.



TÂN NHẠC
VIỆT ĐI VỀ ĐẦU ?

nói
chuyện
tân
nhạc
với

Y-VÂN

★ Duy-Sinh

Hôm nay Y-Vân ngủ rất mọn, tôi chỉ thấy đôi mắt anh ần sau chiếc gối.

Y-Vân ghéch đôi mắt nửa như xa vắng, nửa như khô dại nhìn vào khoảng không.

Y-Vân có thói quen nằm ngửa

ngờ hàng giờ, dương đôi mắt khô dại nhìn vào khoảng không như vậy. Nhiều khi người nhà gọi hai ba tiếng anh mới lười lỉnh trở đầu lên tiếng. Y-Vân thâu thanh suốt đêm qua, tới năm giờ sáng mới đặt mình lên giường. Sự bất bình thường đã leo đèo theo anh suốt mười hai năm, từ ngày anh bước vào thế giới âm thanh. Mặc dầu nhỏ thó, mặc dầu gầy guộc nhưng Y-Vân rất dẻo dai, anh có thể làm việc ngày đêm không biết nghỉ cũng như anh có thể sát phạt xỉ tố, chần chạ vài ngày đêm liền tiếp.

**Những vì sao bị đuổi
khỏi trời xanh**

Tôi bước chân vào nhà, Y

Vân ngồi dậy ôm gối vào bụng, nh với ly cà phê trên đầu giường hóp một hơi. Y Vân cần ly cà phê ngon buổi sáng hơn mọi thứ lạc thú ở đời. Buổi sáng thiếu ly cà phê ngon anh mất khá nhiều hứng thú làm việc. Lời đầu tiên sau nhiều ngày không gặp nhau. Y Vân than phiền anh mới bị cấm bốn ca khúc. Anh nhảy xuống đất ra tù lấy xấp nhạc. Ca khúc *Tình chàng ý thiếp* lấy cảm hứng từ tập Chinh phụ Ngâm trình bày thật đẹp nhưng đã bị chết yểu ngay từ khi bật tiếng khóc chào đời. Trong bốn ca khúc mới bị cấm anh cho biết có cả bài Saigon, bài ca ngợi Saigon đẹp, Saigon phồn hoa, Saigon chan hòa sức sống. Bị cấm vì lý do Binh sĩ ngoài tiền tuyến khi nghe Saigon đẹp, Saigon tươi sẽ phát sinh ý muốn đào ngũ để trở về "với người yêu Saigon".

Y Vân đặt những bước chân cô đơn qua mọi chế độ. Anh từ bỏ cộng sản vì trong lý lịch của anh luôn luôn được ghi: « tính tình tiêu tư sản không thể sửa đổi được ». Y Vân trở về Hà Nội; của 1951, Hà Nội yêu cuồng sống vội, Hà Nội chơi với du khách của chuyến tàu chót. Anh trở về quê hương anh với hai bàn

tay trắng và tình thương mẹ đầy lòng. Y Vân làm đủ nghề. Kề từ nghề mặt nhất trong xã hội. Y Vân đã hiểu thấm thía sự đói khát giữa một xã hội tấp nập ngựa xe. Anh vùng lên bằng khả năng mình, trí lực mình để thoát khỏi thân phận hèn hạ. Chính sự tủi hận, đói khát, đau khổ đã trở thành hơi men sáng tác, đã giúp anh vươn lên, vươn mãi lên. Người bạn đường, điem tựa duy nhất cho đời sống tinh thần, nếp sống tình cảm của anh là bà mẹ già Anh tâm sự qua ly rượu nồng say rằng anh thương yêu mẹ hơn tất cả mọi thứ tình; từ tình đôi lứa, bằng hữu đến tình vợ con. Tình thương mẹ đã gây xúc cảm mãnh liệt ngay từ phút đầu sáng tác. Anh làm bài *Lòng mẹ* bằng nước mắt và khi lần đầu trình bày nước mắt đã hồn nhiên tràn ra không kiềm hãm nổi.

Qua bao nhiêu đời thay, qua bao nhiêu chế độ Y Vân vẫn chỉ là một nhạc sĩ trẻ bơ vơ giữa mọi tổ chức xoay sở, vận động luồn lọt. Anh không có mặt trong bất cứ một công ty tân nhạc nào, nên cho mãi đến nay dù đã có chỗ đứng vững chãi trong làng tân nhạc anh vẫn không có lấy một « émission » trên đài.

(cần ghi nhận rằng cho đến nay với luồng gió trẻ trung, công bằng của chế độ mới, anh sắp sửa được phụ trách một ban dân ca).

tỏ tâm, tài bàn nhưng anh cũng hết sức say mê các trò chơi mới như billard, khiêu vũ...

Y-Vân sáng tác theo kiểu Càn khôn Đại nã Di Tâm Pháp

Cũng như người phi công lý tưởng của Thiếu Tướng Chủ tịch: biết lái AD6, biết ăn thịt chó và đọc tiểu thuyết kiếm hiệp Kim Dung, Y-Vân là một cây kiếm hiệp Kim Dung. Anh đã áp dụng ngay môn Càn Khôn Đại Nã Di của Vô Kỵ vào lãnh vực sáng tác; nghĩa là tùy cơ ứng biến, sáng tác đủ loại, không có quan niệm gò bó vào moderne hay classique. Thường thường mỗi nhạc sĩ đều trội bật về một loại nhạc: có nhạc sĩ chuyên loại Tango hay Boston; khai thác niết đề một loại này. Y Vân quan niệm như vậy là nặng tinh thần bảo thủ Đông-phương. Anh sáng tác đều tay, sáng tác đủ loại, đủ thể điệu: dân ca hay vẫn viết nhưng vẫn sáng tác mạnh loại nhạc twist. Quan niệm này đi đôi với thú giải trí của Y Vân: anh rất thích loại chơi già như

Cảm xúc lang thang lạc vào hồn

Nguồn cảm đến với Y Vân trong bất cứ triều sống nào. Cảm xúc bay lang thang đập cánh vào nguồn rung động mãnh liệt thành đề tài sáng tác. Xem phim Tấn Thủy Hoàng, nhân một câu nói của Lăng Ba: « Khi xa vắng anh em không trang điểm ». Y Vân đã bị xúc động và ghi bài *Xa Vắng*. Nhân đọc Chinh Phụ Ngâm, bị xúc động bởi cảnh chia ly, Y Vân viết « *Tình chàng ý thiếp* ». Xem phim « *Le temps d'aimer et le temps de mourir* », thấy số phận mỏng manh, kiếp sống nhất thời, hôm nay không biết ngày mai, Y Vân viết « *60 năm cuộc đời* ». Anh quan niệm đường đi có nhiều lối, không cố định phải đi một lối nào. Đọc một cuốn sách, nhân một buổi nói chuyện, tiếp xúc với một người cũng có thể sáng tác.

Thường thường khi viết một ca khúc anh ít thai nghén lâu, cảm thấy viết ngay, ngoại trừ một vài tác phẩm hơi cầu kỳ về kỹ thuật như loại truyện ca mớ

cần có chút ít thời gian xây dựng. Khi còn ít tuổi, ca khúc có tính cách hơi hợt, ve vuốt bên ngoài, tới khi lớn tuổi hơn ngay trong những bài vui cuồng loạn cũng có chứa đựng sự chua xót nuôi tiếc ở bên trong.

Ca khúc : Niềm giải thoát của bất mãn

Ca khúc được phổ biến nhất của Y Vân và cũng là ca khúc ưu ái của những kẻ đã yêu, đang yêu hay sắp sửa yêu là bản « Ngăn Cách ». Y Vân viết ca khúc này trong chuỗi ngày hoa mộng của đời mình. Ca khúc khắc khoải, hiu hắt buồn qua thể điệu boston chính là niềm giải thoát nỗi bất mãn chứa chất trong lòng anh. Đời sống của Y-Vân là một chuỗi bất mãn dài dang: bất mãn vì thiếu tình phụ tử, bất mãn vì đời sống vật chất kém cỏi, bất mãn vì bị thiên hạ thường xuyên chèn ép. Y Vân mất đi tình yêu đầu đẹp dọi của đời mình, người yêu lạng lẹ đi lấy chồng, lấy người đàn ông có điều kiện vật chất đầy đủ hơn. Ca khúc *Ngăn Cách* ve vuốt nỗi đau đớn, tủ hặn thâm sâu. Dù bị ruồng rẫy nhưng

cuối cùng chỉ còn là tha thứ.

Trong đời sống hàng ngày Y Vân vẫn là mẫu người trầm tĩnh hiền hòa nhưng khi sáng tác Y Vân có những ca khúc thật cuồng loạn. Đó là tiếng kêu nỏ vỡ của nhện nhục, đó là tiếng nói của bất mãn thường trực và đó cũng là con người trung thực chỉ trở về trong mộng mị; con người muốn phá phách, đập vỡ những khuôn thước trật tự ngọt ngào và phi lý của đời sống. Y-Vân ôm ấp trong anh lò thuốc nỏ, chứa chất tiềm tàng những khắc khoải, nghẹn tắc, cả đời không hề được dịp dùng hết khả năng; không ai dùng hết khả năng đành phải ngày ngày nhỏ từng giọt linh hồn vào tác phẩm.

Y Vân vẫn khờ khạo ngồi đây trong căn nhà mà nhạc cụ, giấy chép nhạc, tài liệu, sách báo về ca nhạc nhiều hơn đồ vật dùng cho đời sống. Anh vẫn bình thản đốt hết thuốc này tới thuốc khác, nghếch mắt, khom lưng lùa những ngón tay gầy guộc lên phím đàn để đi hết nghiệp dĩ nghệ sĩ còm cõi của dân tộc mình. Anh dành một phần lớn tiền kiếm được để mua nhạc cụ, từ những chiếc guitare điện đến bộ trống, contre basse, phong cầm.

Anh nâng niu những nhạc cụ đó như chú con trai cả giống bố từ đáng ngồi đến đáng đi. Trong những giây phút tủ hặn, thương đời nghệ sĩ thâm hại mà mình phải yêu trọn kiếp, anh muốn từ bỏ tất cả để được trở về miền quê sống lại với tuổi ấu thơ phơi phới, nhưng cuối cùng anh vẫn không thể từ bỏ vì từ bỏ nó nhớ mà chết ». Bởi vậy lại thêm một ca khúc ra đời, bản « *Đời Thông* » là kết tinh của tâm trạng khủng hoảng, kết tinh của tất cả sự nghi ngờ đối với đời sống. Chính những ca khúc bộc lộ chân thành cảm nghĩ đó đã đi sâu vào lòng người nghe.

Những con người bất chước giỏi như loài khỉ

Đề cập tới hiện tình tân nhạc hôm nay anh phát biểu :

— Phải nói rằng buồn nhiều hơn vui. Tôi có thể thẳng thắn nhận định, hiện tại có hai lớp người điển hình :

1) Lớp ca nhạc sĩ bảo thủ, hẹp hòi, thứ nào mình thích cho là hay nhất. Phủ nhận mọi giá trị khác.

2) Lớp người trẻ mới lên và

một số làm nghề tay trái đã bắt chước giỏi như loài khỉ. Không có tài năng thiên phú, thiếu căn bản, họ chuyên bắt chước người khác, đôi khi đi tới kịch cỡm lỗ bịch. Tiếc thay lớp người này vì có biệt tài luồn lọt nên đã tạo được ưu thế, nắm được nhiều hoàn cảnh thuận lợi để xô đẩy làng nhạc đến hiện trạng bi đát như ngày nay.

Hỏi anh trước thực trạng đó phải làm gì ? Anh hăng hái trả lời :

— Cần thực sự thực hiện một cuộc cách mạng trong làng tân nhạc. Đánh tan nạn chia rẽ, bè phái. Muốn thế chính quyền cần khuyến khích sáng tác, tạo cơ hội cho những phần tử thiện chí yếu thế lực phát triển khả năng. Cần dùng người đúng chỗ.

Về phía người sáng tác sẽ sáng tác những gì, theo đề tài, xu hướng nào, anh trả lời :

— Hơn bao giờ người sáng tác phải viết ca ngợi tình thương yêu con người trước sự đe dọa ngày một trầm trọng của chiến tranh. Theo tôi cần phải đi tìm lại « con người » đang vắng bóng trong giòng sông hôm nay.

(Tháng 8 năm 1965)



TRUYỆN NGẮN

T Á U K H Ú C M ù A T H U

★ Mặc - Tưởng

NHIỀU chuyến xe đi qua và nhiều đợt người đã bước lên xe. Rồi những người khác lại cũng dồn đến trạm này để chờ đợi những chuyến xe kế tiếp.

Và xe lại đến, người ta lại bước lên xe. Cứ thế mãi cho đến bây giờ mặt trời đã xế bóng, không khí oi bức khó chịu.



TÁU KHÚC MÙA THU

Người ta thấy một người vẫn còn ngồi lì mãi ở trạm chờ xe. Đó là một thanh niên có gương mặt trầm lặng đượm một chút buồn rầu. Tia nhìn chậm chạp và bình tĩnh, nhưng trong đôi mắt chàng biểu lộ một niềm khắc khoải không ít. Thường ngày người ta vẫn thấy chàng ngồi như vậy, nhưng không ai biết chàng đang chờ đợi, nhìn ngó cái gì.

Bây giờ chàng là hành khách độc nhút ở đó.

— Bao nhiêu chuyến xe đã qua rồi ?

— Nhiều lắm !

— Bao nhiêu người đã lên xe rồi ?

— Nhiều lắm !

Và bỗng nhiên chàng cảm thấy mình bị gắn liền với con đường này, với những quán xá và trạm xe này. Những khuôn mặt ở đây bỗng cũng thành quen thuộc với chàng — Ông già mắt lé gác dlan nhà in có lần chàng đã cảm ơn ông. Lão hàng phở ốm yếu, lùn, buộc ngang lưng một chiếc khăn màu trắng nhưng đã trở màu đen và dơ bẩn. Những người tàu bán hủ tiếu bụng phệ, béo phục phịch. Những đứa trẻ đánh giày hai giòng máu, đầu quăng, mình mẩy lem luốc, văng tục luôn mồm. Dường như chúng là những giọt máu rơi vô tình của khối lạc hồi Pháp thuộc. Chàng nghĩ : Xã hội Việt-nam còn biết bao nhiêu đứa con như thế. Thời đại nào đi qua cũng để lại những chứng tích đặc biệt của nó để đánh dấu ý nghĩa của thời đại đó.

Nếu những đứa trẻ kia là hậu quả của một thời đại bị thảm, của một lịch sử nhục nhã thì tại sao xã-hội thừa kế lại bỏ rơi chúng? Sao chúng ta không dám xem chúng là một giá trị của thời đại, một kinh-nghiệm-lịch-sử của Tờ-Quốc?

Và nếu không làm được thế thì chúng càng lúc càng nhiều.

Chàng xếp tờ báo lại rồi đưa mắt nhìn một vòng chung quanh.

— Ô ! chị bán thuốc mặt rỗ, da ngăm đen, sao chị nhìn tôi kỳ vậy ? Tôi có quen thân chị bao giờ ? Tôi chỉ quen mặt chị thôi, ở trạm xe này. Bộ thân thể tôi quái dị ghê tởm lắm sao ? Tôi cũng là con người như bao nhiêu người khác. Chắc chị

TẤU KHÚC MÙA THU

biết tôi đến đây để làm gì rồi à? Không, chính tôi không biết làm sao chị biết được. Ôi Sao chị vẫn còn nhìn thế? Tôi đang ngồi chờ xe, chị thấy không? Có gì lạ đâu?

— Chờ xe? Chờ xe? Hừ khốn nạn thật! Bao nhiêu chuyến xe đã qua rồi? Bao nhiêu đợt người đã lên xe rồi? Sao anh không chịu đi? Chính anh đến đây để...

— Không, tôi không có ý định thế. Tôi không muốn thế...

— Đồ khiếp nhược, dả dối!

— Không, không! Đó là tất-cả vấn đề của đời sống bị đảo ngược...

Buổi trưa cuối hạ thành phố thật oi bức. Hơi nắng càng lúc càng gay gắt, mùi khen khét từ dưới mặt nhựa xông lên làm khó thở, giờ này ngoài đường chỉ còn những kẻ lao động hoặc buôn bán nhỏ nhoi lẻ tẻ, vài chiếc xích lô đạp uể oải đi tìm khách. Vài gánh hàng rong nặng nề bước đi với những tiếng rao vang vang buồn.

Người bán nước mía đang ngủ gật và chiếc máy ép mía cũng im lặng với chủ. Hai người đàn bà rách rưới nằm sống sượng trước cửa nhà in, chắc họ đang ngủ. Người đàn bà phía ngoài ngực để hở. Một đứa trẻ đang loay ngoay chui vào chỗ hở đó để tìm vú. Đứa trẻ ôm sát người đàn bà và một tay để lên vú phía trên. Không bao lâu nó cũng nằm im như người đàn bà, có lẽ là mẹ nó.

Phía bắc thành phố màn mây đen phủ lên cao dần. Người ta nghĩ trong phút chốc một cơn mưa to có thể đổ xuống. Nhưng không thấy ai bận tâm đến điều đó.

Những chuyến xe lại đến, rồi lại đi. Con đường đen hắc, mặt tươm nhựa ngã mình nằm dài theo khu phố đến mù tít. Chiếc xe taxi vừa lao ngang qua đánh tan không khí vắng lặng buổi trưa.

— Cứ ngồi lì đây mãi à?

Tăng cường sinh lực
BĂNG **CETONIC** 250 mg*
VITAMINE C
1483/BYT. DPDC.

TẤU KHÚC MÙA THU

— Không, tôi phải đi.

— Đi đâu bây giờ? Qua con đường phía bên kia nhà ga xe lửa.

— Không!

— Hay xuống phố Lê Lợi?

— Xuống đó làm gì. Trời nắng quá ai lại đi phố giờ này?

— Cứ đi thử xem, may ra gặp những người bạn.

— Chắc giờ này chúng nó đang ngủ cả. Không thì cũng bận loay hoay công việc gì đó.

— Còn Thanh?

— Cũng vậy. Cả Chánh nữa. Họ đang lo cho xong trang trong tờ báo, hoặc tìm một chỗ nào đó yên tĩnh để nghỉ một chút rồi lại tiếp tục.

— Tiếp tục! Tiếp tục! Thật khốn nạn! Cứ thế mãi ngày này sang ngày khác, năm này đến năm kia và cho đến hết cuộc đời vừa ngắn, vừa dài. Hơi buồn! Ôi những người bạn của ta!

— Sao tại vừa ngắn vừa dài? Buồn khi gì?

— Đó là điều không thể diễn tả bằng lời được. Thôi, đi uống một ly nước mía cho khỏe rồi tính sau.

— Ờ! Uống một ly nước mía! Bây giờ thì có thể. Nhưng nhiều khi không được thế nhé.

Chàng trở lại chỗ ngồi cũ ở trạm xe, trông người có vẻ tỉnh táo và cương quyết hơn lúc này. Nhờ sinh lực của ly nước mía?

— Thôi bây giờ về nhà đi.

— Để làm gì?

— Nằm ngủ li bì cho tới tối hoặc tới mai thử xem.

— Không, tôi sợ về nhà lắm. Cả ngày lẫn đêm tôi không thể chớp mắt được. Tôi bị mất ngủ từ lâu nay.

— Tại sao lại sợ? Mà sợ gì mới được chứ?

Dùng midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BYT. DPDC.

TẤU KHÚC MÙA THU

— Cũng chẳng hiểu tại sao. Ở... ở... vắng vẻ quá làm sao tôi chịu nổi. Mỗi lần nằm xuống tôi nhìn thấy trần nhà lở rỗ, những mảnh Carton mục nát sắp đổ xuống thân thể tôi. Bao nhiêu hình ảnh ma quái chập chờn nhảy múa trước mắt. Trong đầu tôi những tấu khúc kỳ lạ lại trỗi lên từng hồi ghê rợn, lúc khoan lúc nhặt, lúc rỏ rã, lúc trầm cung. Tất cả như quay cuồng đảo lộn, một vũ trụ sắp sụp đổ tan tành, những cuộc đua bắt chém giết khiếp đảm. Những tiếng kêu thương thảm thiết, những tiếng rên la, than khóc nào nề... Tôi không lặng im từ chối được mà bất buộc phải nghe, nhận những thứ ghê gớm đó. Nó không khác gì những quả đại bác hạng nặng hay thứ bom cỡ năm trăm cân đang nổ tung đầu tôi. Điều làm tôi khổ là tôi chưa chết, bởi vì thật ra đó chỉ là những âm thanh ở chung quanh tôi dội lại, và vì màn nhĩ tôi quá mỏng nên không chịu nổi, không nằm yên được, không ngủ yên được. Tôi nẩy giật mình lên và có cảm tưởng thân thể tôi mang rất nhiều thương tích trầm trọng, tôi đang lặn lội trên vũng máu, tôi đang oằn oại rên siết, tôi đang nhìn nhớ kêu la : các bạn ơi! các bạn hãy đi đi, hãy nhanh chân mà đi tìm đường hoá thân. Đừng bận tâm thương tiếc, không còn hy vọng gì nữa đâu! Tôi biết thương tích tôi quá nặng mà... Hãy đi đi! hãy đi đi...

Đại khái như thế.

— Biết vậy, nhưng dù sao về nhà cũng vẫn hơn. Chỉ còn có cách đó, ráng lên!

— Sao? sao còn có cách đó thôi ư?

— Chớ muốn gì khác hơn bây giờ?

— Tôi không muốn về nhà. Ở đó, tôi không thể giải quyết được tình trạng mà tôi đã nói.

Tăng cường sinh lực
BĂNG **CETONIC** 250 mg
VITAMINE C
1483. BYT. DPĐC.

TẤU KHÚC MÙA THU

— Đàng nào rồi cũng về đó. Thôi lên xe đi, còn chần chờ gì nữa!

Bây giờ chàng đã ngồi trên xe và chiếc xe đang chạy. Giờ làm việc công tư sở bắt đầu. Những chuyến xe chạy ngược chiều đông nghẹt hành khách. Họ phải đeo ngoài cửa như những chùm sung đeo vào thân cây. Họ phải chen lấn một cách khó khăn để mò hơi đề lên hay xuống.

Người ta bảo đời sống phải chen lấn từng bước đi, chạy đua để dành chỗ ngồi, và tranh đấu từng miếng ăn.

Trên xe còn dư nhiều chỗ trống quá. Mình chàng ngồi một băng thay vì thêm một người nữa. Chàng nghĩ thầm : Trong lúc người ta đi thì mình lại về. Chỉ có những kẻ đi ngược chiều, ngược giờ như vậy mới khỏi chen lấn tranh dành với đám đông. Và như vậy đời sống có bị thiệt thòi không? Bỗng chàng phát cười.

Không hiểu chàng cười mình hay cười ai, và cười về cái gì.

— Cô nhìn gì dữ vậy? Bộ thân thể tôi ghê tởm lắm sao? Giọng điệu chầm chầm của cô giống y hệt chị bán thuốc mặt rỗ ở trạm xe. Tôi cũng là một người, một hành khách đang đi trên xe cùng một chuyến với cô. Có gì lạ đâu? Hay cô đã biết tôi sợ lúc xuống xe và sợ bước vào nhà? Làm sao cô biết được. Vả lại, điều đó đâu có gì liên hệ đến cô? Mà tôi đã hết sợ rồi!

— Không, vẫn còn sợ.

— Tôi hết sợ thiệt mà!

— Về đến nhà sẽ biết, đừng tự an ủi mắt công. Lại đã đổi nữa. Khốn nạn thật.

Xe đi theo lộ trình quen thuộc, như một lữ hành phải cấm đầu đi cho suốt con đường để tới một chỗ nào đó, đôi khi lại bỏ trạm vì không có hành khách lên, xuống. Một vài người khó tính trên xe vừa càu nhàu lão tài xế vì lão này hăm xe quá gấp làm họ

Ding midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/B.Y.T./DPĐC.

chúi nhủi vào thành ghế. Nhưng lão tài xế vẫn lăm lăm quay tay lái và nhấn « ga », lão không thèm trả lời tiếng nào. Chiếc xe vẫn nhào qua, lộn lại làm họ ngỡ lão tài xế chơi xỏ, không coi họ ra gì. Đã bực tức, họ lại càng bực tức thêm. Còn anh chàng xé vé thì cứ lo xếp tiền và thồi kèn « te-te » như không nghe thấy lời trách móc của họ. Chiếc xe vẫn chạy, lão tài xế vẫn im lặng. Họ bực tức đã đời rồi cũng chịu.

— Có ai xuống không ?

Chàng thanh niên ban nãy nhìn lên và thấy mình đã đi quá hai trạm. Nhiều tiếng trả lời cùng một lúc :

— Có.

Mấy tiếng còi báo hiệu tài xế hãm xe lại. Cửa xe tự động mở. Chàng đã bước xuống xe.

Cơn gió hung tợn tung tóe bụi đường quất vào mặt chàng những hạt lấm tẩm làm chàng phải nhắm mắt lại. Chàng có cảm tưởng mình đang đi trong đêm tối vô tận, như một người mù không người dẫn dắt đang dọ dẫm từng bước một.

Những hạt mưa bắt đầu rơi. Sức gió mạnh quá làm những hạt mưa bay ngang, đánh tạt vào người những nốt ran rát. Mọi người phải chạy vào mái hiên, góc phố để ẩn náu. Chàng cũng chen chân với bọn người kia để tìm một chỗ đứng tránh mưa.

Cơn mưa không to nhưng lại kéo dài. Bầu trời thấp và đen kịt. Người ta nghĩ là còn lâu mưa mới tạnh. Đa số họ kéo nhau vào quán cà phê ở góc phố để ăn uống và tiện thể ngồi chờ đợi. Chàng cũng đi về phía góc phố và tìm một chỗ đứng khô ráo.

Người hành khách sau khi đi giáp hết những bàn trong quán lại đứng chìa chiếc mũ trước mặt chàng. Chàng không có cử chỉ nào để trả lời anh ta mà chỉ đứng lặng người, đột nhiên trong một phút khủng khiếp chàng muốn giết chết ngay tên hành khách kia. Bởi vì chàng có cảm tưởng mình và tên hành khách kia là một.

Người hành khách nhìn chàng bằng đôi mắt uất ức rồi lăm lăm bỏ đi. Chàng đứng lặng trơ nhìn theo con người tàn phế, da thịt xanh xao gầy guộc đang khó nhọc lê đi từng bước gằng giàng. Nhưng chàng không hề nghe lương tâm cắn rứt bởi lòng từ thiện. Có một

điều chắc chắn là người kia không thể hiểu được thực trạng bi đát của chàng.

Người hành khách đã khuất vào ngã quẹo dưới màn mưa rả rã.

Bây giờ trong đầu chàng những nhạc khúc đại hòa tấu lại quay cuồng đảo lộn, dờ dào âm điệu trầm bổng đang réo rắt, nhặt khoan hòa lẫn tiếng mưa gió rì rào ở bên ngoài. Nhưng khổ nỗi đó không phải là những nhạc khúc bất tử của những đại nhạc gia Schubert, Tchaikovski, Beethoven hay Chopin v.v... mà đó lại là những nhạc khúc nổi loạn và chạm giữa lý trí và tâm hồn, giữa mộng và thực, giữa cá-nhân và tập thể của xã-hội, giữa nguyên tắc và thực hành.

— Ta phải về nhà ngay dù trời còn mưa !

Âm thanh của lời nói này đánh tan được một phần trong những tấu khúc ghê hồn đang sống động phát âm trong đầu chàng, chàng vụt bước đi nhanh như đề thật sự rời khỏi tâm phát âm đó.

Nhưng đi được một quãng chàng lại nghe thất vọng cùng cực. Bởi vì chàng không thể tách rời bản thân ra khỏi vòng ảnh hưởng kia, không thể cắt lìa những mối liên hệ từ xã hội tập thể. Chàng là một vật bị gắn liền với mọi sinh vật khác và những biến dịch trong vũ-trụ. Đó là vấn đề đi ngược lại ý muốn của con người, đi ngược lại tất cả những khao khát của con người.

Bỗng chàng có ý nghĩ sao thành phố này chưa đồ nát đi. Và những tiếng nổ kinh hồn sao không nổ tung lên để chàng khỏi phải nghe thấy những âm điệu ghê rợn trong đầu. Rồi chàng cắt giọng sang sảng ngâm lên mấy câu thơ :

Hỡi những thành phố đã đồ nát !

Nơi đó là thiên đường tráng lệ của những linh hồn khao khát

Nơi đó con người được giải thoát hoàn toàn

Ôi ta đang khao khát hạnh phúc trần gian

Muôn đời chỉ cần mười ngón tay mềm mại

Và một tình thương nhỏ nằm trong viên đạn đồng

Bắn vỡ tung lồng ngực cho máu tràn ra

Đó là hạnh phúc của trần gian

Đó là hạnh phúc của con người

Hỡi thành phố này !

Nơi ta đang chết và đang sống

Sao chưa biến thành thiên đường tráng lệ

Đề ta về nằm yên nghỉ

Với những ước mơ sung sướng hoàn toàn.

Đó là một tấu khúc mà chàng đã viết sau khi được tin những người bạn ra đi vĩnh viễn, không bao giờ chàng còn gặp mặt họ nữa. Từ lâu, chàng cố tìm cho mình một lý do để nhân danh, để hành động như những người bạn kia. Nhưng cho đến bây giờ chàng vẫn còn thất vọng về điều đó. Chàng hằng khao khát một cuộc sống được tự do lựa chọn, không bị mất nền tảng căn bản của con người, không bị bốn bề kèm hãm, ràng buộc bởi những vô lý.

Chàng cũng quan niệm rằng trong đời sống xã hội những sức mạnh bề phái ngu xuẩn phải bị tiêu diệt, đồng thời với những thứ khác.

Quần áo chàng đã ướt đẫm nước mưa. Một luồng gió tạt ngang, chàng có cảm giác như những hạt mưa đã đâm thủng cái thân thể rỗng tếch của mình. Chàng nghe rờn rợn trên da thịt.

Hai hàng cây sừng sững chạy dài theo con đường. Đó là hình ảnh quá quen thuộc mà hằng ngày chàng phải đi qua ít nhất là hai lần. Bình thường chàng rất thích nhìn cỏ cây, trời biển thiên nhiên. Chàng rất ghét bất cứ cái gì bị xấp xếp vào hàng lối, nên đương nhiên hai hàng cây kia là một trong những thứ không gây được cho chàng chút thoải mái nào.

Lão gác cổng cười, nói với chàng :

— Đi đâu mà bị ước hết vậy ?

Thật lão này đã vô tình gợi thêm cho chàng những thứ bực bội. Chàng dơ tay làm một cử chỉ chào hỏi rồi đi thẳng vào phòng. Chàng nghĩ nếu cần một lời xã giao thì còn thiếu gì câu khác. Sao lại nhất thiết phải hỏi « đi đâu ». Chàng không ưa lối xã giao khuôn khổ bắt buộc đó. Nhưng đối với lão gác cổng chàng thấy không có gì để phiên trách.

Cánh cửa mở ra cọ vào nền xi măng sần sột làm chàng quên mất câu chuyện vừa xảy ra với lão gác cổng ngoài ngõ. Cánh

cửa khép lại. Một lần nữa tiếng cọ sát khô khan lại vang lên rồi biến mất. Chàng đứng im lặng nơi cửa như đang đuổi bắt tiếng động kia bằng thính quan. Chàng nghe bước chân của tiếng động vô cùng nhanh chóng. Cuộc đuổi bắt kinh hồn cho đến khi chàng chợt nhận ra những tấu khúc quen thuộc, khiến chàng sợ hãi vội rời cánh cửa đi loanh quanh trong phòng.

— Phải cô nói đúng. Bây giờ tôi vẫn còn sợ. Nhưng cô là ai mà lại biết rõ tâm trạng tôi như thế ?

— Tôi là ai ? Điều đó đâu có ích cho anh ! Thôi, thay đồ khô rồi lên giường nằm ngủ đi. Mặc kệ cho bọn chúng múa rối. Hơi sức đâu !

— Không ! Tôi phải làm một cái gì. Tôi phải tích cực tham dự...

— Như thế là ngu xuẩn. Tất cả đều là một đàn lừa đâm đầu xuống biển.

— Chẳng lẽ cứ để cuộc sống nhục nhã ăn mòn, ăn ruộng dìn à ?

— Thế vẫn hơn !

— Mặc kệ anh, tôi không nói chuyện với anh nữa.

— Vậy thì tôi ngủ.

— Còn lâu anh mới ngủ được.

Một chuỗi cười thật lớn rồi im bật. Không khí trong phòng trở nên nặng nề. Chàng nghe vũ trụ đang quay cuồng, những mảnh carton mục nát trên trần nhà sắp rơi xuống thân thể chàng. Những tấu khúc hải hùng lại bắt đầu... sức phản kháng, trấn át đến mặt độ nào đó rồi chàng mặc kệ cho những dầy vò hành hạ trong đầu như một gái đi buồng thả thân thể lơ lửng sau những giây dẫn đo tự vấn.

Chàng mở quyển sách ra xem những giòng chữ tiếp nối chạy dài từ trang này đến trang khác mà mặt không khác đám rừng.

Chàng mòn mỏi ngủ thiếp từ lúc nào không biết, nhưng đến lúc tỉnh dậy đã quá nửa đêm, giờ giới nghiêm đã hết. Ngoài đường tiếng động cơ Xích-lô máy vút ngang qua, tiếng nổ thật dòn và to, vang lên trong tích tắc rồi xa dần. Sự im lặng bị ngắt quãng từng chập bởi những tiếng động khác lại tiếp tục, càng về sáng càng nhiều hơn, cho đến khi tiếng động chiếm trọn thời gian không còn giây phút

nào yên tĩnh.

Chàng không tài nào chớp mắt được nữa. Nhưng chàng không muốn dậy, vẫn nằm yên trên giường và không bật đèn sáng. Chàng đang hồi tưởng lại cơn ác mộng lúc nửa đêm. Chàng mơ thấy một cảnh tượng chém giết khủng khiếp mà chàng cũng là một nạn nhân trong cuộc. Và cũng chính vì cơn ác mộng này làm chàng giật mình tỉnh giấc.

Bỗng ánh điện từ phòng bên cạnh loé lên chạm vào trần nhà, dội vào phòng chàng những tia sáng lờ mờ. Đó là gian phòng của một gã sinh viên D.K. mà chàng không buồn để ý gã học năm thứ mấy. Chỉ biết tên của gã là Tuyết, có lẽ nhờ gã mang cái tên con gái như thế nên dễ nhớ. Nhiều lúc chàng vô cùng bức mình vì gã sinh viên này. Gã hỏi nhiều câu hết sức ngớ ngẩn. Gã thắc mắc những chuyện hết sức trẻ con, chẳng hạn như gã hỏi: « Anh nghĩ là mình có nên đi chơi bởi không? — Thường thường con gái trước khi yêu mình nó chú ý về phương diện nào nhiều nhất: tiền tài, địa vị hay đẹp trai? — Nếu mình đi chơi bởi mà gái đi biết mình chưa biết gì hết nó có cười không?» Và còn nhiều chuyện ngu xuẩn khác nữa mà chàng không nhớ hết. Quả thật đó là thứ một sách không biết gì về cuộc đời ngoài những công thức. Chàng nghĩ bọn người này còn dầy dầy trong xã hội, và sự đổ đạt của chúng chẳng ích lợi gì cho đời sống xã hội; nếu không nói là bọn người phá hoại xã hội. Chính bọn họ là những người mang đầu óc nô lệ với những thành kiến thói nát, ích kỷ, họ chỉ nghĩ tới danh lợi cho riêng mình mà sẵn sàng làm một tên vong bản, bán nước...

Cũng trong trung tâm này, hằng ngày còn xảy ra nhiều chuyện hết sức buồn cười, có vài kẻ trong bọn rữ chàng làm chính trị, công tác xây dựng! Chàng không hiểu bọn chúng quan niệm danh từ đó ra sao mà để lộ sự quá ngu ngốc của mình. Hay là chỉ cần mượn một vài danh từ phổ thông của thời-đại để nhân đi ăn cắp hoặc múa rối, khoe khoan, ta là hạng trí thức thiết tha yêu nước, thiết tha xây dựng xã hội...Thật là bọn diễn trò khi bán đầu cù là ngoài phố không bằng!

Hồi chuông thứ nhất từ nhà thờ vọng lại mấy khúc ngân nga báo hiệu trời gần sáng. Chàng muốn thức dậy giữa bình minh để tìm lại sự thoải mái lúc khí trời còn tinh sương mát dịu. Chàng đi tắm và mặc quần áo rồi ra khỏi phòng.

Cả khu học xá đều vắng vẻ. Có lẽ chàng là người đầu tiên trong ngày đi qua cổng.

Bà chủ quán cà-phê là một người Tàu xưa kia sống trên đất Bắc. Bà đã theo đoàn người di cư vào Nam hồi 1954 cùng với gia đình, gồm một người chồng và mấy đứa con. Chồng bà làm ở một hàng buôn trong Chợ-lớn, còn bà thì loay hoay với chiếc quán cà phê.

— Hôm nay cậu uống cà phê sớm thế?

— Nhờ ngủ không được nên tôi dậy sớm.

Bà chủ quán biết chàng chỉ uống cà phê đen nên không cần hỏi, bà đã mang cho chàng một tách.

— Cậu có ăn gì không?

— Bà cho tôi một khúc bánh mì dam-bong.

Đã hơn tuần nay chàng chỉ ăn bánh mì và uống cà phê mỗi buổi như thế chớ không ăn cơm.

Những sinh hoạt bắt đầu một ngày mới có vẻ tấp nập, hăng hái. Men cà phê và làn gió trong lành man mát buổi sáng làm chàng khoan khoái dễ chịu. Chàng nghe mùa thu lại trở về chung quanh đầu đây, dù không hiện rõ sắc thái đặc biệt; nhưng khí trời đã báo hiệu điều đó qua cảm quan chàng. Chàng nghĩ thầm: thế là đã sáu năm trôi qua! — Sáu năm máu lửa sôi sục trên mảnh đất oan cừu chưa có một giây phút thanh bình này. Chàng cũng cho là mình lấy làm hạnh diện sống giữa thời đại này — thứ hạnh diện chịu đựng tủi nhục và khổ đau.

Sau lần trở về đây dưới sự đổ vỡ toàn diện, chàng không thể nào tìm lại được một mái gia đình ấm cúng với những tình thương yêu sum họp. Tất cả những mơ ước tầm thường đó bây giờ là một cái gì quá cao xa hay đi ngược lại đối với chàng, cũng như đối với mọi người khác. Chàng đã mở mắt chào đời trong khói lửa và trưởng thành bằng chính chiến đấu điêu linh. Nhiều lúc chàng tưởng chừng mình đang bị lưu đày chung thân nơi một hoang đảo

xa lạ, bốn bề biển cả mênh mông, mình không còn hy vọng trở lại đất liền, tìm lại quê hương. Chàng không còn nhận ra mảnh đất này là quê hương của mình nữa, mặc dầu nó vẫn còn mang cái danh từ Việt-Nam. Bỗng chàng gào thét trong âm thầm : Quê hương tôi đâu rồi? Có gì khổ đau tủi nhục bằng những kẻ mất nguồn gốc con người ?

Chàng đứng dậy bỏ đi. Bà chủ quán bảo đưa con ghi số tiền vào sổ, rồi « trương mục » của chàng.

Chàng muốn tìm đến Chánh. Nhưng chàng lại đổi ý định đó ngay, vì con đường Phạm-ngũ-Lão mang bằng cấm từ lâu đối với chàng. Nơi đó quá nhiều phiền lụy mà chàng đã rơi vào. Bỗng chàng nghĩ tới Thanh, nhưng kẻ thứ hai trong chàng lại không cho phép chàng đến đó. Chàng đang đôi co với những va chạm dồn nén chàng có cảm tưởng mình là một kẻ bị rút kiếm trong cuộc đấu bị dồn vào chân tường, chỉ còn chờ nhát dao kết liễu của địch thủ.

Một hồi lâu sau chàng mới chợt nhớ ra Dung, và chàng nói lảm thảm không khác người đọc kinh cầu nguyện : « linh hồn em là cõi trú cuối cùng của những con người dọ lạc, bị mất đi tất cả. Nơi đó anh còn hy vọng tìm lại bản chất của con người.

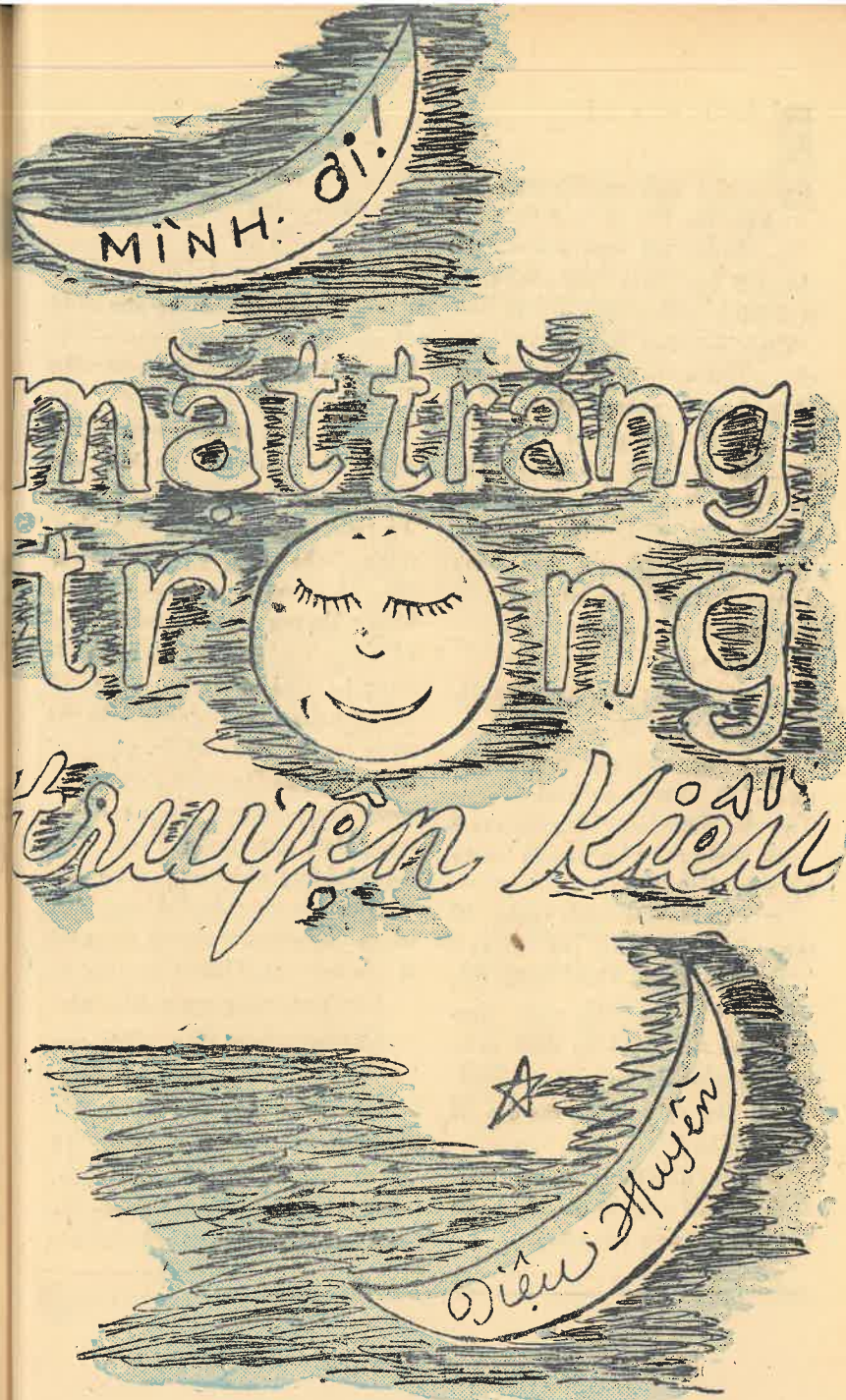
Nhưng đến trưa người ta lại thấy chàng ngồi ở trạm chờ xe hôm qua.

GLUCOCÉ
TÉVÉTÉ

KÉO SINH TỐ
CHỐNG MỆT-MỎI THÈ XÁC và TRÍ-ÓC
NGỪA NHIỄM-ĐỘC VI-TRÙNG

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRỪ AU-BUỘC

Số 252 BYT/QCDP/18.10-62



BÀ Tú ngồi ngó tấm lịch, rồi khẽ bảo :

— Minh ơi, hôm nay là 10 tháng 8 âm-lịch mà nhà mình chưa mua bánh Trung-Thu.

Ông Tú đang đọc quyển sách «From Colonialism to Communism» Ông bỏ sách xuống bàn, nhovn một nụ cười với bà Tú :

— Hôm nay là 10 tháng 8 hả, em?... Ngày kỷ niệm húy nhật của Nguyễn-Du đấy. Anh tán thành em đi Saigon mua bánh Trung-Thu về... tội mình ăn để nhớ đến tác giả truyện Kiều.

Bà Tú cười :

— Minh muốn ăn bánh thì em đi mua về cho Minh ăn, chớ ăn để nhớ đến tác giả truyện Kiều thì..., bộ không ăn bánh Trung Thu là không nhớ đến cụ sao?

— Nhân thế hôm nay là ngày kỷ niệm Cụ ấy mà.

— Nguyễn-Du chết ngày 10 tháng 8, năm nào, hả Minh?

— Năm Canh-Thìn, 1820, đến nay là 145 năm. Nếu tính theo năm sinh thì vừa đúng 200 năm, vì Nguyễn-Du sinh năm 1765.

— Thế ra cụ chết vào dịp lễ Trung-Thu?

— Một đêm trăng Trung-Thu. Anh cho đó cũng là do cái duyên của Nguyễn-Du với trăng.

— Minh nói sao?

— Nguyễn-Du với mặt Trăng khấn khít nhau lắm bởi cái duyên tiền định, cũng như Thúy-Kiều và Đạm-Tiên vậy.

— Em không hiểu.

— Không có nhà thơ nào nhắc đến Trăng nhiều hơn Nguyễn-Du. không có thi phẩm nào tràn ngập Trăng như «*Đoạn trường Tân Thanh*». Đọc suốt truyện Kiều, người ta thấy không lúc nào Nguyễn-Du quên mặt Trăng cả. Tả tình cũng trăng, tả cảnh cũng trăng, buồn cũng có trăng, vui cũng có trăng, giận cũng có trăng, bâng - khuâng thương nhớ cũng có trăng, náo nùng ai oán cũng có trăng!... Chỉ có trăng là hiểu rõ tâm sự ngồn ngàng của các nhân vật trong truyện Kiều nhiều hơn ai hết. Nguyễn-Du gieo rất trăng trong văn chương truyện Kiều, trong tình thơ, trong ý thơ, như chính những phản ảnh thâm kín của tâm hồn Nguyễn-Du vậy. Yêu trăng, Nguyễn-Du mượn trăng để tả sắc đẹp của Thúy-Vân :

Vân xem trang-trọng khác vời,

*Khuôn trăng đầy đặn, nét
ngài nở-nang.*

Lúc đã sa chân vào thanh lâu, Thúy-Kiều xấu hổ nghe mụ Tú Bà dạy cặn kẻ về nghề làm điếm, nàng chau mày, nhưng Nguyễn-Du cũng mượn mặt trăng để che bớt

MÌNH ƠI

nỗi e-thẹn của nàng Kiều :

Gót đầu vâng dạy mấy lời

*Dường chau nét nguyệt,
dường phai vẻ hồng*

Dưới nét bút của Nguyễn-Du, trăng còn tượng trưng cốt cách thanh tao của một « văn nhân », đây có nghĩa là một nho-sĩ tài-hoa, cho nên diễn tả hình-dung của Kim-Trọng, Nguyễn-Du chỉ phác họa vài nét :

Đề huề lưng túi gió trăng

*Sau chân theo một vạt trăng
con-con*

Không cần tả diện mạo của chàng, chỉ cho biết chàng thông dong (đề-huề) với nửa túi (lưng túi) gió trăng thì cũng đủ biết chàng là người như thế nào rồi.

Bà Tú tủm tỉm cười :

— Như thế nào, hả Minh?

— Là con người vừa hào-hoa, vừa thơ mộng. Kim-Trọng không phải chú nhà-buôn xốc-xếch một túi tiền, mà một « văn-nhân » đề-huề gió trăng lưng túi.

Với Nguyễn-Du, trăng còn tượng-trưng lời tình-tử thanh-tao. Đêm đầu tiên hội ngộ, Kim-Trọng mời Thúy-Kiều vào nhà :

Sánh vai về chốn thu-hiên

*Góp lời phong - nguyệt,
nặng nguyệt non-sông.*

Lời tình tử yêu đương của hai

người trao cùng nhau cũng chỉ êm như gió, trong như trăng mà thôi, chứ không có gì nhớ-nhứa.

Trăng là tượng-trưng cho thanh cao, trong trắng, nhưng suốt trong *Đoạn Trường Tân-Thanh*, đời của Kiều trải qua bao nhiêu tang thương, tâm hồn của Kiều qua bao nhiêu biến đổi, thì trăng của Kiều cũng phản-ảnh bấy nhiêu tâm-sự.

Sau khi thoáng gặp Kim-Trọng buổi chiều Thanh-minh, trở về nhà đêm ấy, lòng của Thúy-Kiều chưa bị xáo-động nhiều, tâm hồn còn bình thản, nàng còn thấy :

*Gương Nga chênh-chếch dòm
song,*

*Vàng gieo ngấn nước, cây lồng
bóng sân*

nàng còn thưởng-thức cảnh trăng sáng êm-đềm tĩnh-mịch đó. Nhưng chỉ phút chốc thôi, nà g lại cảm thấy cô-độc, lại nhớ đến chuyện Đạm-Tiên, đến chàng Kim-Trọng. Tâm hồn Kiều đã bắt đầu xôn-xao rạo-rực :

*Một mình lặng ngắm bóng
Nga,*

*Rộn đường gần với nỗi xa
bời-bời*

Buồn cười chưa! Cũng bóng trăng đó, mà mới lúc nãy thấy « vàng gieo ngấn nước, cây lồng bóng sân » mà bây giờ thì lại « rộn đường gần với nỗi xa vời-bời! »

Bà Tú cười :

— Có phải tại vì nàng vừa mới nghĩ đến Kim-Trọng :

*Người đâu gặp gỡ làm chi,
Trăm năm biết có duyên gì hay
không ?*

— Chính tại vậy. Cho nên «ngôn-ngang trăm mối bên lòng», rồi cũng mặt trăng đó, mà :

*Chênh chênh bóng nguyệt
xế mảnh.*

*Tựa ngòi bên triện, một mình
thiu-thiu.*

Tâm-sự cô-đơn của cô nàng bấy giờ thật đã quá da-diết bán-khoản rồi vậy.

Trong lúc đó, Kim-Trọng nhớ Thúy Kiều, cũng :

*Tuần trăng khuyết, đĩa dầu
hao,*

*Mặt mơ-tưởng mặt, lòng ngao-
ngán lòng.*

Thấy tâm-trạng của hai người, chúng ta đứng ngoài cuộc cũng đoán trước rằng thế nào rồi họ cũng tìm cách gặp lại nhau, đề cùnh nhau « đáp lời... sông núi » ! Chắc là đêm nào họ cũng nhìn trăng, đề trăng làm chứng cho nỗi nhớ-nhung âm-thầm của họ cho nên :

Lần lần ngày gió đêm trăng.
cho đến hết Xuân, qua Hạ.

Một đêm, thừa lúc cha mẹ và hai em đi vắng, Thúy Kiều ở nhà muốn gặp Kim Trọng. Đêm ấy cũng lại là đêm trăng :

*Cửa ngoài vội rủ rèm the,
Xăm-xăm bóng lối vườn khuya
một mình,
Nhật thừa, trăng giội đầu
cành...*

Không biết vô-tình hay cố-ý, tại Tố-Như tiên-sinh đem trăng treo vào đầu cành, hay tại Kiều nương muốn có trăng làm chứng cho cuộc phiêu-lưu táo-bạo của mình, nhưng dù sao chúng ta cũng không ngạc nhiên thấy mỗi khi trái tim cô Kiều rạo-rức bán-khoản thì cũng có mặt Trăng lửng-lơ đầu đó...

Kim Trọng đang ngủ lim-dim, bỗng :

*Tiếng sen sẽ động giấc hòe
Bóng trăng đã xế hoa lê
lại gần...*

— « Hoa lê lại gần », là sao, hả Minh ?

— Đây là theo câu thơ Tàu « Nguyệt di hoa ảnh, ngọc nhân lai », nghĩa là dưới bóng trăng bóng hoa, người ngọc đến. Hoa đây là người ngọc, là cô Kiều, lê lại gần, nghĩa là đi lại gần. Kiều đến nhà Kim-Trọng lúc bóng

trăng đã xế. Rồi cũng chính cái bóng trăng ấy làm chứng cho lời thệ nguyện của hai người :

*Vàng trăng vàng-vặc giữa
trời,*

*Đình ninh hai miệng, một lời
song song.*

*Tóc tơ căn vặn tấc lòng,
Trăm năm tạc một chữ đồng
đến xương.*

Đĩ-nhiên trong lúc hai người tình-tự âu yếm thì mặt trăng đẹp lắm :

*Sinh rằng : « gió mát trăng
trong... »*

Nàng thì lấy đàn nguyệt ra gảy một thiên diễm-tình tuyệt-diệu đề đáp lại mối tình cao quý của chàng :

*Đã lòng dạy đến, dạy thì phải
vâng,*

Hiên sau treo sẵn cầm trăng

Nhưng câu chuyện tình còn đang dang-dở, thì bỗng đâu Kim-Trọng được tin thúc-phụ chết, chàng phải tam-biệt người yêu đề về quê nhà thọ tang chú. Kim Trọng đau đớn tí-tê với Thúy-Kiều :

*Duyên đâu chưa kịp một lời
trao tơ !*

*Trăng thề còn đó tro-tơ,
Đám xa-xôi mặt mà thừa-thốt
lòng !*

Thật là một biến-cổ tàn-nhẫn bất ngờ ! Kim-Trọng chỉ trăng mà thề-thốt một tình yêu chung thủy, nhưng có đề đầu chính Thúy-Kiều, trong lúc vắng xa Kim-Trọng, cũng bị cảnh gia-biến, khiến nàng phải bán mình chuộc cha. Bán cho Mã-giám-Sinh, một tên lạ-hoặc do người làm mối đưa đến. Hẳn « cò-kẻ bót một trăm lạng vàng đề bắt Thúy-Kiều dẫn đi. Kiều phải nhận lời, nhưng uất hận quá :

*Trăng già độc-địa làm
sao !*

*Cầm dây chẳng lựa, buộc vào
tự-nhiên !*

Cũng trăng đó chứ trăng nào ? Nhưng với Mã-giám-Sinh thì nàng oán ghét trăng già độc-địa, còn đầu trăng trong vàng-vặc giữa trời trăng ân-ái của người yêu. Mã-giám-Sinh, muốn yên lòng Thúy-Kiều, không những lấy mặt Trăng đề thề mà lấy cả mặt Trời :

*Mai sau đâu đến thế nào
Kìa gương nhật-nguyệt,
nọ dao quĩ-thần*

nhưng lời thề ghê gớm quá, thề cả với gương dao quĩ-thần, thề xong là :

*Đùng đùng gió giục mây vùn,
Một xe trong cõi hồng trần
như bay !*

thì cái trăng thề của Mã-giám-Sinh sao mà kinh-hãi thế !

Cho nên, tội nghiệp cho Thúy-Kiều, nhớ Kim-Trọng :

Một trời thu để riêng ai một người.

*Đêm khuya ngất tạnh mù khơi
Thấy trăng mà thẹn những
lời non-sông !*

Khi rơi vào tay mục Tú - Bà, Thúy-Kiều chỉ còn làm bạn với Trăng mà thôi. Dù ở thanh lâu, nàng vẫn ở gần Trăng, Trăng cũng không xa nàng :

*Trước lầu Ngưng-bích khóa xuân;
Về non xa, tấm trăng gần, ở chung.*

Trước cảnh « *bê bàng mây sớm đèn khuya* », nàng nhìn trăng mà nhớ đến trăng, tức thì nhớ đến người yêu cũ :

Tương người dưới nguyệt chén đồng

*Tin sương luống hây rày mong
mai chờ*

Đến khi gặp chàng Sở-khanh thì :

*Bóng nga thấp thoáng dưới
mành,*

Nàng thấy hẳn có vẻ nho nhã, cũng tưởng là con người tử tế.

nên mới kể hết sự tình cho hẳn nghe. Nhưng hẳn lại xúi nàng trốn đi với hẳn, vào giờ Tuất, tức là khoảng 9 giờ đêm. Lý-thứ nhất là vào giờ này, đêm này, ta vẫn thấy mặt Trăng chứng kiến cuộc thoát ly của nàng Kiều theo «ngựa truy phong» của Sở-khanh, nhưng đêm nay :

*Đóa trà-mi đã ngậm trăng
nửa vành,*

*Tường đông lay động bóng
cành...*

Mặt Trăng tri kỷ của cô Kiều đã bị đóa trà-mi ngậm hết nửa vành ! « *Khai đao trà mi hoa sự liễu* ». Nở đến như hoa trà mi thì sự chơi hoa đã hết thú rồi, bởi hoa trà-mi là tượng trưng cho tình dục chán-chường : « *Tiểu thay một đóa trà-mi, con ong đã mở đường đi lối về* », cho nên tác giả *Đoạn trường tân thanh* đề Sở-khanh dụ dỗ nàng Kiều trốn đi với hẳn trong lúc vàng trăng bị đóa trà mi che mất một nửa. Ta đọc truyện Kiều đến đoạn này thấy thú vị ở chỗ Nguyễn Du tả mặt trăng bị hoa trà-mi che lấp chứ không phải một đóa hoa nào khác. Thật là mỉa mai chua chất làm sao ! Mỉa mai cho mặt trăng cũng như mỉa mai cho thân phận của Thúy-Kiều vậy !

Kiều ở nhà điếm của Tú Bà, Trăng vẫn theo rồi Kiều, Kiều vẫn gửi tâm sự cho Trăng :

*Đôi phen gió tựa hoa kề,
Nửa rèm tuyết ngậm, bồn bề
trăng thâu*

*Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu
Người buồn cảnh có vui đâu
bao giờ !*

Trăng bàng-bạc canh thâu, đáng lẽ đẹp lắm chứ, vui lắm chứ, nhưng người không vui thì cảnh làm sao vui được ! Có những đêm Thúy Kiều phải chịu theo ý khách làng chơi :

*Đôi phen nét vẽ, câu thơ,
Cung cầm trong nguyệt,
nước cờ dưới hoa,*

nhưng :

*Vui là vui gương kẻ là,
Ai tri-âm đồ, mặt-mà với ai ?*

Thoát được lầu xanh, Kiều gặp Thúc-Kỳ-Tâm, hẳn là kẻ tri-âm rồi đó. Cho nên, ở với chàng được một năm, nàng khuyên Thúc sinh nên về quê thăm vợ cả, cốt giữ cho gia-đình được trong ấm ngoài êm. Hôm Thúc-sinh tạm biệt ra đi, Kiều khắc-khoài nhớ chàng :

*Người về chiếc bóng năm canh,
Kẻ đi muôn dặm một mình
xa xôi.*

Vầng trăng ai xẻ làm đôi,

*Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm
trường.*

Kiều với Trăng tri-kỷ đến thế là cùng. Kiều yêu Thúc-sinh với mối tình quả thật đậm-dà lưu-luyến, cho nên khi chàng tạm biệt ra đi, nàng còn hỏi ỡm-ờ với Trăng : « *Vầng trăng ai xẻ làm đôi ?* » Thì nàng chứ còn ai nữa ? Tâm-hồn nàng đã chia ra làm đôi, để một nửa theo người yêu trên dặm trường, thì nàng cũng muốn xẻ Trăng ra làm đôi để một nửa đi theo chàng, một nửa nằm với nàng trên gối chiếc. Thật bỏ lúc nàng bán mình cho Mã-giám-sinh, đã mắng « *Trăng già độc-địa làm sao !* » Trăng đêm nay là trăng tri-kỷ mà !

Nhưng Thúc-sinh đi lâu quá, chưa thấy về. Kiều nghĩ đến « *Sấn bìm chút phận con con* » mà buồn, mà hối-hận bằng-qươ sao lấy Thúc-sinh làm gì ? Thúy Kiều lại tự so-sánh mình với Trăng. Hằng-Nga ở trong cung Trăng một mình không có chồng đó thì sao nhỉ ?

*Thân sao nhiều nỗi bất bằng,
Liều như cung Quảng à
Hằng, nghĩ nao ?*

Chắc nàng nhớ trong bài *Thất-tích-ca* : « *Do thắng Hằng-Nga bất giá-nhân, dạ-dạ cô-miền*

Quảng - hàn điện ». Hằng Nga không có chồng, đêm đêm vẫn ngủ một mình trong cung Quảng đấy, sao nàng không bắt chước Hằng Nga ?

Lúc mới gặp Thúc-sinh, Kiều cũng đã than-thở về thân-phận cô-don của mình :

*Vả trong thềm Quế cung
Trăng,*

*Chủ trương đành đã chỉ
Hằng ở trong !*

Nếu nàng «*chủ trương*» độc thân như cô Hằng thì đâu nên chuyện ! Nhưng, khôn nổi, nàng còn đa-tình đa-lụy ! Nàng còn «*nhớ Thúc-kỳ-Tâm*», cho đến đổi nhìn Trăng khuyết với chòm sao tam-tinh trong nhị-thập bát-tú, nàng còn mơ tưởng đến cái tên của chàng, là Tâm :

*Đêm thu gió lạnh song đào,
Nửa vành trăng khuyết,
ba sao giữa trời !*

Kiều muốn chơi chữ : nửa vành trăng với ba cái chấm, chính là chữ «*tâm*» trong Hán-tự vậy. Thế ra nhìn lên trời đầy trăng sao, nàng chỉ thấy có chữ Tâm mà thôi !

Bị Hoạn-Thư ghen quá xá cỡ, rồi tại Quan-Âm-Các lại bị Thúc-Sinh sợ vợ, tuyên bố :

«Liệu mà xa chạy cao bay

*Ái ân ta có ngần này mà thôi !
Kiều đành phải trốn đi vậy :*

*Cất mình qua ngọn tường hoa
Lăn đường theo bóng trăng
tà về tây !*

Thì ra Thúy-Kiều bị Thúc-Sinh hất-hủi, phải leo tường trốn đi, cũng đã có bóng trăng ở hướng Tây để diu dắt nàng trên con đường vô-định.

Bóng trăng theo rồi Thúy-Kiều đến Chiêu-ân-Am của Sư Giác-Duyên :

*Cửa thuyền vừa cũ cuối xuân
Bóng hoa đầy đất, về ngân
ngang trời,*

đến lúc gặp Từ Hải, tạm thời thoải-mái :

*Lăn trâu gió mát, trăng
thanh,*

lúc bị Hồ-tôn-Hiến gả cho thờ-quan ở dưới thuyền, phân-vân chưa biết thế nào :

*Mảnh trăng đã gác non đòai
Một mình luống những đứng
ngồi chưa xong,*

Nhưng lạ nhất, trên sông Tiền-đường và lúc Thúy Kiều gieo mình xuống sông, thì mặt Trăng lại bỏ Kiều, biến đâu mất. Ta không thấy Trăng, chỉ thấy :

*Trời cao, sông rộng, một màn
bao-la,*

Nhờ Sư Giác-duyên cứu được, về ở thảo-lư, Kiều mới thấy lại Trăng :

*Một nhà chung chạ sớm trưa.
Gió trăng mát mặt, muối
dưa chay lòng.*

Một trăng dịu-lành chứng cảnh nâu-sông đạm bạc.

Khi được đoàn tụ với gia đình, Thúy-Vân là người đầu tiên nhắc lại trăng thế :

*Còn duyên may lại còn người
Còn vầng trăng bạc, còn
lời nguyện xưa*

Thúy-Kiều cũng nhắc lại trăng, nhưng giọng chua chát, thẹn thùng. *Nghĩ rằng trong đạo vợ chồng,
Hoa thom phong nhi, trăng
vòng tròn gương*

*Chữ trinh đáng giá nghìn vàng
Đuốc hoa chẳng thẹn với chàng
mai xưa.*

*Thiếp từ ngộ biến đến giờ,
Ong qua bướm lại đã thừa xấu
xa.*

*Bấy chầy gió táp mưa sa,
Mấy trăng cũng khuyết
mấy hoa cũng lìa*

*Còn chi là cái hồng nhan ?
Mặc dầu Kim-Trọng thiết tha :*

*Hoa tàn mà lại thêm tươi,
Trăng tàn mà lại hơn mười
răm xưa*

Thúy-Kiều cũng tự xét rằng Kim-Trọng vì quá yêu mình mà nguỵ biện, chứ trăng tàn mà làm sao lại «*hơn mười rằm xưa*» cho được ? Biết vậy, nàng chỉ xin :

*Đời tình cầm sắt ra duyên
cầm-kỳ*

mà thôi, để rồi :

*Khi chén rượu, khi cuộc cờ,
Khi xem hoa nở, khi chờ
trăng lên...*

Trăng theo rồi cuộc đời phiêu-lưu của Thúy Kiều từ đầu đến cuối. Trăng vui, trăng buồn, trăng vàng-vặc giữa trời, trăng bị đóa trà-mi che lấp. Trăng tươi sáng trên cành, trăng già-nua độc-ác, trăng thấp thoáng dưới màn, trăng buồn-bã ở phương Tây soi bước đường định-mệnh... Trăng thanh rồi trăng khuyết, trăng tàn. Nhưng rốt cuộc, «*trăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa !*»...

Trong đêm Trung-thu, ai muốn đi nhặt trăng của Nguyễn Du, theo bước định-mệnh của Thúy Kiều, chắc được đầy túi. Và nếu cho là một cuộc chơi dòng-dài nhưng thú-vị, thì hẳn là :

*M 1 vui cũng được một vài
trống canh...*

Bà Tú mỉm cười duyên-dáng, đứng dậy mặc áo, xách giỏ mây, sửa soạn đi chợ :

— Em đi mua bánh Trung-Thu để tối nay Minh ăn rồi Minh đi nhặt trăng nhặt gió của cô Thúy-Kiều nhé !..

★ *Diệu-Huyền*



Ở TRẬN - TUYẾN
BA - LÒNG
hoàn toàn yên lặng . . .

(*All quiet on the Balong front*)

(tiếp theo P.T. 156)

BỒ N giờ chiều, tại hội-trường Trại Lam-Son cách phi-trường độ hai trăm thước, trước một phái-đoàn quân-sự Mỹ ở Đà-nẵng ra, Chuẩn-tướng Chuân, Tư Lệnh Sư-đoàn I, và Trung-tá Khoa, Tham-mưu-trưởng, thuyết trình về cuộc hành quân ở Ba-Lòng.

Đứng trước những bản-đồ quân-sự vô cùng tinh-tế và những bản thông-kê rất tường tận, với một giọng nói nhẹ-nhàng, điềm-đạm, thỉnh-thoảng điểm thêm một vài câu khôi-hài và một nụ cười duyên-dáng, Chuẩn-tướng Chuân giảng-giải thật rõ-ràng tất cả những chi-tiết về cuộc hành-quân lớn ấy. Ông nói bằng tiếng Anh, và rất tỉ-mỉ, không bỏ sót một khía cạnh nào của vấn-đề, để thính-giả có cảm nghĩ rằng một vị tướng biết rõ chiến-địa của mình và thề quân ta, quân địch, như vậy, không thể nào thua trận được. Trung-tá Khoa, Tham-mưu-trưởng, phụ-tá Chuẩn-tướng trong buổi thuyết-trình lý-thứ nầy, cũng giảng-giải rành-rọt

các đềm phụ-thuộc của Hành-quân.

Đây là tổng kết thắng lợi của ta, đến 18 giờ ngày 17-3-65, theo bản thuyết-trình của Chuẩn-tướng Chuân :

Địch : 68 tên chết tại chỗ

- 9 bị bắt sống.
- 10 xuất thú.
- 31 tinh nghi (tạm giữ)
- 20 Qui-chánh

Vũ khí : — 1 Bazooka, súng bắn hỏa tiễn.

- 1 súng còi 60 ly.
- 4 đại liên 30
- 30 súng cá nhân.
- 2200 viên đạn đủ loại.
- 1 mìn chống chiến xa.
- 60 ký thuốc nổ TNT.

Vật dụng : 5 tạ lúa + 8 tạ bắp.

- 2 tạ gạo + 50 kí-lô cá khô.
- 10 tạ muối.
- 1 trại Huân-luyện cấp Trung-đoàn gồm 22 nhà.
- 1 trại sản-xuất gồm 15 nhà
- 1 trại quân gồm 15 nhà.
- 1 trại quân gồm 22 nhà

Sau briefing, phái-đoàn Cò-vàn Mỹ trở về Đà-nẵng, còn Chuẩn-tướng Chuân, Trung-tá Khoa cùng một số sĩ-quan của bộ Tham-mưu và tôi, lên trực-thăng về hướng Tây, hằng đêm chiến-trường. Một phi-cơ theo sau để yểm-trợ chúng tôi.

Không đầy 30 phút, trực thăng rà-rà trên các sườn núi. Núi kề tiếp nhau, trùng-trùng điệp-điệp, dựng thành hai dãy cao chật ngất. Cây lá bùm tùm rậm-rịt. Một hung-lũng khá sâu và rộng, dài đến 10 ki-lô-mét, giữa có giồng suối chảy. Trung-tá Khoa bảo tôi: « Đây là mật khu Ba-lòng. Quân ta đang dọn dẹp chiến-trường ». Chuẩn-tướng Chuân chỉ tôi coi mây chực lỗ bom rải-rác dọc theo thung-lũng: « Ông thấy không? Bom của pháo-đài bay B-52 thả xuống đây! »

Trực-thăng cứ rà mãi hai bên sườn núi, bọc quanh chiến-địa. Tôi có cảm tưởng địa-thê ở đây giồng như Điện-Biên-Phủ mà tôi đã xem ảnh nhiều lần trong các báo và các sách Pháp. Tôi không giấu sự mong đợi của tôi được thấy một vài viên đạn cao-xạ của Việt-

Cộng bắn lên trực-thăng, và trực-thăng sẽ bắn Rockett xuống. Nhưng trận-tuyên Ba-Lòng hoàn-toàn yên-lặng. Trực-thăng đáp xuống bình-yên trên một đám cỏ hoang. Lá, cỏ và cát bụi bay ào-ào chung quanh dưới áp-lực không-khí của hai chong-chóng.

Binh-sĩ ta nai-nịt khi-giới đang canh phòng nghiêm-nhật. Một Đại-úy trong bộ Tham-mưu cho tôi biết đây là binh-sĩ vừa được trực-thăng-vận đến hồi 8 giờ sáng để tiền chiếm « mật khu ». Tất cả 2 tiểu-đoàn. Một khẩu đại-bác chia vào núi, sẵn sàng khạc đạn. Một con chim cà-cưỡng lông cánh màu xám, bay đến đậu ngay trên họng súng, cất tiếng hát liú-lo. Tôi hết sức ngạc-nhiên, thoát nghe giồng như tiếng sáo bản nhạc « Sur le pont de la Rivière Kwai » ! Tôi đứng nghe say-mê nhưng chim hót nửa chừng rồi bay vào núi. Dưới một gốc cây rậm-rạp, ba quân-nhân ngoại-quốc, một người Úc, và hai người Mỹ, nai-nịt súng ống người, đang ngồi chuyện-trò thân-mật, hút thuốc vui-vẻ,

với một Thiệu-Uý Việt.

Chuân-tướng Chuân và tôi đến xem một lỗ bom thật bự, do Pháo-đài-bay B-52 từ đảo Guam đến dội bom vài hôm trước.

Lỗ bom rộng như một lòng chảo vĩ-đại, bề kính đến 10 thước, bề sâu 8 thước. Những lỗ bom như thế rất nhiều, loang-lổ cả thung-lũng Ba-Lòng.

Những xác chết bị tan nát từng mảnh, tung ra từng khúc, rơi ra từng đồng, ngổn-ngang trên chiến-địa.

Một ông chân người, với búp đùi mập-mạp, bàn chân to-lớn, bị mảnh bom cắt đứt, lia khỏi thân thể và cháy đen thui, nằm rục trên cỏ. Một bụi chuối nước mọc gần đây, trở một cành hoa, màu hoa tươi đỏ dưới nắng chiếu.

Tôi bước chậm-rãi, bần-khoãn giữa trận-địa. Chuẩn-tướng Tư-Lệnh Sư-đoàn đi bên cạnh, hỏi tôi: « Ông có cảm-giác thê nào? » Tôi buồn-bã ngó Chuẩn-Tướng: « Tâm-trí tôi bây giờ cũng ảo-não lan-man như

cảnh chiến-trường, chưa phân-tách ra được. Cảnh chiến-trường nào cũng buồn cả, thừa có phải không? »

Có điều tôi rất cảm động, trên phương diện hành-quân, là thấy anh em binh sĩ đã tỏ ra một tinh thần chiến-đấu rất cao, và trong hoàn-cảnh cực-kỳ nguy hiểm với những điều-kiện gay-go, anh em vẫn vui-vẻ, hăng-hái, triệt-đề tuân theo kỹ-luật, chịu đựng bao nhiêu cam khổ. Một Chuẩn-úy trai-trẻ từ trong lều vải tiền ra, nhã-nhận chào tôi: « Dạ thưa, em là độc-giả Phổ-Thông... », rồi anh tặng tôi một món quà bất ngờ: « Để kỷ-niệm ngày ông đến thăm chiến-tuyến Ba-Lòng ». Đó là một chiếc mũ đan bằng tre của Việt Cộng, lớp vải bọc ngoài đã bị cháy sém hết, mà anh đã lượm được bên cạnh xác chết một địch-quân.

Tôi mỉm cười cảm-chiếc mũ tre, lòng bùi-ngùi cảm-động không xiết. Nay tôi còn giữ món kỷ-niệm lý-thứ ấy.

(kỳ sau hết)

* **Nhắn bạn VINH-DẪN, Phái viên tiền - tuyến.**

Xin bạn gửi gắp cho mấy tấm ảnh bạn chụp ở mặt trận Ba Lòng. Rất mong. Thành thật cảm ơn trước.

Mến,
N.V.

cảm thu... *

Thu về gợi lại ý sâu thơ
nhìn khói thu bay nét hững hờ
tổ quốc tang thương ai những biết,
giang sơn nghiêng ngã kẻ thờ ơ.
lá vàng rơi rắc như vương vấn,
mây trắng lững lờ luống ngẩn ngơ.
nhân loại luân trầm bao thế kỷ,
chán chường sự thế lắm buồn như.

● ÁVT.
(Ninh-Hòa)

* * xa rồi hình bóng cũ !

Kỷ niệm xưa còn đây
người xưa giờ nơi đâu ?
nhớ nhung từ buổi ấy
... tìm cội lạnh ý sâu...
ân tình hai lối mộng !
đời chia hai ngã rồi
ai đi xây duyên mới
cho ai thăm lệ rơi
xa rồi, hình bóng cũ
nhạc buồn giăng phím tơ
thơ sầu vương liễu rũ
mây chiều trôi bơ vơ!

● NGUYỄN THỊ TƯỜNG-VÂN
(Phan-Thiết)



TÍN

CÔNG-TỬ Vô
Kỵ, con Nguyễn-
chiêu-Vương cũng biết
chiêu hiền đãi sĩ,
thực khách cũng hơn
ba ngàn người. Người
ta thường gọi ông là Tín-lãng-
quan và cũng nổi danh đồng thời
với Mạnh-thường-Quân ở Tề và
Binh-nguyên-Quân ở Triệu.

Có một người ăn sĩ nước
Nguyễn tên là Hầu-Sanh. hơn bảy
mươi tuổi, nhà nghèo làm chức
giám thủ cửa thành Đại-

lượng. Vô-Kỵ nghe
danh bên đi xe qua bái
yết, đem hai chục ngàn
vàng tới tặng. Hầu
Sanh từ tạ mà nói rằng:
« Tôi yên - bần, thể
phận, không tham của
ai, bây giờ đã già
rồi, lẽ nào « lại vì công
tử mà đòi tiết ».

LĂNG

QUÂN

* Thiệu-Sơn

Vô-Kỵ biết thế không ép
được liền thâu vàng về và mở

tiệc khoản đãi. Trong hàng quan khách thiếu gì Vương tôn, công tử nhưng chỗ ngồi danh dự lại dành cho người khách mới là Hầu Sanh. Vô-Kỵ khiến thẳng xe rời đích thân qua rước Hầu-sanh tới hội. Vô-Kỵ mời Hầu-sanh lên xe ngồi chính giữa, ông cung kính cầm dây cương ngồi một bên. Khi xe lui về Hầu-sanh còn xin ghé chợ cho ông vào thăm một người bạn làm nghề bán thịt là Châu-hợi. Hầu-sanh thường liếc mắt ngó chừng Vô-kỵ ngồi ngoài xe thấy sắc mặt hòa vui, không chút gì tỏ ra mỗi mệt và chán nản. Ngồi thật lâu với Châu-hợi rồi Hầu-sanh mới chịu ra xe. Vô-kỵ khởi sự ra đi từ giờ Ngọ, tới hồi trở về phủ thì cuối giờ thân, Quan khách không biết công tử đi rước du-sĩ hay sứ-thần ở phương nào, ngồi đợi lâu có ý phiền và mỏi. Nghe tin Công tử rước khách đã về, các vị đều đứng lên nghinh tiếp. Khi ngó thấy một ông già râu tóc bạc phơ, áo khăn tơi tả, ai-cũng lấy làm ngạc

nhien. Vô-kỵ mời khách lên ngồi; chiếu trên hết, Hầu-sanh cũng chẳng khiêm nhượng chút nào. Tiệc vừa say, Vô-kỵ tay bung chén vàng đứng trước Hầu-sanh làm lễ chúc thọ. Hầu-sanh bung lấy chén rượu mà nói với Vô-kỵ rằng : « Tôi là một tên Giám thủ giữ cửa Di môn, Công tử tưởng tới phận hèn, tôn tôi lên ngồi trên các vị quan khách thì cũng quá bức lảm rồi. Nhưng tôi không muốn từ chối là muốn cho Công tửặng trọn tiết đãi sĩ đó thôi». Bọn quan khách đều cười thăm với nhau. Mãn tiệc Hầu-sanh còn tiễn cử Châu-hợi là người giỏi. Vô kị qua thăm Chu hợi nhiều lần nhưng Châu-hợi tuyệt đối không bao giờ đáp lễ. Vô-kỵ cũng không 1 lời khiển trách. Mạnh-thường-Quân đi qua Ngụy ghé lại ở nhà, tự nhiên tình đầu ý hiệp, Mạnh-thường-Quân giới thiệu Bình-nguyên-Quân cho Vô-kỵ và khuyên 2 người nên kết thân với nhau. Do đó mà có cuộc hôn nhân giữa Bình-nguyên-Quân và chị của Vô-Kỵ. Cũng do đó mà Ngụy, Triệu thông hiếu cùng

nhau. Mạnh-thường-Quân ở về bên nào cũng có chỗ tin cậy.

✱

Nước Triệu bị quân Tần uy hiếp Bình nguyên Quân sai người qua cầu viện Tướng Ngụy là Tấn Bì. Tấn Bì chối từ, Bình-nguyên Quân bèn gửi thư trách em vợ là Tín-lăng-quân sao không cứu Triệu. Tín-lăng-quân vào tàu với Ngụy-Vương xin sắc chỉ cho Tấn Bì tấn binh nhưng lại bị vua Triệu từ chối. Tín-lăng-quân nghĩ rằng : « Ta không nên phụ nghĩa Bình-nguyên-Quân, thà đi qua Triệu một mình mà liều chết với nhau cho thỏa. » Ông bèn sắm đủ xe ngựa hơn một trăm cỗ, hỏi trong đám môn khách được trên một ngàn người tình nguyện theo ông thẳng tới quán Tần để cùng chịu nạn. Đi qua cửa Di-môn, Tín lăng-quân tới từ biệt Hầu-sanh thì Hầu-sanh cũng chỉ thối thác phận già không theo được mà thôi, chứ tuyệt nhiên không có ý kiến gì khác cả. Tín-lăng-quân vừa đi vừa nghi hoặc trong lòng nên lại một mình quay trở lại

nhà Hầu-sanh. Quả nhiên Hầu Sanh đã đứng trước cửa, cười mà nói với Tín-lăng-quân rằng : *Tôi đã định trước là chắc sao Công tử cũng trở lại vì Công tử giận tôi trước kia được tiếp đãi hậu tình mà bây giờ Công tử lâm nguy tôi lại không có một lời tống tiễn.*

Rồi Hầu-sanh nói tiếp : « Công tử nuôi khách đã ba mươi năm nay không nghe có một người nào bày một kế chi cho lạ, nay lại ùng ùng theo Công tử tới nạp mạng cho quân Tần thật là nguy hiểm như đem thịt mà nạp cho cọp thì có ích gì đâu? » Tín-lăng-quân nói : « Tôi cũng biết là vô-ích, song nghĩ tới, nghĩ lui nghĩa giao tình với Bình-nguyên-Quân thì sống một mình sao cho phải nghĩa ? » Rồi thẳng Hầu Sanh mới hỏi Tín-lăng-quân về nội tình trong cung vua và được biết rằng bà Như Cơ là người được vua yêu trước kia đã từng thọ ơn của Tín-lăng-quân rất sâu đậm. Hầu-sanh bèn khuyên Tín-lăng-quân lấy trộm binh phù của Ngụy vương rồi đoạt luôn binh

Tăng cường sinh lực
BĂNG
CETONIC 250 mg
VITAMINE C
1483. BYT...DPDC.

Đường midol
1360/BYT/DPDC
trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TAY

quyền của Tấn-Bi như đã nói ở bài trước.

Tuy nhiên muốn thi hành kế hoạch nói trên còn cần phải có một người giúp sức. Người đó chính là Châu-Hợi. Hầu sanh bèn cùng đi với Tín-lăng-quân tới kiếm Châu-hợi và nói rõ ý-kiến của mình. Châu-hợi nhận lời liền và nói : « Tôi là người dễ tiện bán hàng thịt ở giữa chợ mà phiền công tử hạ cố nhiều phen. Sở dĩ trước tôi không đáp lễ là vì việc đáp lễ là việc nhỏ mọn. Bây giờ công tử có việc âm nguy, chính là cơ hội cho tiểu nhân phải đền ơn tri ngộ » Nói rồi sửa soạn ra đi liền. Hầu sanh nói : « Theo lễ thì tôi cũng phải đi theo, hiềm vì tuổi tác đã già, thể không đi xa đặng, thôi tôi xin lấy hồn đề tiễn đưa Công tử.

Nói vừa dứt lời liền tự vẫn mà chết. Tín-lăng-quân khóc kể thiết-tha, hậu cấp cho người nhà Hầu-sanh đề lo việc mai táng rồi cùng Châu-hợi lên xe nhắm hướng Bắc thẳng tới.

★

Không cần nói lại việc Châu-hợi thỉnh linh giết Tấn-Bi để đoạt binh quyền cho Tín-lăng-quân. Chỉ cần nói thêm rằng sau khi quân Tấn rút lui thì vua Triệu

hết sức vui mừng coi Tín-lăng-quân như một vị ân nhân đã cứu nguy cho toàn dân nước Triệu. Chính nhà vua đã nói : « Nhờ ơn Công tử mà nước Triệu mất rồi lại còn. Người giỏi từ xưa đến nay không ai hơn Công tử ». Tín-lăng-quân cũng có ý lên mặt khoe công, Châu-hợi bèn nói :

Người đã có ơn với Công tử thì Công tử không nên quên. Còn Công tử có ơn với người mà Công tử không bỏ quên không đặng Công tử đoạt quân. Tấn-Bi đề cứu nước Triệu luận về nước Triệu tuy, là có công, mà luận về nước Ngụy chưa phải là vô tội. Công tử tự nghĩ có đáng hãnh diện về công lao của mình không? Tín-lăng-quân nghe nói có ý hổ người. Ông bèn xin lỗi Châu-hợi và nói « Tôi xin vâng lời »

Tới thành Hàm-đan vua Triệu thân hành ra tiếp rước giữ lễ rất cung kính. Phần Tín-lăng-quân cũng rất mực khiêm nhường bước nhẹ nhẹ mà đi tới. Vua Triệu truyền dọn yến thiết đãi rồi bưng chén rượu tới trước mặt Tín-lăng-quân mà chúc thọ. Tín-lăng-quân từ tạ nói rằng : « Vô-

ky có tội đối với Ngụy, còn cũng không có gì đáng gọi là vâng đối với Triệu mà phiền Đại cương quá u hậu đại, tôi lấy làm áy-náy vô cùng.»

★

Mạnh-thường-Quân là người được nổi danh trước nhất là biết chiêu hiền đãi sĩ, nuôi thực-khách đề khai thác nhân tài. Nhưng ông chỉ cầu được tiếng cho ông hơn là biết trọng dụng người giỏi. Những kẻ có những ngón tiểu xảo vụn-vặt phải chờ có cơ hội mới thi hành đôi chút tài nghệ của mình.

Còn những kẻ có đại chí đại tài như Phùng Hoan cũng phải tự mình xung phong gánh lấy công việc. Thật ra Mạnh-thường-Quân không đề ý đến ai và không thấy được người hiền tài ở trong đám quảng-đại quần-chúng không tên và không tuổi.

Bình-nguyên-quân không hơn gì Mạnh-thường-Quân, nuôi môn-khách cũng như nuôi đầy tớ đề tăng sức và gây thanh thế cho mình. Hơn nữa ông còn có tính chuộng sang khinh hèn, không bao giờ lưu ý tới những người

hiền trong đám người tối tăm không địa vị.

Nhưng Tín-lăng-quân thì thật là con người có mặt xanh và nhiều đức độ. Hễ nghe đâu có người hiền là ông nhào tới đề cầu thân dù người đó là một tên giữ cửa thành như Hầu-sanh hay một tên bán thịt như Châu-hợi.

Tín-lăng-quân còn hơn đút Mạnh-thường và Bình-nguyên ở chỗ biết chịu khó học hỏi ở người khác đề bồi dưỡng cho đạo đức của mình. Ông đã học ở Hầu-sanh và ông còn học thêm ở Châu-hợi và nhờ đó mà ông đã giữ vững được uy-tín và đức độ của mình.

Ở thời-đại Phong-kiến mà lại là một công tử con vua, Tín-lăng-quân quả là một con người hiếm có. Không những ông biết chiêu hiền đãi sĩ mà ông còn biết học hỏi ở những người thấp kém hơn mình đề rèn đức cho mình thành nên người hiền và kẻ sĩ.

So sánh với ông thì Mạnh-thường-Quân và Bình-nguyên-quân còn thua xa.

● ★

AI TÍN

Kính cần nguyện cầu cho hương hồn thầy **THẦN-LIÊN LÊ-VĂN-TẮT** tiêu diêu miễn cực lạc và thành kính phân rú cúng tang quyền.

NGỌC - HÂN



âm thầm

Từ dạo gặp em rồi anh biếng ngủ,
Thức trắng âm thầm ngồi dệt thư yêu.
Anh nển lụn dần, khóai thuốc liền môi,
Mơ Liêu- trai em về trong giấc mộng.
Cánh cửa khép hờ, anh chờ tiếng động.
Đón tình em bằng tất cả nụ hôn môi.
Trao về em bằng tất cả nụ cười.
Mà Thứ Bảy chúng mình chưa dâng hết.
Anh lắng nghe những vì sao rên siết.
Những vì sao quăn-quại của cô- đơn.
Đang lịm tắt giữa đêm trường giá buốt.
Áo sờn vai, con đường xưa quen thuộc,
Bốn chuyến đi về ngõ vắng mình anh.
Tà áo Gia-Long dịu ngọt thẹn lành,
Em cho đó bao giờ anh dám nhận.
Sự-nghiệp hôm nay mây đùn kín lối,
Thì em ơi biết kêu gọi vào đâu?
Dầu tình em đã bảo buổi ban đầu,
Anh ái ngại nhiều vết thương kêu nhức.
Gọi tên em để rồi đau tử nhục,
Biết anh nghề còn tưởng nhớ gì không?
Tâm sự anh mang gói trọn trong lòng,
Gục mặt xuống mượn tờ hồng buộc chặt

★ **TỔNG MINH-PHỤNG**

vinh Thúy-Kiều và Từ-Hải

Đề góp với các nhà học giả đương ca
tụng Thúy-Kiều và Từ-Hải.

thúy kiều

Mười mười lăm tuổi đã lang bang,
Chả trách làm gương đề thể gian,
Đại trước đã làm tên Trọng huỳnh,
Ngu sau lại xúi lão Từ hàng.
Tiên-Điền ví phải không thương tiếc,
Nam quốc ai đâu biết đoạn trường.
Ai tiếc ai khen, thẳng tó bảo:
Châm mình thêm bản nước Tiên-giang.

từ hải ★ ★ ★ ★

Râu hàm hàm én góm ghé chưa!
Sức rộng vai dài lướt gió mưa,
Góc bệ tung hoành ba thước kiếm,
Huyện thành, đập đổ mấy tòa xưa,
Năm năm nổi tiếng tài ngang dọc,
Một trận sa cơ xác đứng dờ.
Nghe gái lâu xanh xui bậy bạ,
Chết còn nghe nữa, hỏi ai ra?

★ **CỬ - TẠ**



* Trần-Quán-Kiệt

(tiếp theo P.T. 156)

THOẠT nhiên Triệu đứng bật dậy, nói mau :

— Rất tiếc tôi mến cô nhưng hẹn khi khác tôi sẽ đến. Vô tình bàn bên cạnh nghe được, tên đội nón Tây-ban-Nha đứng vội lên, hướng về Triệu nói thẳng vào mặt chàng :

— Tên mặt trắng đó đòi hẹn với ai hử ! Rồi hẳn xoay lại đồng bọn nói tiếp :

— Ê mấy bạn, coi thẳng công-tử bột nó hẹn-hò kìa !

Triệu không muốn lồi thối, nín bật. Thì lúc đó Dung xoay qua mấy người ngồi bàn bên kia nói :

— Thôi đi các ông bạn. Người ta có trâu mình đâu mà đùa kỳ thế.

— Nó đòi hẹn với em. Tên đầu trụ lúi tóc hớt điáp.

— Thì có sao ? Dung hỏi gằn hẳn.

— Ừ ! có sao ?

Thấy hẳn gây gổ, Dung gắt :

— Các anh chỉ thấy người ta có một mình thì lên giọng hà hiếp, vậy cũng bắt chước anh hùng trong tiểu-thuyết.

Tên đầu trụ ức quá hét to :

— Này con bé, mày biết tao từ lâu ở đây, đừng có lộn xộn.

— Hử ! Ai chẳng biết ông . . . anh.

— Nói sao hả ?

— Rồi sao, tôi sẽ nói cho ông chủ đây biết. Dung biết bạn khách này dữ như cọp ở vùng Bàn-cò. Nếu không dọa, chúng phá quán rượu. Thường thường mỗi quán mang tên là giải-khát chứ thực ra có nhiều quán nước «tích trữ» rất nhiều em để đón khách. Những nàng chiêu-dãi

viên, người nào dễ coi thì quán đó đông khách. Phần nhiều họ là những cô gái sa chân, yếu thế, tình duyên lỡ-dỡ, hoặc bị chị em dẫn dụ làm nghề này. Bên ngoài là đãi-khách, lo việc dọn dẹp bàn ghế. Nhưng phần đông họ bán nụ cười, bán nhan sắc cho khách dòm ngó chọc-gheo, có nhiều nhà quê mới lên tỉnh, lại coi nghề đó làm thích, nhảy vào nghề và lần lượt rơi vào tay mấy anh điểm tàn hại cả trình tiết mình thật khôn nạn.

Người chủ quán của Dung cũng là một tay anh chị trong rừng dao búa, nay hết thời, giải-nghệ cặp kè với bọn có thể lực, nuôi em, bán quán. Mượn cái tấm thân của gái nghèo sa-cơ, bốc lột tận xương tủy. Nhưng vì hấn quá mạnh, dữ nên không cô nào dám kêu ca gì.

Dung mượn oai chủ quán dọa anh chàng lỗ mãng :

— Ông chủ biết anh định phá quán thì anh biết tay.

Trước đám đông, tên lỗ mãng bị chạm tự ái xanh mặt, cung tay nói :

— Nào gọi chủ quán ra đây.

Lúc đó chủ quán đi khỏi. Bà chủ giận dữ. Nhưng bà giận và mắng Dung chứ không phải vì bọn khách lỗ mãng nọ :

— Này im đi con bé, mày muốn tao tống cò không. Ở đó mà lo gây với khách.

Dung không nói, đỏ mặt ầm ừ :

— Chính các ông kia muốn gây sự với ông này. Nói đoạn, Dung chỉ tay về phía Triệu.

Bà chủ to tròn như hột mít. Cặp mắt nhỏ cổ nhướn lên nói lớn :

— Tao bảo im ngay. Câm họng lại. Mặc họ. Mình buôn bán.

Giọng nói của mẹ thật đanh đá. Dung không ngờ mẹ chủ đã không bênh vực người làm, chống lại bọn làm quấy. Nàng không nói gì. Mặt giận ửng đỏ lên. Triệu đứng yên, bình tĩnh. Cặp mắt chàng

Dùng
1940-1941-1942

midol

trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
có bán tại các nhà thuốc

vừa nhìn người nữ chiêu đãi một cái nhìn thăm yêu mến vừa đảo đến cặp mắt nhìn mấy ông khách dư bàn bên.

Mọi người tưởng đầu mấy tên kia sẽ đập tan nát thân xác chàng ra. Nhưng dưới ánh mắt nghiêm nghị. Nét mặt thông minh và cách phục sức đứng đắn của Triệu, bọn chúng ngai-ngại không biết là người hạng nào, chẳng dám động tay chân. Triệu bình tĩnh trả tiền, quay đi. Lúc đó bọn chúng ngồi lại cười ầm lên, sĩa sõi theo, chế nhạo cả văng tục.

— Thằng con nít, biết sợ mà đi thì ngoan đó, không thì ông cho một chai bia bẻ nát đầu ra.

Triệu u vừa đi vừa suy nghĩ. Phải có cách gì trị bọn này, không thì mỗi nơi một nhóm, xã hội sẽ loạn vì chúng. Chợt lúc băng qua đường Phan-dinh-Phùng, Triệu ngó ngoái ra xem thấy một cái bóng nhỏ nép sau hàng me rậm, dường như kẻ nào theo mình.

Lo sợ và chủ ý đề phòng. Triệu bước thật nhanh ra ánh đèn sáng ngả tư. Nơi đó có người canh sát, chàng sẽ đỡ nguy hiểm hơn. Nhưng vừa ra đến nơi thì một giọng đàn bà con gái gọi theo :

— Thầy ơi, ngừng chân đợi em với.

Một giọng quen thuộc. Người canh sát nhìn chàng. Triệu gật đầu chào mỉm cười. Hẩn nheo mắt đồng tình với một ý không tốt mấy. Lúc đó Dung hiện ra ; Triệu vội kéo nàng đi dọc theo hè phố và hỏi mau :

— Sao Dung không ở lại bán ?

— Em theo thầy.

Ngạc nhiên, Triệu hỏi :

— Đề làm gì ? Câu hỏi của chàng bao hàm vẻ lo nghĩ khó khăn. Vì thực ra Triệu dấu bên lòng mình hình bóng của Nga từ bấy lâu. Nga là một nguồn mộng-tình đẹp như thần tiên đối với chàng.



Còn việc hôm nay, chỉ là vì tình cờ mến chuộng nhau, Triệu chưa đặt thành vấn đề yêu thương mà chỉ là thương hại.

Trong lúc này Triệu nghe rõ trong lòng câu tự vấn hơn lúc nào hết. Thương hại là một nguy hiểm vô cùng trong vấn đề giao tiếp giữa trai gái. Có thể gây ra sự hiểu lầm mà nguy đến tánh mạng của người nào yếu đuối. Triệu muốn giải rõ cho Dung hiểu. Vì thật sự trước mặt Dung, Hình ảnh của Nga vẫn ần hiện chập chờn trẻ trung thùy mị, trước mắt chàng. Nhưng cùng lúc ấy, niềm cô-độc và sự khát vọng dậy lên hơn lúc nào hết. Lý trí không dẫn được cơn xao xuyến của lòng ham muốn và tự-do. Cái tự-do của bản năng đòi hỏi ghê khiếp đó.

Triệu nắm chặt lấy bàn tay Dung dẫn nàng đi. Bỗng Nga kêu thét lên « oái » một tiếng. Triệu giật mình, buông tay nàng ra. Trong lúc vô tình, Triệu bóp mạnh vào bàn tay nàng đau đớn.

Dung bỗng hỏi :

— Anh giận gì em chẳng ?

— Không.

— Sao làm thế ?

— Làm gì. Triệu hỏi một cách thực thà.

Dung đi sát bên Triệu nói :

— Anh bóp tay em đau.

— Hừ ! anh quên. Xin lỗi em đấy. Anh đang nghĩ một chuyện khác.

— Chuyện gì, chắc anh giận ai ?

— Chuyện ban tối ngoài quán đấy em ạ. Nghĩ mà bực mình.

— Thôi bỏ qua. Anh không biết chứ việc gây gổ bọn nó ý đồng hiệp yếu choán nhau với khách như cơm bữa.

Triệu đang bước đều, bỗng dất Dung dừng lại :

— Chúng ta ngồi xuống đây em.

Dung im lặng nghe lời. Lòng thương hại của Triệu tăng thêm. Chàng ôm chặt cánh tay Dung. Lạ lùng sao Triệu lại không thấy rung động gì hơn lúc chàng bắt gặp sóng mắt của Nga ngày trước nhìn mình. Điều đó khiến Triệu càng thêm khó nghĩ. Nếu Dung yêu chàng thật sự, chàng không thể nào che lấp mãi được cái vô tình của mình. Chàng có thể coi Dung như em gái, nhưng không thể rung động sâu xa

về một mối tình thắm-thía, tình yêu đương tận đáy lòng được. Nhưng dù sao, cái tê lạnh của thanh niên, cái buốt giá tận cùng, cái mà chàng cảm thấy cuộc đời như quay cuồng chong chóng, như một vật gì rơi giữa khoảng không đầy bụi, đầy gió lốc này... có lẽ tình thương sẽ đem lại một vạt tia nắng ấm.

Bàn tay mềm nóng xao động từng ngón như rần chặt lấy bàn tay của Triệu, đó là cử chỉ say-sưa ấp-yêu nhau của đôi bạn tình. Triệu không thể nghi-ngại gì về sự giả dối của cô chiêu đãi được, và mặt tình thả con tim như nhịp thuyền say sóng.

Hai người im lặng ngồi bên bờ tường của một bệnh viện hoa liễu. Trong đêm một điệu kèn trompette thổi ré lên và trầm xuống ngân dài tựa dây lầu ở đầu đường khiến họ nhìn lên. Tiếng kèn từng hồi vang lên giữa đêm khuya, dờng vắng. Tiếng nhạc trời nghe như những gót chân bước chậm và đều của đôi giai nhân tài tử đang vũ khúc trong vườn hồng. Nhìn lên khoảng không, trăng giải lạnh. Vài vệt mây giăng ngang qua vắng trắng tròn như một làn lụa mỏng giăng qua gương mặt mỹ-nữ. Ngóng trăng một lúc, tâm hồn cơ hồ vơi đi những tình yêu đọa lạc. Triệu thấy lòng nhẹ-nhàng, tâm hồn như một cánh bướm bay ra ngoài hư không.

Đang tư-lự thả hồn theo bước rời-rạc của đêm thâu, bỗng nhiên Dung khe-khe hát lên nhỏ nhỏ. Giọng hát như đượm nhiều sương gió rét buốt xoáy vào tận tâm hồn người nghe. Mang nỗi buồn băng-khuâng, Triệu cảm thấy nét sần hiện lên trên gương mặt người chiêu đãi.

— Sao mà buồn lắm vậy em ?

— Không có gì anh ạ. Tự nhiên em cảm thấy thích hát và hát lên như thế. Anh có thích nghe hát không. Em tiếc vì em không biết hát, sai điệu sai thanh hết khiến anh không thích.

(còn nữa)

AI - TÍN

Chúng tôi vừa được tin nhà thơ **LÊ - VĂN - TẮT** đã tạ thế tại Cù-lao Long-Khánh (Châu-đốc) ngày 5-9-1965, thọ 50 tuổi. Xin kính gởi lời chia buồn cùng tang quyến, và cầu nguyện cho vong lino của Thần-Liên tiên-sinh được tiêu diêu miền Cực-lạc.

Nguyễn - Vỹ

SÁCH BÁO MỚI

Chúng tôi nhận được những tác phẩm sau đây, xin giới thiệu cùng bạn đọc :

★ **Tơ Sương**, Thơ của **Vân-Nương** do Quỳnh-Dao xuất bản. Nhiều bài hay. Bản đẹp in trên giấy quý. Địa chỉ giao dịch : Bà Phó-thị-Nguyệt, 95B, Gia-long, Saigon :

★ **Ngọn tóc trăm năm**, truyện của **Nghiêu-Đề**. Sông-Mã xuất bản, 19B, Lý-trần-Quán Saigon.

★ **Hương vương tơ**, Thơ của **Thanh-Sơn** Phạm-thị Hoài-Thanh xuất bản, Saigon.

★ **Chim**, Thơ tuyển tập của một số bạn trẻ. Hợp-dân xuất bản.

★ **Hòa Tiên**, Thi tuyển của **Đại-nguyên-Tử**. Bản đặc biệt.

★ **Giữ thơm quê mẹ**, số 1. Tập san văn nghệ. Lá-Bối xuất bản n. Nhiều bài có giá trị.

★ **Đất Đứng**, « Tạp-chí của lứa tuổi chiến tranh » số 1 Tòa soạn 23, Tự-Do, Saigon. Chủ nhiệm Lê-hùng-Dương, chủ bút Hoàng-Khanh.

★ **Suy Tưởng**, Truyện của **Nguyễn-vượng-Thổ**. Hữu-nghị xuất bản.

★ **Phương Đông**, Thơ của **Vân-Sơn Phan-mỹ-Trúc**. Ái-Hữu xuất bản, 61/17 Nguyễn-bình-Khiêm, Saigon. Bản quý. « Có những bài thơ nói về Tình Yêu, ca tụng Tình-yêu cùng sức sống con người, bên cạnh nhiều bài thơ mang màu sắc Phật-Giáo... »

★ **Dự-án Danh Pháp Hóa-Học Hữu-Cơ**, của **Vô-quang-Yến**, La Cerisaie, Pavillon 8. Palaiseau (Seine et Oise) France. Trung-Tâm Nghiên-Cứu Xã-Hội Việt-Nam Paris, xuất bản.

★ **Quê Hương**, « Tiếng nói Hội Sinh Viên Việt-Nam tại Nhật-Bản. Chủ trương biên tập : ban Văn-Hóa. Tháng 7 và 8-65 Vietnamese Student's Association in Japan, 862 Komaba-Meguro, Tokyo.

★ **Zen và Dương Sinh**, Thái-khắc-Lê biên soạn. Loại sách thực dụng, Thư-Viện Đại-Học, Huế.

★ **Vòng tay náu cả phương trời**, Thi phẩm của Lê-Quân, chủ nhiệm bán nguyệt san Bút-Hoa, 205, Phạm ngũ Lão, Saigon.

★ **Lịch-sử Tư-Tướng Nhật-Bản**, (Phật giáo, Nho giáo, Thần đạo). Khảo luận của Thượng Tọa Thích-thiên-Ân, giáo-sư Tiến-sĩ, Đại-học Văn-khoa Saigon và Vạn-Hạnh.

Đông-phương xuất bản, 243 Sư Vạn-Hạnh, Chợ-lớn. Bản đặc biệt, Dày trên 400 trang.

★ **Năm mộ lòng**, Thơ của Song-Hoài, in Ronéo.

★ **Thư máu Hải-Ngoại**, của Việt-Hải. « Bút sắt tả tình hư mấy chữ, gửi đưa người tâm sự Nước non » Viết tại Trung-Hoa Dân-Quốc.

★ **Bông Hồng Cài Áo**, của Nhất-Hạnh, Lá Bối xuất bản.

★ **Tuyển tập Thi ca**, Tủ sách « các tác phẩm hay ». Bộ Thông-Tin Tâm-Lý Chiến, 1965. Thơ của một số đông Thi-sĩ Việt-Nam Hiện đại. Dày trên 270 trang.

Nhà hàng ĐAI - LA - THIÊN

Điện thoại số 36.893

31-33 Đường Lãn-Ông CHOLON

- Đặc-biệt các món ăn Tiều
- Sạch-sẽ, vệ-sinh và ngon lành
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ phép
- Có máy điều hòa không-khí

Ở lâu 3 lộ-thiên có không-khí thiên-nhiên
trong một khung cảnh huy-hoàng diễm-ảo

ĐÁP BẠN BỔN PHƯƠNG

★ Em Như-Luyến, Trung học P.C.T — Biên-Hòa

« Giác mơ hoa » sẽ in thành sách trong năm 1966. « Giây Bì Rợ » đã hết.

★ Ô. Ng. Kinh-Cung, Trị-Tâm.

Bài « Miệng đời », vì một lẽ riêng, không đăng được. Xin ông gửi cho những bài khác.

★ Bạn Mộng-Tuyết, Thái-Phiên, Đà-nẵng

Diệu-Huyền thành thật cảm ơn thư bạn. Chắc-chắn « Mồ Hôi Nước Mắt » sẽ xuất bản trong năm nay. Chưa định giá loại sách đẹp. Sẽ tin bạn rõ trong Phê-Thông.

8-2-1943 = 4 tháng Giêng, Quý Mùi.

★ Ô. Châu-Sanh-Kỳ, Thoại-ngọc-Hầu, Châu-Đốc.

12-7-1937 là ngày Thứ Hai.

26-4-1940 là ngày Thứ Sáu.

● Bà Thanh-Thủy, Gia-Long, Saigon

Bản « Hiến Chương Liên Hiệp Quốc » làm tại Cựu-kim-Son, (Mỹ) ngày 26 tháng 6 năm 1945, bằng 5 thứ tiếng : Anh, Pháp, Nga, Trung-Hoa, Espagnol.

● Trung-Uý Kha, Cần-Thơ.

Bệnh đau màng óc, là *méningite*. Trung-Uý nên hỏi Bác-sĩ, kỹ hơn. Dư-luận « ăn bí đao khỏi bệnh màng óc », theo tôi biết thì có đúng một phần nào. Năm 1936, thành phố Hà-nội, bị bệnh dịch sưng màng óc, số người chết khá nhiều. Sở Y-tế phải chích thuốc cho toàn thể dân chúng (vì bệnh lây rất nhanh, còn nguy-hiêm hơn dịch tả và dịch hạch). Dư-luận cho rằng nấu bí-đao (trong Nam gọi là bí rợ) ăn để phòng khỏi bệnh, phát-xuất từ đạo ấy.

● Bạn Hồng-Lạc, Trung-học Nguyễn-dinh-Chiêu Mỹ-Tho

Nhạc Jazz nguyên thủy của người da đen ở Bắc Mỹ, chứ không phải ở Phi-Châu. Xuất hiện từ Storyville (ngoại ô La Nouvelle-Orléans, nơi dành riêng cho người Mỹ Da đen) năm 1917. Phê-biến khắp thế-giới từ 1935 đến Đệ-nhi Thế-Chiến. Từ sau Đệ-nhi Thế-

Chiến, nhạc Jazz biến-dổi ra nhiều hình-thức mới : Bop, Bi-bop, Cool, v.v...

● **Bạn Lương-Kim-Khuê, Đại-học Văn-Khoa Saigon.**

Mahâradjah, là chức tiều-vương Ấn-độ.

Trước 1947, xứ Ấn-độ chia ra làm nhiều tiều-quốc (Pendjab, Kashmir, Hiderabad, v.v...) mỗi tiều-quốc do một Mahâradjah cai-trị, làm chúa-tể, nhưng dưới quyền của một chính phủ Trung-Uơng, giống như kiểu « Thập nhị Sứ-quân ».

Từ 1947, Ấn-độ đã được độc-lập và thống nhất lãnh-thổ, các tiều-vương đều được sáp-nhập vào Cộng-Hòa Ấn-độ.

● **Thượng-Tọa Minh-Tuệ, Chùa Giác-Minh,**

Ngày mồng 5 tháng 8 năm Ất-Sửu, tức là ngày Thứ Ba 22-9-1925.

Ai Tín

Vừa được tin ông **THẦN-LIÊN LÊ-VĂN-TẮT** đã từ trần ngày 5-9-1965. Chúng tôi thành thật chia buồn cùng tang quyến và cầu cho hương hồn người quá cố được tiêu điều miền cực lạc.

SONG THU
PHƯƠNG-ĐÀI — TRẦN-QUÂN

LE SECOURS

Công - Ty Bảo - Hiểm và tái Bảo - Hiểm những tai nạn, hỏa-hoạn, hàng-hóa trộm cắp và tất cả các rủi ro

Trụ sở chánh :

30 - 32, đường Laffite — Paris (9ème)

Chi-Cuộc Viễn-Đông

16, đại - lộ Nguyễn - Huệ — Saigon

Điện-thoại : 20.461

● **Bồi thường mau lẹ**

● **Nghi thức giản tiện**

Khị hữu sự hãy hỏi thăm liền chớ ngần ngại — Mọi sự dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiểm,

NGUỒN VUI — SỨC KHỎE


của mọi người và
trong mọi gia - đình



HƯỚC NGỌT CON CỌP Ở ĐẬU
ĐÂY LÀ KHỎE MẠNH, SỐNG LÂU, YÊU DỜI

Cần Đến kinh kỳ, Bần thần đã dưới, hay là đang
hành kinh mà đau bụng, uống :
Lôi Công Hoàn « ÔNG TIÊN ». Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt
Saigon 228) Lê-thánh-Tôn. Nhà thuốc «**Ông Tiên**» (Phú-Lâm Cholon
K.N. BYT. số 1 — 9-5-63

Phong Ngứa, Ghê chốc, lở loét, gãi tới đâu lan tới đó
không phải thoa phết sơ sài ngoài da mà
hết, uống **Giải Phong Sát-Độc-Hoàn « ÔNG TIÊN »**
30 năm sáng lập. Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt.
Nhà thuốc **Ông Tiên** Phú-Lâm Cholon (K.N. BYT. số 3 — 9-5-63)



POLYVIT Ca
TÉVÉTÉ

ĐÀN BÀ DƯỠNG THAI và THỜI KỲ CHO CON BÚ
TRẺ EM ỒN-YẾU, ÉO-ỐT, CHÂM MỐC RÀNG
THUỐC BỔ MÁU, XƯƠNG, PHỔI
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRỪ ÀU-DƯỢC

K.N. số 25 BYTBQCD 18-10-62

Bệnh Kiết

Đau bụng trần thốn khó chịu, **Kiết lỵ**
dùng **Kim Xiên-Đơn** hiệu «**con Ve**» mau hết.

● AI BỊ BỆNH HO :

Ho cảm, Ho khan tắt tiếng, Ho rang tức ngực, uống
thuốc ho **Chỉ Khái Hoàn** hiệu **Con Ve** trừ đàm bở
phổi dứt cơn ho.

Phát hành : **DI-SANH-ĐƯỜNG**, số 13 đường Lê-
văn-Duyet Saigon, các tiệm thuốc bắc có bán.

Xổ Số Kiến-Thiết Quốc-Gia
Giúp nước thêm nhà ta thêm của
3 LÔ ĐỘC ĐẮC
mỗi lô

1.000.000 \$

XỔ THỨ BA HÀNG TUẦN, MỖI VÉ 10 \$

THẦN-TÀI CHẴNG VỊ RIÊNG AI
CỨ MUA VÉ SỐ
THÌ THẦN-TÀI SẼ ĐẾN THĂM

Thuốc bổ huyết điều kinh của Phụ-Nữ

PHỤ-NỮ **HÔI - XUÂN - TỐ** DI-AN-HÒA

Trị : **Kinh nguyệt bất điều**, tháng trời tháng
sụt; khi có ít khi có nhiều, hay dây dưa hoặc mới có hay đau
bụng, tử cung hư hàn hư nhiệt, giãy chằng yếu, bạch đới hạ
khí huyết suy kém xanh xao mệt nhọc, khó thọ thai, hay bị
tiểu sản. Quý Bà dùng Phụ-Nữ : **HÔI-XUÂN-TỐ** để
mau lại sức, ăn ngủ ngon, điều kinh sửa huyết, có tháng
đúng ngày, trị hết bệnh bạch đới tử cung và đau bụng. — (C
bán ở các tiệm thuốc Bắc.

Tổng Phát Hành : **Nhà thuốc : DI-AN-HÒA.**

252 A Lê-thánh-Tôn Saigon

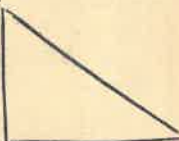
K.N. B.Y.T. Số : 1.188 Ngày 9-6-65



K.N. số 260 ngày 20-6-63

KINH - LÝ VĂN - PHONG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ — Saigon
Điện-thoại 23.187



Phạm - văn - Lạng

Giám-Định Trắc-địa-sư
Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản

SAIGON

K.D. số 1720 ngày 13-9-1965

Giấy phép số 292 CDV/TT/ND ngày 9-10-1961

Quản nhiệm : NGUYỄN-VỸ

ở tại THƯ LÂM ÁN THƯ QUÁN
231-231, Phạm Ngũ-Lão — Saigon



Mẹ khuyên con ...

CORNELL UNIVERSITY
DEC 17 1965

« răng con hãy còn non,
nên giữ một lòng son R Y
với kem thuốc **Perlón**,
để răng mãi trắng trong ».

Các em hãy siêng chải răng sáng sớm
lúc thức dậy và tối khi đi ngủ với

thuốc đánh răng Perlón

có lý tử FLUOR màu nhiệm,
bảo vệ ngà răng chống sâu răng.

Perlón bạn của răng n